



UNITED NATIONS  
VIET NAM



# KHUNG CHIẾN LƯỢC

## HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM  
VÀ LIÊN HỢP QUỐC

GIAI ĐOẠN 2022-2026







UNITED NATIONS  
VIET NAM



# TRANG TUYÊN BỐ CHUNG VÀ CHỮ KÝ



Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống Liên Hợp Quốc tại Việt Nam công bố KHUNG CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC GIAI ĐOẠN 2022-2026 (viết tắt là Khung hợp tác). Khung hợp tác là khung trọng tâm về lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động phát triển của Liên Hợp Quốc ở cấp quốc gia. Khung hợp tác trình bày cụ thể khuôn khổ hỗ trợ chung của Liên Hợp Quốc dành cho Việt Nam nhằm đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) và các ưu tiên phát triển quốc gia.

Khung Hợp tác là cam kết giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc cùng hợp tác với nhau và với các đối tác khác (các tổ chức phi chính phủ, giới học thuật, khu vực tư nhân, và các đối tác phát triển khác) hướng tới một Việt Nam ngày càng mạnh mẽ hơn, giúp tăng cường phúc lợi của tất cả mọi người, đặc biệt là những người thiệt thòi nhất, đẩy mạnh nền kinh tế xanh bao trùm cùng các hệ thống quản trị lấy người dân làm trung tâm, và mọi người được hưởng quyền lợi và cơ hội bình đẳng. Trọng tâm của Khung hợp tác là cam kết không bỏ lại ai phía sau và đáp ứng nhu cầu của những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội Việt Nam.

Bằng việc ký kết văn bản này, Chính phủ Việt Nam và các thành viên của hệ thống Liên Hợp Quốc tại Việt Nam phê duyệt Khung hợp tác 2022-2026 và khẳng định cam kết chung đối với các ưu tiên và kết quả chiến lược của Khung hợp tác.

Thay mặt Chính phủ Việt Nam

**Ông Nguyễn Chí Dũng**

Bộ trưởng  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Thay mặt Liên Hợp Quốc Việt Nam

**Bà Pauline Tamesis**

Điều phối viên Thường trú  
Liên Hợp Quốc tại Việt Nam



## CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Để chứng nhận, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền hợp lệ, đã ký Khung Chiến lược Hợp tác Phát triển Bền vững giữa Liên Hợp Quốc và Việt Nam giai đoạn 2022-2026 vào < ..... > 2022 tại Hà Nội, khẳng định cam kết chung đối với các ưu tiên và kết quả Khung hợp tác.



**Ông Rémi Nono Womdim**  
Đại diện FAO



**Ông Francisco Pichon**  
Giám đốc Quốc gia và Đại diện IFAD tại Việt Nam  
và Thái Lan



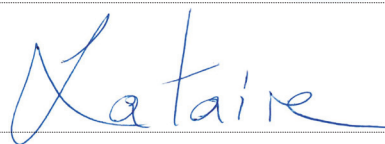
**Bà Ingrid Christensen**  
Giám đốc Quốc gia ILO



**Bà Mi Hyung Park**  
Trưởng phái đoàn IOM



**Bà Pamela Coke-Hamilton**  
Giám đốc điều hành ITC



**Ông Quinten Lataire**  
Cán bộ phụ trách UNAIDS



Điều phối viên Thường trú Liên Hợp Quốc tại Việt Nam  
ký thay **Bà Rebeca Grynspar**  
Tổng Giám đốc UNCTAD



**Bà Caitlin Wiesen-Antin**  
Đại diện thường trú UNDP



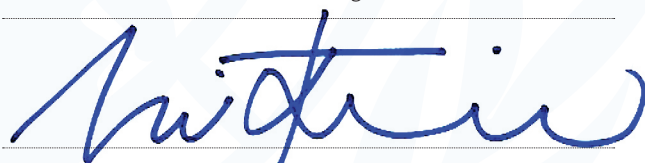
**Bà Dechen Tsering**

Giám đốc Khu vực và Đại diện Văn phòng Châu Á -  
Thái Bình Dương UNEP




**Ông Christian Manhart**

Trưởng văn phòng và đại diện UNESCO



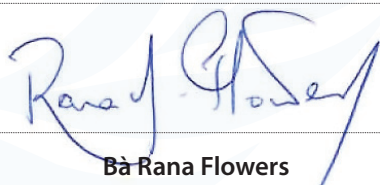
**Bà Naomi Kitahara**

Đại diện UNFPA



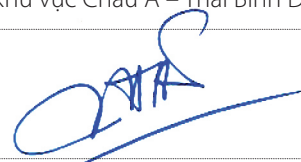
**Ông Bruno Dercon**

Cán bộ phụ trách  
UN-Habitat khu vực Châu Á - Thái Bình Dương



**Bà Rana Flowers**

Đại diện UNICEF



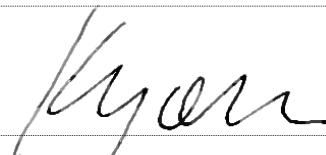
**Bà Lê Thị Thanh Thảo**

Đại diện Quốc gia UNIDO



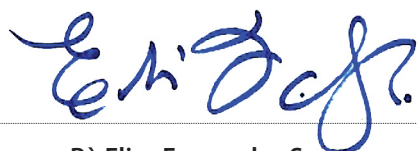
**Bà Nguyễn Nguyệt Minh**

Cán bộ phụ trách UNODC



**Bà Kyoko Yokosuka**

Phó điều phối viên điều hành UNV



**Bà Elisa Fernandez Saenz**

Đại diện UN Women



**Bà Socorro Escalante**

Quyền Đại diện WHO

# MỤC LỤC



TRANG TUYÊN BỐ CHUNG VÀ CHỮ KÝ .....	3
CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM.....	4
TÓM TẮT .....	10
<b>CHƯƠNG 1: TIẾN ĐỘ QUỐC GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 .....</b>	<b>13</b>
1.1. BỐI CẢNH QUỐC GIA .....	14
1.2. CÁC NHÓM CƠ NGUY CƠ BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU.....	17
<b>CHƯƠNG 2: HỖ TRỢ CỦA HỆ THỐNG PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC CHO CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030.....</b>	<b>19</b>
2.1 TỪ PHÂN TÍCH QUỐC GIA CHUNG ĐẾN CÁC ƯU TIÊN CỦA KHUNG HỢP TÁC.....	20
2.2 LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC ƯU TIÊN TRONG KHUNG HỢP TÁC .....	24
2.3 KẾT QUẢ CỦA KHUNG HỢP TÁC .....	35
<b>CHƯƠNG 3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KHUNG HỢP TÁC .....</b>	<b>49</b>
3.1 CƠ CẤU QUẢN LÝ VÀ QUẢN TRỊ KHUNG HỢP TÁC .....	50
3.2 NGUỒN LỰC CHO KHUNG HỢP TÁC .....	52
3.3 XÂY DỰNG CÁC CÔNG CỤ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA CỦA CÁC CƠ QUAN LHQ TỪ KHUNG HỢP TÁC .....	53
3.4 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUNG .....	53
3.5 CHIẾN LƯỢC VẬN HÀNH ĐỂ HỖ TRỢ KHUNG HỢP TÁC .....	54
3.6 QUẢN LÝ NGÂN SÁCH BAO GỒM CẢ CÁCH TIẾP CẬN HÀI HÒA ĐỂ CHUYỂN TIẾN MẶT .....	55
3.7 CẬP NHẬT BÁO CÁO PHÂN TÍCH QUỐC GIA CHUNG CỦA LHQ (CCA).....	56
<b>CHƯƠNG 4: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KHUNG HỢP TÁC .....</b>	<b>57</b>
4.1 KẾ HOẠCH GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ HỌC TẬP .....	58
4.2 GIÁM SÁT KHUNG HỢP TÁC .....	59
4.3 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ QUỐC GIA HÀNG NĂM.....	61
4.4 ĐÁNH GIÁ .....	61
<b>Phụ lục.....</b>	<b>62</b>
PHỤ LỤC 1 - Khung kết quả 2022-2026.....	63
PHỤ LỤC 2 - Phụ lục pháp lý.....	75
PHỤ LỤC 3 - Phương pháp tiếp cận hài hòa đối với giao dịch tiền mặt .....	78
PHỤ LỤC 4 – Ngân sách CF dự kiến .....	81



# DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT



4IR	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AIDS	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
BCĐ	Ban chỉ đạo chung Liên Hợp Quốc – Chính phủ
BOS	Chiến lược Vận hành Hệ thống
Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ KHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
Bộ NNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ YT	Bộ Y tế
CCA	Phân tích quốc gia chung của Liên Hợp Quốc
CPVN	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam
COVID-19	Corona Virus
ESCAP	Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương
FACE	Ủy quyền Quỹ và Giấy chứng nhận Chi tiêu
FAO	Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Liên Hợp Quốc
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GBV	Bạo lực giới
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HDI	Chỉ số phát triển con người

HIV	Virus gây suy giảm miễn dịch ở người
ICSC	Ủy ban dịch vụ dân sự quốc tế
IFAD	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
IOM	Tổ chức Di cư Quốc tế
ITC	Trung tâm Thương mại Quốc tế
JSC	Ban chỉ đạo chung
LGBTI	Đồng tính nữ, Đồng tính nam, Song tính, Chuyển giới, Liên giới tính
LHQ	Tổ chức Liên Hợp Quốc
LNOB	Không để lại ai phía sau
MDP	Nghèo đa chiều
M&E	Giám sát và đánh giá
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OHCHR	Văn phòng Cao ủy Nhân quyền
OMT	Nhóm quản lý hoạt động
OSP	Một kế hoạch chiến lược
PAPI	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công
PDP8	Kế hoạch phát triển năng lượng số 8
PMT	Nhóm quản lý chương trình Liên Hợp Quốc
RCO	Văn phòng Điều phối viên Thường trú Liên Hợp Quốc
(V)SDG	Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (Việt Nam)
SDGCW	Điều tra đo lường các chỉ số SDG về trẻ em và phụ nữ
TCTK	Tổng cục Thống kê Việt Nam
TVET	Giáo dục và Đào tạo Kỹ thuật và Dạy nghề



LHQ	Liên Hợp Quốc
UNAIDS	Chương trình chung của Liên Hợp Quốc về HIV / AIDS
UNCT	Nhóm các cơ quan Liên Hợp Quốc tại Việt Nam
UNCTAD	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
UNDIS	Chiến lược Hòa nhập Người khuyết tật của Liên Hợp Quốc
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNDRR	Văn phòng Liên Hợp Quốc về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai
UNEP	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc
UNESCO	Tổ chức Văn hóa và Khoa học Giáo dục Liên Hợp Quốc
UNFPA	Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc
UN-Habitat	Chương trình Định cư Con người của Liên Hợp Quốc
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc
UNODC	Tổ chức Liên Hợp Quốc về Ma túy và Tội phạm
UNOPS	Văn phòng Liên Hợp Quốc về Dịch vụ Dự án
UNSDG	Nhóm Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc
UNSDCF/CF	Khung hợp tác Phát triển Bền vững Liên Hợp Quốc
UNV	Cơ quan Tình nguyện viên Liên Hợp Quốc
UN Women	Tổ chức Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ
UPR	Rà soát định kỳ phổ quát
WFP	Chương trình Lương thực Thế giới
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới
WP	Kế hoạch hoạt động

# TÓM TẮT



Khung hợp tác Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc được sử dụng để lập kế hoạch và định hướng hoạt động của Hệ thống Phát triển LHQ ở cấp quốc gia. Khung trình bày những lợi thế so sánh và đóng góp chính của Hệ thống Phát triển LHQ cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) theo phương thức phối hợp và lồng ghép. Khung hợp tác phản ánh và cam kết thực hiện các nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau (LNOB), quyền con người, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Khung hợp tác thể hiện các nghĩa vụ của hệ thống LHQ đối với các tiêu chuẩn và điều ước quốc tế.

Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc tại Việt Nam đồng thuận đặt tên văn kiện Khung Hợp tác là KHUNG CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM VÀ LIÊN HỢP QUỐC GIAI ĐOẠN 2022-2026 (viết tắt là Khung hợp tác). Khung hợp tác thể hiện quan hệ hợp tác chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và LHQ và khẳng định hỗ trợ chung của LHQ cho Việt Nam nhằm đạt được các mục tiêu SDG và các ưu tiên phát triển quốc gia trong giai đoạn 2022-2026.

Các ưu tiên phát triển được đề ra trong Khung hợp tác được xác định dựa trên Chiến lược Phát triển Kinh tế-Xã hội 2021-2030 và Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2021-2025 của Việt Nam, các chiến lược và kế hoạch ngành, và báo cáo Phân tích Quốc gia Chung (CCA). Hỗ trợ của LHQ và các cơ chế thực hiện và quản lý được xây dựng dựa trên lợi thế so sánh của LHQ cũng như các bài học và khuyến nghị của báo cáo Đánh giá Kế hoạch Chiến lược Chung 2017-2021 được thực hiện vào năm 2021.

Quá trình xây dựng Khung hợp tác được thực hiện dựa trên cách tiếp cận đa chiều, đa lĩnh vực kết hợp tham vấn với nhiều bên hữu quan, mặc dù có một số hạn chế do đại dịch COVID-19. Quá trình này bao gồm nhiều hội thảo lập kế hoạch và tham vấn đa ngành với các tổ chức thường trú và không thường trú của LHQ, các bộ và cơ quan của Chính phủ ở cấp quốc gia và địa phương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế và địa phương, các doanh nghiệp xã hội địa phương, đại diện công đoàn và hiệp hội (ví dụ đại diện cho phụ nữ, thanh niên, vấn đề thương mại) và các nhóm khác, các đối tác phát triển, các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức nghiên cứu và giới học thuật, các chuyên gia, và khu vực tư nhân. Sự tham gia của các bên cũng được tăng cường thông qua khảo sát trực tuyến

Trên cơ sở phân tích chi tiết và đối thoại đa ngành, Chính phủ Việt Nam và LHQ đã xác định bốn kết quả phát triển ưu tiên dưới đây để LHQ hỗ trợ cho Việt Nam, nhằm đạt được phát triển bền vững cho nhân dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị tụt hậu:

- **Phát triển xã hội bao trùm**, tập trung vào các dịch vụ xã hội và an sinh xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình;
- **Ứng phó với biến đổi khí hậu, khả năng chống chịu thiên tai, và bền vững môi trường**, tập trung vào mục tiêu có môi trường



an toàn và sạch hơn nhờ có hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên;

- **Chia sẻ thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế**, tập trung vào chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng; và

- **Quản trị công và tiếp cận công lý**, tập trung cải thiện quản trị công, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Hình dưới trình bày các kết quả ưu tiên đã được thống nhất, là căn cứ hình thành khuôn khổ hỗ trợ của hệ thống Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam trong giai đoạn 2022-2026.

## KẾT QUẢ ƯU TIÊN CỦA KHUNG HỢP TÁC VIỆT NAM-LHQ GIAI ĐOẠN 2022 – 2026

### Phát triển xã hội bao trùm

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

### Ứng phó với biến đổi khí hậu, Khả năng chống chịu thiên tai, và Bền vững môi trường

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một môi trường an toàn hơn và sạch hơn thông qua các hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

### Chia sẻ sự thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi công bằng và đóng góp vào chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng.

### Quản trị công và Tiếp cận Công lý

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng quản trị công được cải thiện, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Khung hợp tác dựa trên một lý thuyết về sự thay đổi tốt, thể hiện rõ lộ trình đóng góp của LHQ cho phát triển bền vững tại Việt Nam. Các kết quả chiến lược nêu trên hình thành thông qua thực hiện các đầu ra và can thiệp trên cơ sở lợi thế so sánh của LHQ, đồng thời được theo dõi bằng các chỉ số đo lường với đầy đủ dữ liệu ban đầu và chỉ tiêu đặt ra.

LHQ tại Việt Nam cam kết đóng góp vào việc đạt được các kết quả nêu trên dựa trên các đòn bẩy<sup>1</sup> và lợi thế so sánh của hệ thống LHQ. LHQ sẽ áp dụng cách tiếp cận hỗ trợ đổi mới và tiến bộ công nghệ chiến lược; hỗ trợ sản xuất và sử dụng số liệu và bằng chứng; lồng ghép các ưu tiên nâng cao năng lực; xây dựng và duy trì quan hệ đối tác chiến lược; khuyến khích và ứng dụng số hóa; lồng ghép các cách tiếp cận khác nhau trong tài chính và ngân sách phát triển; ưu tiên tăng cường trách nhiệm giải trình trước hệ thống LHQ và người dân Việt Nam; cũng như cam kết giảm mọi rào cản cho việc tham gia.

Để thực hiện các ưu tiên của Khung hợp tác, LHQ tại Việt Nam sẽ huy động nguồn lực từ cấp quốc gia, cấp khu vực và cấp toàn cầu, thực hiện lập kế hoạch và thực hiện chương trình chung, chia sẻ thông tin, truyền thông chung và huy động nguồn lực chung. Tính gắn kết chặt chẽ của hệ thống LHQ sẽ giúp xây dựng quan hệ đối tác toàn diện với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức đoàn thể, khu vực tư nhân, khu vực học thuật, các đối tác phát triển và các tổ chức khu vực trong thực hiện các kết quả ưu tiên, các đầu ra và can thiệp chính, nhằm đạt được các mục tiêu SDG.

Khung hợp tác có xác định một số khả năng rủi ro làm chậm tiến độ thực hiện (ví dụ như những thay đổi về ý chí chính trị, khả năng tiếp cận dữ liệu tin cậy, hạn chế sự tham gia của người dân hoặc các quyền cơ bản, hoặc giảm đầu tư tài chính), đồng thời xây dựng chiến lược giảm thiểu rủi ro một cách thường xuyên. Tác động của đại dịch COVID-19 hiện tại và những đại dịch khác trong

<sup>1</sup> Các đòn bẩy được Liên Hợp Quốc đồng thuận là: đổi mới sáng tạo chiến lược, số hóa, sản xuất dữ liệu và bằng chứng, tài chính và ngân sách, xây dựng năng lực, trách nhiệm giải trình và sự tham gia, và quan hệ đối tác.

tương lai đều có nguy cơ làm giảm khả năng đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế và xã hội, chuyển hướng nguồn lực hiện có, làm tăng bất bình đẳng và khiến người dân nghèo hơn. Do đó, Khung hợp tác nhất quán với các ưu tiên và chiến lược của Kế hoạch Ứng phó Kinh tế - Xã hội COVID-19 của LHQ tại Việt Nam và phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng Toàn quốc XIII.

Khung hợp tác dựa trên các nguyên tắc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, thanh niên, cách tiếp cận theo vòng đời, khả năng chống chịu và giảm thiểu rủi ro, không để ai bị bỏ lại phía sau, quyền con người, tính bền vững, gắn kết xã hội, an ninh con người, và nhạy cảm với xung đột. Khung hợp tác cam kết mạnh mẽ thực hiện nguyên tắc không để ai bị bỏ lại phía sau trong bối cảnh Việt Nam; bao hàm nhóm người nghèo và rất nghèo do COVID-19, dân tộc thiểu số, người không có hoặc không xác định quốc tịch, người khuyết tật, cộng đồng ảnh hưởng bởi bom, mìn chưa nổ và chất độc màu da cam, người di cư nội địa<sup>2</sup>, người sống ở các vùng dễ bị thiên tai, người LGBTI, và người bị ảnh hưởng bởi HIV. Khung hợp tác cũng quan tâm đến các ưu tiên nhân khẩu học liên quan đến trẻ em, thanh niên, phụ nữ và người cao tuổi, với tầm quan trọng không kém.

<sup>2</sup> Trong Khung hợp tác, thuật ngữ “người di cư nội địa” chỉ những người đang di chuyển hoặc đã di chuyển trong lãnh thổ Việt Nam nhằm mục đích tạo lập một nơi cư trú mới tạm thời hoặc lâu dài hoặc với lý do buộc phải thay đổi nơi cư trú, ví dụ những người lánh nạn trong nước, hoặc do tự quyết định thay đổi chỗ ở, như di cư từ nông thôn ra thành thị. Trong giai đoạn năm 2020-21, thuật ngữ này cũng được sử dụng để chỉ những công dân Việt Nam đã phải thay đổi chỗ ở để ứng phó với tác động của đại dịch COVID-19. Thuật ngữ “người di cư quốc tế” ở Việt Nam chỉ những người đang sinh sống trong nước nhưng không phải là công dân hay người mang quốc tịch Việt Nam. Thuật ngữ này bao gồm những người đã di chuyển đến Việt Nam theo diện hợp pháp, có giấy tờ hoặc bất hợp pháp hoặc đang trong tình trạng bất hợp pháp.

# CHƯƠNG 1:

## TIẾN ĐỘ QUỐC GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030



## 1.1. BỐI CẢNH QUỐC GIA



Nhìn chung, Việt Nam có triển vọng phát triển tích cực với nhiều động lực kinh tế, xã hội và chính trị, duy trì đà phát triển của công cuộc Đổi mới khởi điểm từ 35 năm trước đây. Trong giai đoạn 2016-2019, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam rất ấn tượng, do nền tảng công nghiệp hiện đại và sôi động, tạo sản lượng xuất khẩu cao, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài kỷ lục và tăng cường hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu<sup>3</sup>. Xu hướng tăng trưởng kinh tế đi kèm gia tăng đáng kể trong cung cấp và tiếp cận các dịch vụ cơ bản như y tế và giáo dục. Tình trạng nghèo cùng cực tiếp tục giảm, đạt mức giảm khoảng 50 điểm phần trăm kể từ năm 1992<sup>4</sup>. Tỷ lệ nghèo đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều Việt Nam) đã giảm đáng kể từ 9% năm 2016 xuống còn 5.7% năm 2019. Chỉ số Phát triển Con người của Việt Nam cũng tăng cao, năm 2019 đạt nhóm các quốc gia có mức độ phát triển con người cao với GDP bình quân đầu người tăng đáng kể.<sup>5</sup> Tổng dân số tăng từ 32.6 triệu người năm 1960 lên 97.2 triệu người vào tháng 4/2020, đưa Việt Nam trở thành nước đông dân thứ 15 trên thế giới. Gần 70% dân số trong độ tuổi 15-64, tạo cơ hội lợi tức dân số có một không hai; các chính sách và đầu tư đúng đắn, đặc biệt được thực hiện theo cách có lợi cho giới trẻ, có thể giúp tăng trưởng kinh tế - xã hội. Dân số cũng đang già đi nhanh chóng. Nhóm tuổi từ 65 trở lên được dự báo sẽ tăng 2,5 lần vào năm 2050, đặt ra những thách thức nghiêm trọng đối với hệ thống an sinh xã hội và đặc biệt đối với

chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.<sup>6</sup> Có nhiều lĩnh vực mà thanh niên gặp phải rào cản trong tiếp cận các dịch vụ cơ bản và cơ hội kinh tế. Mặc dù trong thập kỷ qua, Việt Nam đạt nhiều tiến bộ về kinh tế - xã hội, vấn đề chênh lệch vẫn tiếp tục hạn chế thanh niên trong tiếp cận giáo dục, chăm sóc sức khỏe - bao gồm chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, việc làm thỏa đáng, và tham gia vào xây dựng chính sách. Người trẻ tuổi chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động, với gần một nửa (49,5%) trong độ tuổi 15-39.<sup>7</sup> Trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có giá trị cao hơn, Việt Nam phải đối mặt nhiều thách thức hơn trong tạo việc làm năng suất và thỏa đáng cho người trẻ tuổi, tăng lực lượng lao động, và cung cấp những kỹ năng phù hợp để mở rộng ngành dịch vụ và sản xuất. Tuy nhiên, bất chấp những thách thức này, các xu hướng kinh tế-xã hội đang diễn ra khiến Việt Nam trở thành một mô hình thành công kiểu mẫu về phát triển trong thập kỷ tới nếu những cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người được thực hiện và suy thoái môi trường được giải quyết hiệu quả.

Việt Nam chính thức tốt nghiệp các khoản vay ưu đãi dành riêng cho các nước nghèo hoặc những nước có mức độ tín nhiệm thấp của Hiệp hội Phát triển Quốc tế vào tháng 7 năm 2017, và sau đó của Quỹ Phát triển Châu Á của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vào tháng 1 năm 2019. Việt Nam cũng lần đầu tiên đạt mức phát triển con người cao vào năm 2020 theo Báo cáo Phát triển Con người của UNDP (HDR) gần đây. Việt Nam đã nhanh chóng được công nhận là một nước có đóng góp địa chính trị mạnh mẽ ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu. Năm 2020, Việt Nam là trường hợp hiếm khi đảm nhận cùng lúc hai trọng trách là Ủy viên luân phiên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ (nhiệm kỳ 2020-2021) và Chủ tịch Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Những thành

3 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-viet-nam>

4 LHQ tại Việt Nam, tháng 9 năm 2020. Hội thảo "Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nông nghiệp, phát triển nông thôn mới và giảm nghèo bền vững ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi". Kamal Malhotra, Điều phối viên thường trú LHQ phát biểu khai mạc. <https://vietnam.un.org/en/91510-workshop-development-high-quality-human-resources-agriculture-new-rural-development-and>

5 <http://hdr.undp.org/sites/default/files/hdr2020.pdf>

6 Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 2019. TCTK Việt Nam. <https://www.gso.gov.vn/en/data-and-statistics/2020/11/completed-results-of-the-2019-vietnam-population-and-housing-census/>

7 Đánh giá quốc gia đa chiều OECD 2020. OECD: Paris



tự này đánh dấu những nấc thang quan trọng trong tiến trình phát triển của Việt Nam.

Những thách thức lâu dài và dai dẳng về Biển Đông vẫn tồn tại. Sách trắng Quốc phòng năm 2019 của Việt Nam cung cấp một cơ chế linh hoạt để mở rộng các mối quan hệ chiến lược và quân sự của Việt Nam, liên quan đến các tranh chấp ở Biển Đông. Tuy nhiên, ngoài vấn đề quốc phòng, chính sách của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa rằng bất kỳ hoạt động thăm dò tài nguyên nào ở Biển Đông đều phải được thực hiện với các đối tác Trung Quốc đã tạo ra tác động tức thì do hạn chế Việt Nam khai thác các nguồn năng lượng trong Vùng đặc quyền kinh tế của mình, gây ra những rủi ro đáng kể đối với an ninh năng lượng, đặc biệt khi nhu cầu sử dụng điện cũng như tình trạng thiếu điện dự báo ngày càng tăng lên.<sup>8</sup>

Trong khi Chính phủ Việt Nam cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững bằng cách tăng cường quản lý lãnh thổ, đất, nước và các tài nguyên thiên nhiên khác, những hình thức sản xuất kinh doanh không bền vững đang ngày càng đe dọa khả năng cung cấp tài nguyên thiên nhiên có giá trị và các dịch vụ thiết yếu cho tăng trưởng kinh tế và sinh kế của môi trường tự nhiên Việt Nam. Các chính sách và chiến lược về biến đổi khí hậu<sup>9</sup> của Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ ở cấp quốc gia và địa phương, tuy nhiên mức độ sử dụng năng lượng hiện tại của Việt Nam tính trên GDP đang ở mức cao nhất trong số các nền kinh tế lớn ở Đông Nam Á<sup>10</sup>. Trong hai thập kỷ qua, thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam đã gây ra thiệt hại ước tính trung bình hàng năm là 1,8 tỷ USD hoặc 1,2% GDP và 660 người chết.<sup>11</sup> Loại thiên tai thường xảy ra và gây thiệt hại nhất ở Việt Nam là bão, lũ lụt, sạt lở đất, nước biển dâng, hạn hán, cháy rừng, nắng

nóng và rét đậm. Các trung tâm dân cư và nông nghiệp lớn nằm dọc trên hơn 3.000 km bờ biển của Việt Nam là những nơi dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai ngày càng thường xuyên, bao gồm nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng, xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt dẫn đến thiệt hại vật chất và sinh mạng.

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam XIII tổ chức từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 1 tháng 2 năm 2021, bầu ban lãnh đạo chính trị mới cho 5 năm tới, đồng thời thông qua các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chính cho 5, 10 và 15 năm tới. Điều quan trọng là Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua tầm nhìn Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Quá trình phát triển của Việt Nam hiện đang đối mặt với những thách thức trong thực hiện Chương trình Nghị sự 2030. Theo ước tính, vào năm 2030, Việt Nam sẽ đạt được 5 mục tiêu SDG (SDG 1 không còn nghèo; SDG 2 không còn đói; SDG 4 giáo dục chất lượng; SDG 13 hành động đối phó với biến đổi khí hậu; SDG 17 quan hệ đối tác)<sup>12</sup>, sẽ gặp khó khăn để đạt được 10 mục tiêu SDG (SDG 3 sức khỏe và phúc lợi; SDG 5 bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; SDG 5 nước sạch và vệ sinh; SDG 7 năng lượng sạch và có thể chi trả; SDG 8 tăng trưởng kinh tế và việc làm thỏa đáng; SDG 9 công nghiệp, đổi mới sáng tạo và cơ sở hạ tầng; SDG 10 giảm bất bình đẳng; SDG 11 các thành phố và cộng đồng bền vững; SDG 15 cuộc sống trên mặt đất; và SDG 16 hòa bình, công bằng và thể chế mạnh)<sup>13</sup>, và nhiều khả năng không đạt được 2 mục tiêu SDG (SDG 12 sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm; SDG 14 cuộc sống dưới nước).<sup>14</sup>

8

9 Đáng chú ý nhất là Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris, Đóng góp quốc gia tự quyết định, Luật Phòng chống thiên tai sửa đổi, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi.

10 Năng lượng và Phát triển khu vực ASEAN. UNESCAP, 2019

11 Xây dựng dữ liệu Em-dat (<https://public.emdat.be/>)

12 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020

13 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020.

14 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020.



Các rào cản chính cho việc đạt được các mục tiêu SDG có liên quan trực tiếp đến:

- Bất bình đẳng hiện nay trong tiếp cận các dịch vụ cơ bản và các cơ hội kinh tế, đặc biệt đối với các nhóm dân cư sống ở vùng xa xôi, hẻo lánh, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực, người cao tuổi, trẻ em và phụ nữ;
- Tác động tiêu cực của thiên tai, suy thoái và ô nhiễm môi trường;
- “Bẫy thu nhập trung bình” tiềm ẩn;
- Sự tham gia chưa đầy đủ của người dân vào quá trình xây dựng chính sách và ra quyết định;
- Năng lực quản trị, hành chính công hạn chế;
- Những thách thức trong việc tăng cường pháp quyền và tăng khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; và
- Thiếu tài chính để thực hiện các mục tiêu SDG<sup>15</sup>.

LHQ tại Việt Nam sẽ hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đạt các mục tiêu SDG thông qua ưu tiên can thiệp cho 12 mục tiêu SDG mà Việt Nam đang gặp khó khăn để đạt được vào năm 2030. Hỗ trợ sẽ được tăng cường thông qua việc hình thành các cơ chế nội bộ của LHQ nhằm xây dựng kế hoạch hoạt động, vận động và huy động nguồn lực chung mang tính sáng tạo và phản hồi, đồng thời đảm bảo cung cấp tư vấn theo nhu cầu để lồng ghép SDG vào các kế hoạch, ngân sách, giám sát và báo cáo quốc gia. Hơn nữa, LHQ vận động lồng ghép cách tiếp cận dựa trên quyền con người và coi những cách tiếp cận này là cốt lõi của tất cả các chiến lược và kế hoạch phát triển để đạt được các mục tiêu SDG, duy trì bền vững và chia sẻ các thành tựu này với

15 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020.

mọi thành viên của xã hội.<sup>16</sup>

Tiến độ đạt được SDG bị ảnh hưởng bởi tác động của biến đổi khí hậu và càng trở nên khó khăn hơn do sự kéo dài của đại dịch COVID-19, đã định hình lại toàn bộ các dự báo trung hạn của Việt Nam và toàn cầu. Năm 2020, GDP chỉ tăng 2,9% (tuy vẫn thuộc hàng cao nhất toàn cầu) và để lại những tác động tiêu cực về kinh tế và xã hội, đặc biệt là đối với phụ nữ, lao động phi chính thức, người di cư nội địa, những người làm trong ngành du lịch. Ước tính có ít nhất hai triệu người rời khỏi thị trường lao động vào năm 2020, con số cao nhất trong mười năm<sup>17</sup>. Khả năng tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục và an sinh xã hội giảm đi đối với hững người Việt Nam dễ bị tổn thương nhất, chủ yếu do cung cấp dịch vụ bị đình trệ và lo sợ lây truyền trong cộng đồng.

Đợt lây nhiễm thứ tư đã nâng tổng số người nhiễm ở Việt Nam lên 839.662 người và có 20.555 người tử vong tính đến ngày 10 tháng 10 năm 2021<sup>18</sup>, từ con số dưới 5.000 người nhiễm và 37 người tử vong trước ngày 27/4/2021 khi bắt đầu đợt bùng phát thứ tư. Các biện pháp giãn cách kéo dài hơn đã được áp dụng ở các thành phố lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cũng ở nhiều tỉnh, thành khác. Do tỷ lệ lây truyền tăng, cần tiếp tục áp dụng các biện pháp phòng chống nghiêm ngặt và tỷ lệ tiêm chủng vẫn ở mức thấp, dự báo tỷ lệ nghèo và cận nghèo tạm thời sẽ gia tăng và nhiều người có nguy cơ nghèo cùng cực, đặc biệt là các hộ gia đình di cư nội địa và dân tộc thiểu số. Đại dịch cũng đã làm gia tăng các vấn đề xã hội như bạo lực gia đình, thiếu chăm sóc sức khỏe do mọi người tránh đi thăm khám bệnh, trẻ em gián đoạn học hành, tăng bỏ học, và nguy cơ gia tăng lao động trẻ em. Những vấn đề này có thể ảnh hưởng hơn nữa đến nỗ lực đạt được các mục tiêu SDG của Việt Nam. Vào giữa tháng 9/2021, Chính phủ thực hiện một

16 <https://unsdg.un.org/2030-agenda/universal-values/human-rights-based-approach>

17 Đánh giá của Liên Hợp Quốc về tác động kinh tế và xã hội của COVID-19 tại Việt Nam (2020), tr. 8

18 <https://ncov.moh.gov.vn/>



đợt tiêm chủng lớn, giúp nới lỏng một cách cẩn trọng các biện pháp ngăn chặn và dần dần phục hồi hoạt động kinh tế.

Trong lĩnh vực tài chính công<sup>19</sup>, đại dịch có thể tác động làm hạn chế những khoản đầu tư cần thiết nhất để đẩy nhanh tiến độ đạt các mục tiêu SDG, đặc biệt là trong các lĩnh vực sử dụng nhiều vốn như ứng phó biến đổi khí hậu, môi trường và cơ sở hạ tầng. Xếp hạng về trình độ phát triển của Việt Nam khiến lượng ODA ngày càng giảm, do đó việc chuyển đổi kinh tế để tạo ra nguồn thu mới sẽ là phương tiện chính để huy động đủ nguồn lực và đầu tư trong nước cho tương lai, đồng thời giảm thiểu nợ công. Một cuộc khủng hoảng kéo dài ở Việt Nam có thể có những tác động tiêu cực đáng kể đến các chỉ số phát triển chính như đo lường nghèo đa chiều, giáo dục, y tế và khả năng tiếp cận các dịch vụ công cơ bản khác. Ngay cả khi không có đại dịch, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với nhiều rào cản trong khi tìm cách đạt được chuyển đổi kinh tế thông qua Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 (4IR) cũng như đạt được nhiều hiệp định thương mại (FTA)<sup>20</sup>. Lực lượng lao động hiện tại chủ yếu là lao động có kỹ năng thấp, do đó thiếu các kỹ năng để hỗ trợ 4IR và đáp ứng các yêu cầu tuân thủ của các hiệp định thương mại. Song song với nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, cần tăng cường tích hợp và trau dồi hơn nữa các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới, và giáo dục, cũng như đẩy mạnh tiếp cận nền kinh tế kỹ thuật số và hấp thụ năng lực kỹ thuật số để thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số hiện nay.

19 Tóm tắt chính sách về tác động kinh tế của COVID-19 tại Việt Nam, tháng 4 năm 2020: tr.8, 13, 15. Liên hợp quốc tại Việt Nam.

20 Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư - có đặc trưng là những đổi mới như trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và công nghệ sinh học - có khả năng chuyển đổi các hệ thống sản xuất, quản lý và điều hành hiện có. UNDP 2018. Phát triển 4.0: Cơ hội và Thách thức để Đẩy nhanh Tiến độ hướng tới các mục tiêu SDG ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương [https://www.undp.org/content/dam/rbap/docs/Research%20&%20Publications/sustainable-development/UNDP\\_EIU%20Development%204.0%20Report\\_FA%20101018.pdf](https://www.undp.org/content/dam/rbap/docs/Research%20&%20Publications/sustainable-development/UNDP_EIU%20Development%204.0%20Report_FA%20101018.pdf)

## 1.2. CÁC NHÓM CÓ NGUY CƠ BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU



Trên tất cả các chỉ số, nhiều nhóm người đã được xác định là thiệt thòi nhất và có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, bao gồm: các hộ gia đình nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số, người không quốc tịch<sup>21</sup> và người không xác định quốc tịch, người nghèo ở nông thôn, tất cả các nhóm phụ nữ, phụ nữ và trẻ em là nạn nhân hoặc có nguy cơ bị bạo lực bao gồm cả bạo lực giới và các hành động có hại khác, người khuyết tật, các cộng đồng ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc màu da cam, người cao tuổi, trẻ em, lao động phi chính thức, người di cư nội địa, nạn nhân buôn bán người, người sống tại các vùng hay gặp thiên tai, người LGBTI, người sử dụng ma túy, người hành nghề mại dâm, người bị ảnh hưởng bởi HIV, và nạn nhân của quấy rối và lạm dụng tình dục. Cần những chính sách dựa trên bằng chứng và các hoạt động tăng cường năng lực quốc gia để giải quyết tình trạng phân biệt đối xử, các hủ tục xã hội, tình trạng bị gạt ra bên lề, và để bảo vệ quyền con người<sup>22</sup>. Các nhóm này cũng đối mặt với khó khăn về địa lý (ví dụ khi cư trú ở khu vực rừng núi), gặp rào cản về văn hóa và ngôn ngữ, định dạng giới tính và xu hướng tính dục, cũng như thiếu đầu tư thích hợp để giảm thiểu những khó khăn này. Những người cùng lúc thuộc nhiều nhóm trên là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau cao nhất do chịu nhiều tầng lớp tổn thương.

21 Một người không quốc tịch được định nghĩa là "một người không được bất kỳ quốc gia nào coi là công dân theo sự điều hành của luật pháp của quốc gia đó". Xem: <https://emergency.unhcr.org/entry/52865/stateless-woman-definition> và Công ước năm 1954 về mối quan hệ của người không quốc tịch: [https://www.un.org/en/genocideprevention/documents/atrocities-crimes/Doc.24\\_convention%20stateless.pdf](https://www.un.org/en/genocideprevention/documents/atrocities-crimes/Doc.24_convention%20stateless.pdf)

22 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-viet-nam>



Người nghèo, dân tộc thiểu số, người có cuộc sống phụ thuộc vào điều kiện khí hậu và môi trường, người cao tuổi, người trẻ tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, và người có bệnh kinh niên là những người đối diện nhiều nhất đối với biến đổi khí hậu, môi trường và thiên tai. Ví dụ, những người bị ảnh hưởng nhất bởi tình trạng nghèo đa chiều cũng dễ bị tổn thương nhất bởi COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, suy thoái và ô nhiễm do nền kinh tế phát thải nhiều carbon và không đem lại lợi ích công bằng cho tất cả mọi người. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số, rất dễ bị tổn thương do thiếu tiếp cận giáo dục, y tế, và thông tin về biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, đồng thời có ít cơ hội tham gia việc làm phi nông nghiệp hơn. Các cá nhân dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và người dân tộc thiểu số cần được đặc biệt quan tâm do đang phải chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm và di cư do biến đổi khí hậu nhiều hơn. Cũng cần tăng cường tạo điều kiện cho sự hiện diện của họ trong các cơ quan ra quyết định. Tất cả những thách thức này cần được giải quyết đồng thời để đảm bảo khả năng tiếp cận công bằng với các dịch vụ cơ bản và cơ hội kinh tế cho tất cả mọi người, mà nếu thực hiện không tốt sẽ góp phần gây ra bất bình đẳng, nghèo đa chiều và dễ bị tổn thương.

# CHƯƠNG 2:

## HỖ TRỢ CỦA HỆ THỐNG PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC CHO CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030



## 2.1 TỪ PHÂN TÍCH QUỐC GIA CHUNG ĐẾN CÁC ƯU TIÊN CỦA KHUNG HỢP TÁC



Quyết định ưu tiên giải quyết các vấn đề về phát triển, xác định thách thức và cơ hội của Khung hợp tác được thống nhất dựa trên quá trình tham vấn, tham gia và tương tác sử dụng các phương thức và công cụ sáng tạo. Cơ sở xác định những ưu tiên này chủ yếu dựa vào báo cáo Phân tích Quốc gia Chung (CCA) năm 2021 và Đánh giá độc lập của Kế hoạch Chiến lược Chung (OSP) 2017-2021. Đánh giá độc lập OSP được xây dựng dựa trên tham vấn rộng rãi và được Chính phủ Việt Nam và LHQ thông qua. Các hội thảo tham vấn nhiều bên cũng được tổ chức để xin ý kiến về dự thảo kết quả chính của CCA. Các ưu tiên mới cũng được Ban chỉ đạo chung (gồm Chính phủ Việt Nam và Nhóm lãnh đạo LHQ) xác định và thông qua.

### PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CÓ TÍNH BAO TRÙM

Trái với thành quả ấn tượng trên nhiều chỉ số kinh tế và xã hội, sự thịnh vượng ngày càng tăng ở Việt Nam lại tạo ra bất bình đẳng do khoảng cách thu nhập tăng lên giữa các nhóm xã hội và vùng miền<sup>23</sup>. Tồn tại chênh lệch trong tiếp cận các dịch vụ xã hội, đặc biệt về y tế, dinh dưỡng, giáo dục, nước, vệ sinh, an sinh xã hội và chăm sóc xã hội, bảo vệ trẻ em, và trao quyền cho người cao tuổi.<sup>24</sup> Cho dù đạt được thành quả đáng kể về giảm nghèo, vẫn còn nhiều nhóm nghèo đa chiều (MDP) trên cả nước, thậm chí trong nhóm trẻ em thuộc các hộ gia đình

không nghèo.<sup>25</sup> Nghèo đa chiều tập trung ở một số nhóm cụ thể đòi hỏi duy trì nỗ lực giảm nghèo.

Giải quyết những vấn đề này đòi hỏi cam kết chính trị mạnh mẽ và một chiến lược phát triển có mục tiêu dựa trên bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ, và các nguyên tắc quyền con người, nhằm tăng cường nhận thức, tri thức và thể mạnh địa phương, tăng năng suất trong nông nghiệp, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững, đồng thời xây dựng một nền tảng công nghiệp xanh có thể kích thích phát triển các ngành công nghiệp phụ, các ngành công nghiệp văn hóa và du lịch sinh thái. Ở những nơi hoặc nhóm dân cư tồn tại nhiều chênh lệch, cần tập trung ưu tiên và định hình lại các hỗ trợ phối hợp về an sinh xã hội, dinh dưỡng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục toàn diện, giáo dục và đào tạo, các dịch vụ nước sạch và vệ sinh, cũng như giảm công việc nội trợ và chăm sóc không có thu nhập.

Nhằm hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo đa chiều cho người dân tộc thiểu số và các vùng miền núi, Khung hợp tác sẽ tập trung hỗ trợ xây dựng các giải pháp đổi mới địa phương và áp dụng các giải pháp này trên quy mô lớn trong khuôn khổ các chương trình và chính sách quốc gia hiện có về giảm nghèo đa chiều và phát triển dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường số liệu và phân tích nghèo đa chiều.

### ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU THIÊN TAI, VÀ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG

Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất do tác động của biến đổi khí hậu và đứng thứ 13 trong số quốc gia bị thiên tai và các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt ảnh hưởng nặng nề nhất theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu năm

23 Báo cáo Kết quả Một Liên Hợp Quốc 2019. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2019. <https://vietnam.un.org/en/52299-one-un-results-report-2019>

24 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-viet-nam>

25 Leander, Sebastian Silva, Nguyễn Việt Cường, Nguyễn Thị Vân Anh (2018): Cải thiện Đo lường Nghèo Đa chiều Trẻ em ở Việt Nam. Kho lưu trữ RePEc cá nhân Munich. Tài liệu số 105954. [https://mpr.ub.uni-muenchen.de/105954/1/MPRA\\_paper\\_105954.pdf](https://mpr.ub.uni-muenchen.de/105954/1/MPRA_paper_105954.pdf)



2021<sup>26</sup>. Các thiên tai thường xuyên và gây thiệt hại lớn nhất ở Việt Nam là bão, lũ lụt, sạt lở đất, nước biển dâng, hạn hán, cháy rừng, nắng nóng và các đợt rét đậm. Khoảng 71% dân số và 59% diện tích đất đai dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, trong đó lũ lụt và bão gây ra tổn thất về người và của nhiều nhất.<sup>27</sup> Trong 3 thập kỷ qua, trung bình một năm, thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu và những sự kiện thời tiết khắc nghiệt ước tính gây thiệt hại 1-1,5% GDP<sup>28</sup> và 430 ca tử vong.<sup>29</sup> Riêng năm 2020, Việt Nam đã phải gánh chịu thiệt hại trên 33,5 tỷ đồng (1,5 tỷ đô la Mỹ) do hậu quả của bão lớn, lũ lụt và sạt lở đất nghiêm trọng.<sup>30</sup> Tuy có nguồn tài nguyên nước dồi dào, Việt Nam hiện đang phải đối mặt với hạn hán, lũ lụt và khan hiếm nước, dẫn đến các vấn đề liên quan đến suy giảm chất lượng nước và ô nhiễm nguồn nước. Khu vực hiện đang chịu tình trạng khan hiếm nước nghiêm trọng là lưu vực sông Thái Bình – sông Hồng, Đồng Nai, cụm sông khu vực Đông Nam Bộ, và Đồng Bằng sông Cửu Long. Với mức độ sử dụng năng lượng như hiện nay của Việt Nam, nếu không thay đổi mô hình tăng trưởng sử dụng nhiều carbon, Việt Nam sẽ tiếp tục là quốc gia phát thải Khí Nhà Kính (GHG) lớn trong khu vực.

Được công nhận là một trong những trung tâm đa dạng sinh học phong phú nhất thế giới, Việt Nam có nhiều hệ sinh thái khác nhau, bao gồm rừng trên cạn, nước ngọt trong nội địa, hệ sinh thái biển và ven biển. Tuy nhiên, những hệ sinh thái này đang trong tình trạng căng thẳng do việc sử dụng không bền vững tài nguyên thiên nhiên, làm

cạn kiệt môi trường, hệ sinh thái, và đa dạng sinh học. Các khoản đầu tư phát triển không được kiểm soát, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng công và tư ở những địa điểm dễ gặp rủi ro thiên tai, đang tạo ra những rủi ro mới đồng thời làm gia tăng khả năng bị tổn thương trước thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu. Chất lượng môi trường ở Việt Nam đang chịu áp lực ngày càng lớn do tốc độ tăng dân số cao, đô thị hóa nhanh, đẩy mạnh công nghiệp hóa và các hoạt động thiếu bền vững. Hơn nữa, các vấn đề về môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí và chất thải, nước thải và ô nhiễm nước đã trở nên vô cùng nghiêm trọng và được người dân quan tâm. Điều này có tác động nghiêm trọng đến biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, cả hai đều góp phần gây tử vong sớm và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người Việt Nam.

Việc xác định các khoảng trống và thách thức cần ưu tiên giải quyết trong lĩnh vực này rất cần thiết do mức độ nghiêm trọng và cấp bách của biến đổi khí hậu kết hợp với thiệt hại kinh tế và phúc lợi do thiên tai và các hiểm họa thiên nhiên gây ra. Xây dựng các hành động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu tập trung vào sinh kế, phúc lợi, sức khỏe, quyền con người, trách nhiệm giới và sự tham gia của những người sống ở các khu vực bị thiên tai là ưu tiên hàng đầu do tình trạng dễ bị tổn thương do thiên tai, thiệt hại về người và của do biến đổi khí hậu, và đại dịch COVID-19. Sự chuyển đổi sang phát triển các-bon thấp, giảm thiểu biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển đi kèm đánh giá rủi ro, giảm ô nhiễm môi trường và rủi ro sức khỏe liên quan cũng là những lĩnh vực được chú trọng do những tác động đa chiều và không đều nhau đối với người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, dân tộc thiểu số và người di cư nội địa do nguyên nhân biến đổi khí hậu. Đưa ra các giải pháp chuyển giao rủi ro có tính sáng tạo và thực tiễn, như tài chính và bảo hiểm rủi ro thiên tai, sẽ giúp giảm gánh nặng tài chính đối với nguồn lực công do tác động của thiên tai. Tập trung vào những vấn đề này sẽ có tác động tăng tốc đối với hầu hết các vấn đề phát triển ở Việt Nam, đặc

26 Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu 2021. <https://germanwatch.org/en/19777>

27 Sổ tay Tham khảo Quản lý Thiên tai của Việt Nam, tháng 12 năm 2018

28 UNDRR và ADPC, tháng 1 năm 2021, Giảm thiểu rủi ro thiên tai ở Việt Nam: Báo cáo Hiện trạng 2020. <https://www.undrr.org/publication/disaster-risk-reduction-viet-nam-status-report-2020>

29 Tổng hợp dữ liệu thiên tai của Việt Nam từ năm 1990 đến năm 2020 từ Cơ sở dữ liệu các sự kiện khẩn cấp (EM-DAT) của Trung tâm Nghiên cứu Dịch tễ học Thảm họa (CRED) <https://public.emdat.be/>.

30 Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Bộ NNPTNT, Việt Nam.

biệt tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho các nhóm dễ bị tổn thương, thúc đẩy nền kinh tế xanh, và vận động thực hiện hành động chống biến đổi khí hậu có trách nhiệm giới nhằm giúp đỡ các đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Hỗ trợ sự tham gia và ảnh hưởng bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong các quá trình ra quyết định liên quan đến khí hậu, cũng như hỗ trợ tiếp cận bình đẳng với các nguồn tài chính, thông tin khí hậu, công nghệ và dịch vụ là những hành động phù hợp để thúc đẩy hành động chống biến đổi khí hậu.

Tăng cường đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên thiên nhiên, kể cả thông qua giảm buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã, cũng cần được ưu tiên do bản chất hàng hóa công của các nguồn tài nguyên này và việc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái, tầm quan trọng đối với an ninh lương thực và nguồn nước, tầm quan trọng của nền kinh tế biển bền vững đối với sinh nhai, hấp thụ carbon, sinh kế và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Tiêu dùng và sản xuất bền vững cũng như các thành phố và nông thôn xanh, sạch và bền vững sẽ được ưu tiên và lồng ghép trong xây dựng các chính sách và sửa đổi hệ thống luật pháp. Điều này bao gồm quy hoạch đô thị, đầu tư vào các sáng kiến hiệu quả năng lượng và chuyển từ trợ cấp nhiên liệu hóa thạch sang trợ cấp xanh và giảm dần và thay thế sản xuất điện than bằng các nguồn năng lượng tái tạo.

Cần đẩy mạnh huy động tài chính khí hậu, thông qua áp dụng các biện pháp không khuyến khích tài chính đối với người phát thải (nguyên tắc người gây ô nhiễm trả tiền), khai thác nguồn vốn tư nhân, áp dụng công nghệ xanh và thực hành kinh tế tuần hoàn bao gồm các phương pháp tiếp cận khu công nghiệp sinh thái, các cơ chế tài chính sáng tạo cũng như các cơ hội ODA. Các tổ chức tài chính quốc tế và các đối tác phát triển chuyên môn có vai trò trong huy động nguồn lực cho hành động biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai do yêu cầu nguồn lực lớn cho các hành

động này (ví dụ: để cải tiến lưới điện) và tính phức tạp của các công cụ tài khóa đã có hoặc mới có. Tuy vậy, cần vai trò tích cực của LHQ trong huy động các nguồn lực cho hành động chống biến đổi khí hậu từ các tổ chức tài chính khí hậu quốc tế như Quỹ Khí hậu Xanh và Quỹ Thích ứng IFAD. Ngoài ra, ngày càng có nhiều cơ chế tài trợ chung liên quan đến khí hậu toàn cầu thuộc hệ thống LHQ mà Việt Nam có thể tiếp cận, cũng như các chính sách và chuyên môn phân tích, vận hành mà LHQ là đối tác tốt nhất tiếp tục cung cấp cho Việt Nam.

## CHIA SẺ SỰ THỊNH VƯỢNG THÔNG QUA CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ

Bất bình đẳng thu nhập đang gia tăng<sup>31</sup> và có thể tiếp tục gia tăng khi nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và khi cấu trúc kinh tế dịch chuyển sang số hóa hơn cũng như ưu đãi hơn đối với lao động có kỹ năng trung bình và cao. Tầm quan trọng của trao quyền kinh tế trong phát triển xã hội bao trùm cần được chú trọng. Để chia sẻ thịnh vượng đòi hỏi phải có chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới để mọi người dân Việt Nam có cơ hội đóng góp vào 4IR và phát huy hết tiềm năng của mình. Trong bối cảnh tăng cường 4IR, chính sách, hệ sinh thái và hỗ trợ mục tiêu đóng vai trò rất quan trọng trong khuyến khích các doanh nghiệp (bao gồm cả các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và hợp tác xã) tăng trưởng có trách nhiệm giới. Chính sách sẽ tập trung vào tăng cường áp dụng công nghệ và công cụ kỹ thuật số tiên tiến và xanh hơn giúp tăng năng suất và khả năng cạnh tranh. Điều này được kỳ vọng sẽ tạo tác động lan tỏa giúp tăng cường tham gia của người dân cả nước để tích cực đóng góp và hưởng lợi từ chuyển đổi kinh tế.

31 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020. Even it Up: Làm thế nào để giải quyết bất bình đẳng ở Việt Nam, Oxfam, 2017; [https://www-cdn.oxfam.org/s3fs-public/file\\_attachments/bp-vietnam-inequality-120117-en.pdf](https://www-cdn.oxfam.org/s3fs-public/file_attachments/bp-vietnam-inequality-120117-en.pdf)

Phân tích bối cảnh tài chính ở Việt Nam nêu bật một số yếu tố chính hiện đang cản trở việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho chuyển đổi kinh tế và đạt được các mục tiêu SDG.<sup>32</sup> Đầu tư cho chuyển đổi kinh tế bền vững và bao trùm cũng như cho thực hiện các mục tiêu SDG còn chưa được ưu tiên thỏa đáng. Các phương án và cơ chế dựa trên bằng chứng ở khu vực công và tư sẽ được hỗ trợ để tăng đầu tư cho các vấn đề xuyên suốt của chương trình SDG, bao gồm cả bình đẳng giới, để đạt được mục tiêu SDG. Trong Chương trình chung Hỗ trợ Việt Nam hướng tới Chiến lược tài chính tích hợp vào năm 2030 nhằm đẩy nhanh tiến độ đạt được các mục tiêu, còn được gọi là Khung Tài chính Quốc gia Tích hợp (INFF), Chính phủ và LHQ sẽ tiếp tục hỗ trợ nền kinh tế xanh và thích ứng với khí hậu toàn diện hơn, hiệu quả hơn, đồng thời xem xét tác động của đại dịch COVID-19 gần đây đối với việc đạt được các mục tiêu SDG.

Phúc lợi và quyền của lực lượng lao động nói chung cũng là một ưu tiên để thúc đẩy năng suất, đặc biệt trước những thách thức do đại dịch gây ra. Giảm tỷ trọng khu vực phi chính thức là rất quan trọng vì phi chính thức thường đồng nghĩa với việc làm dễ bị tổn thương với những điều kiện làm việc không thỏa đáng. Tình trạng phi chính thức cũng tạo ra điều kiện làm việc bấp bênh, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận an sinh xã hội và làm tăng tình trạng việc làm không an toàn, có thể dẫn đến bóc lột.

Tăng cường đầu tư vào các kỹ năng giáo dục cao đẳng đại học, giáo dục nghề nghiệp và quản lý cho các nhóm dễ bị tổn thương phù hợp với nhu cầu thị trường là việc cấp thiết để đảm bảo tăng trưởng bao trùm khi nền kinh tế chuyển dịch theo hướng 4IR. Việc thúc đẩy các tiêu chuẩn việc làm thỏa đáng cũng sẽ làm tăng năng suất và đóng góp cho thực hiện định hướng bảo vệ môi trường tổng thể. Ưu tiên cải thiện liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước khu vực tư nhân với nguồn lực FDI nhằm tăng năng lực sản xuất của các doanh

32 Tài trợ cho Phát triển bền vững ở Việt Nam: Đánh giá Tài chính Phát triển. UNDP Việt Nam, 2018.

niệp này và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn cao về lao động. Cũng cần tiến hành cải cách pháp lý trong nâng cao chất lượng FDI, nhằm cải thiện kết quả kinh tế, xã hội và quản trị. Nền kinh tế kỹ thuật số có thể được mở rộng tương đối nhanh chóng bằng cách nâng cao năng lực thể chế, sự tham gia của khu vực tư nhân, và năng lực quản trị điện tử.

Can thiệp và vận động của LHQ nhằm tăng cường đầu tư vào nguồn nhân lực và đổi mới công nghệ phù hợp yêu cầu của 4IR sẽ giúp tăng cường thể chế thị trường lao động và năng lực sản xuất, kinh doanh. Phụ nữ mọi lứa tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số, người sống ở những vùng xa xôi, hẻo lánh, cũng như lao động phi chính thức và lao động di cư nội địa đang đối mặt với những thách thức lớn để tham gia và hưởng lợi từ chuyển đổi kinh tế do phân biệt đối xử, thiếu tiếp cận và kỹ năng thấp. Những nguyên nhân này thường làm giảm thu nhập và khả năng dịch chuyển kinh tế của họ. Các can thiệp nhằm phát triển xã hội mang tính bao trùm sẽ ưu tiên tăng cường đầu tư vào nguồn nhân lực một cách bình đẳng và dựa trên quyền, trong mối liên hệ với giáo dục và đào tạo nghề.

## QUẢN TRỊ VÀ TIẾP CẬN CÔNG LÝ

Những hạn chế còn tồn tại về khuôn khổ pháp luật và sự tham gia của người dân hiện còn cản trở việc đạt được mục tiêu SDG 5, 6, 10 và 16 và sẽ tiếp tục là một lĩnh vực trọng tâm của LHQ trong Khung hợp tác.<sup>33</sup> Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ nhưng trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi, những người có danh tính giao thoa như trẻ em gái và thanh niên nữ, phụ nữ bị ảnh hưởng bởi HIV, người lao động nhập cư nội địa và nước ngoài, nhóm LGBTI, những người sử dụng ma túy, các nhóm dân cư chính, những người hành nghề mại dâm, nạn nhân buôn người và bạo lực giới,

33 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-vietnam>

và người dân tộc thiểu số đang đối mặt với nhiều thách thức có thể làm giảm hoặc ngăn họ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và cơ hội kinh tế.<sup>34</sup> Cần thực hiện tốt hơn việc hỗ trợ nạn nhân của lạm dụng và bạo lực nhằm vào phụ nữ và trẻ em, bao gồm cả bạo lực giới và lạm dụng người cao tuổi, bóc lột và buôn bán người, người không có hoặc không xác định quốc tịch, các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc màu da cam, rất nhiều người trong số họ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện các ưu tiên nhằm không để ai lại phía sau đảm bảo tăng cường vận động và nâng cao nhận thức về một loạt các vấn đề như môi trường, quyền đất đai và tự do tôn giáo. Đồng thời, cần nâng cao tối đa đóng góp của xã hội cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

Mặc dù Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách về thể chế và tổ chức từ cuối những năm 1980, vẫn cần tiếp tục tăng cường pháp quyền để đảm bảo sự độc lập của hệ thống tòa án, tiếp cận pháp luật bao gồm cả các dịch vụ pháp luật, quyền xét xử công bằng, loại trừ tham nhũng, và nguyên tắc minh bạch pháp luật trong pháp chế đáp ứng đầy đủ các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường sự tham gia của người dân vẫn là ưu tiên chính do còn nhiều trao đổi liên quan đến các khuyến nghị của Đánh giá Định kỳ Phổ quát (UPR) lần thứ 3 đối với Việt Nam và của Ủy ban Nhân quyền do Quy trình Đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền LHQ thông tin. Điều này cũng áp dụng cho việc thực hiện các quyền tự do cơ bản, tiếp cận thông tin và bảo vệ hợp pháp các nhóm dễ bị tổn thương. Tỷ lệ cao về bạo lực đối với phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ khuyết tật) và trẻ em vẫn vẫn là một mối lo ngại, trong khi định nghĩa hiện tại về trẻ em là người dưới 16 tuổi không đảm bảo sự bảo vệ cho tất cả trẻ em dưới 18 tuổi như được quy định trong Công ước về quyền trẻ em. Để xây dựng và giám sát hiệu quả các kế hoạch, chính sách và hệ thống ngân sách đáp ứng nhu cầu cụ thể của các nhóm dễ bị

tổn thương và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, bắt buộc là phải tăng cường thu thập, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu; ưu tiên này sẽ được áp dụng cho tất cả các kết quả của Khung hợp tác.

## 2.2 LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC ƯU TIÊN TRONG KHUNG HỢP TÁC



Các nỗ lực chung của LHQ cho giai đoạn 2022-2026 được thiết kế nhất quán với: Chương trình Nghị sự 2030, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025 của Việt Nam, Đánh giá Kế hoạch chiến lược chung 2017-2021, các đánh giá về bình đẳng giới và người khuyết tật, và Phân tích quốc gia chung 2021 của LHQ. Các phát hiện trong Đánh giá về tác động kinh tế và xã hội của đại dịch COVID-19 tại Việt Nam của LHQ cũng đã được tham khảo để xây dựng Khung hợp tác, đặc biệt liên quan đến những rủi ro đang diễn ra. Thông qua một loạt tham vấn đa bên trong nội bộ LHQ, với Chính phủ và các đối tác khác cũng như các thảo luận chính sách về các xu hướng mới nổi trên toàn cầu, nội dung của Khung hợp tác được hoàn thiện và cung cấp đầy đủ thông tin đầu vào.

Tầm nhìn của LHQ đến năm 2030 đối với Việt Nam được thể hiện thông qua một Lý thuyết về sự thay đổi, được hình thành trên cơ sở quyền con người, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Nếu đạt được phát triển xã hội bao trùm, ứng phó với biến đổi khí hậu, chống chịu thiên tai và bền vững môi trường được ưu tiên trên tất cả các lĩnh vực của khuôn khổ quản trị quốc gia, thịnh vượng chung được hiện thực hóa thông qua chuyển đổi kinh tế, và quản trị toàn diện và tiếp cận công lý đạt được tiến bộ tích cực, thì phát triển bền vững và các

34 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-viet-nam>





mục tiêu SDG sẽ được đạt tiến bộ nhờ Khung hợp tác này vào năm 2026.

Sự tham gia và trao quyền cho người dân Việt Nam là trọng tâm để đạt được hiệu quả của Khung hợp tác, đòi hỏi phải cam kết không để ai phía sau, có trách nhiệm giới, bao trùm, tiếp cận nguồn lực, thể chế mang tính phản hồi, củng cố và thay đổi chính sách, cũng như tạo cơ hội và tiếng nói. Bốn lĩnh vực ưu tiên hình thành nên kết quả của Khung hợp tác phù hợp với các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời phản ánh lợi thế so sánh của LHQ cũng như tầm quan trọng của quan hệ đối tác trong và ngoài LHQ.

LHQ tại Việt Nam được Chính phủ công nhận có ưu thế để vận động và thúc đẩy tham gia cho sự tham gia của các nhóm yếu thế và bên lề, tăng cường bình đẳng giới và quyền con người, huy động kỹ năng, kiến thức, nghiên cứu và số liệu, xây dựng quan hệ đối tác hiệu quả, quy tụ và thúc đẩy hợp tác đa ngành và đa bên. Những lợi thế so sánh này được phản ánh trong tất cả các kết quả của Khung hợp tác.

Tầm nhìn của Khung hợp tác đến năm 2026 là một Việt Nam nơi mà:

- Người dân, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ **các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội** có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình (phù hợp với mục tiêu SDG từ 1 đến 6).
- Người dân, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào **một môi trường an toàn hơn và sạch hơn** thông qua các hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm

rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên (phù hợp với mục tiêu SDG 7, 11 và 13 đến 15).

- Người dân, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi công bằng và đóng góp vào **chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới** dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng (phù hợp với mục tiêu SDG 5, 8 đến 12, và 17).
- Người dân, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng **quản trị công được cải thiện, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử**, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam (phù hợp với mục tiêu SDG 5, 8, 10 và 16).

**Các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có chất lượng** sẽ đạt được nhờ sự hỗ trợ của LHQ về giáo dục chất lượng và học tập lâu dài; tăng cường sức khỏe, bao gồm sức khỏe tình dục và sinh sản, nước sạch và vệ sinh, dinh dưỡng, và các hệ thống ứng phó và dự phòng đại dịch và các trường hợp khẩn cấp; hệ thống bảo trợ và chăm sóc xã hội quốc gia có tính đến rủi ro, có khả năng chống chịu và có trách nhiệm giới; giảm công việc chăm sóc không lương, giảm nghèo đa chiều và bất bình đẳng, tập trung vào các nhóm dân tộc thiểu số, người di cư nội địa, thanh niên, người khuyết tật, người cao tuổi và các nhóm dễ bị tổn thương nhất cũng như quyền của họ.

Các bước hướng tới một **môi trường sạch hơn và an toàn hơn** sẽ đạt được thông qua sự hỗ trợ của LHQ về nâng cao năng lực và chính sách giảm rủi



ro khí hậu và ứng phó với thiên tai có trách nhiệm giới; các chính sách và biện pháp phát triển carbon thấp, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và giảm ô nhiễm môi trường; quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái; và giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người.

**Chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới hơn** sẽ được LHQ hỗ trợ với trọng tâm là đổi mới, làm chủ kinh doanh, tính bền vững, tăng năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng. Các tiêu chuẩn lao động và quyền cho mọi nhóm người lao động sẽ được cải thiện thông qua cải cách thể chế thị trường lao động cho phù hợp hơn với các nguyên tắc kinh doanh và quyền con người của Liên Hợp Quốc; Năng lực hoạch định chính sách và chiến lược sẽ được xây dựng nhằm hỗ trợ nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ bền vững để tạo việc làm thỏa đáng, và các mô hình cấp tài chính, quyền sử dụng đất đai và các tài sản khác; trao quyền kinh tế (đặc biệt cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và phụ nữ cần hỗ trợ để loại trừ gánh nặng công việc nội trợ và chăm sóc không lương) sẽ được hỗ trợ thông qua thúc đẩy các mô hình và thực hành kinh doanh có trách nhiệm (bao gồm cả các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, và hợp tác xã) nhằm tăng năng suất, thương mại, đổi mới, cải thiện điều kiện làm việc và tuân thủ. Các ngành công nghiệp văn hóa và phát triển du lịch bền vững sẽ được tăng cường thông qua hỗ trợ bảo tồn di sản và sáng tạo đô thị. LHQ cũng sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi suôn sẻ và bao trùm sang Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4IR) thông qua tiếp cận và áp dụng các công nghệ, công cụ và nền tảng kỹ thuật số phù hợp. Để đảm bảo cấp tài chính phù hợp cho chuyển đổi kinh tế và thực hiện mục tiêu SDG, LHQ sẽ hỗ trợ xây dựng các cơ chế và lựa chọn đáng tin cậy và thiết thực trong cả khu vực công và tư.

**Cải thiện quản trị công, các thể chế phản hồi, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và**

**tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử** sẽ đạt được thông qua nỗ lực của LHQ trong việc tạo môi trường thuận lợi cho các nhóm dễ bị tổn thương tham gia vào các hệ thống quốc gia, tăng cường pháp quyền, đảm bảo tiếp cận nhận dạng pháp lý và quốc tịch, mở rộng tiếp cận công lý và chống phân biệt đối xử phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam về quyền con người. Việc thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền, sự tham gia và ra quyết định của phụ nữ, thanh niên và cộng đồng LGBTI sẽ đạt được nhờ hỗ trợ của LHQ nhằm nâng cao môi trường xã hội, thể chế và pháp luật. Tập trung cải thiện thái độ và hành động có trách nhiệm giới, theo vòng đời và mang tính văn hóa - xã hội, trách nhiệm giải trình và các khuôn khổ pháp lý và chính sách đổi mới sẽ hỗ trợ loại bỏ phân biệt và bạo lực giới và tất cả các hình thức lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử với các nhóm dễ bị tổn thương. Việc tăng cường hệ thống cơ quan quốc gia, luật pháp, và chính sách sẽ ngăn chặn nạn buôn người, nhập cư bất hợp pháp, lao động trẻ em và lao động cưỡng bức, buôn lậu ma túy, buôn bán sinh vật hoang dã, tham nhũng và rửa tiền. Các chính sách cũng như công tác lập kế hoạch và ngân sách có trách nhiệm giới, dựa trên quyền và bằng chứng sẽ được hỗ trợ thông tin nhờ tăng cường sản xuất, phân tích và sử dụng dữ liệu.

Để đạt được những kết quả này, LHQ tại Việt Nam sẽ tăng cường cam kết đối với những người sống ở Việt Nam. Tuân thủ Hướng dẫn của Nhóm Phát triển Bền vững của LHQ (UNSDG), LHQ sẽ áp dụng các **nguyên tắc chỉ đạo** sau trong tất cả các công việc của mình:

- Không để lại ai phía sau
- Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ
- Trao quyền cho thanh niên
- Khả năng chống chịu (bao gồm cả dự phòng và ứng phó khẩn cấp, các chính sách phát triển

được thông báo về rủi ro và có tính ứng phó với các cú sốc)

- Cách tiếp cận dựa trên quyền con người và theo vòng đời trong phát triển
- Tính bền vững
- Tính giải trình

Trên cơ sở những ưu tiên và nguyên tắc trên, Lý thuyết về sự thay đổi của Khung hợp tác được xây dựng dựa trên những **giả định** sau: các phương pháp tiếp cận phát triển sẽ công bằng, có trách nhiệm giới, có thể chi trả, được thông báo về rủi ro, tích hợp, đa chiều, và dựa trên quyền con người; các hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ giúp cải thiện công tác theo dõi và đánh giá các can thiệp; các cộng đồng dễ bị tổn thương nhất sẽ được ưu tiên; và ngân sách trong nước sẽ tăng lên khi ngân sách quốc tế giảm.

Một số **rủi ro và rào cản**<sup>35</sup>, nếu không được giải quyết, có khả năng tác động đến quỹ đạo phát triển của Việt Nam và cản trở tiến bộ trong nỗ lực của đất nước nhằm đạt được các mục tiêu SDG. Trong đó, những rủi ro sau được coi là có nhiều khả năng ảnh hưởng nhất đến nỗ lực đạt được các mục tiêu SDG và Chương trình nghị sự 2030 tại Việt Nam:

- Thiếu tiến bộ trong việc giải quyết ô nhiễm, giảm thiểu (giảm phát thải khí nhà kính) và thích ứng với biến đổi khí hậu, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, tác động tiêu cực của nền kinh tế sử dụng nhiều carbon, áp dụng nền kinh tế xanh và tuần hoàn, và sản xuất năng lượng sạch với giá cả phải chăng. Nguy cơ xung đột về tài nguyên thiên nhiên cũng gia tăng.
- Ảnh hưởng tăng lên của biến đổi khí hậu,

35 Báo cáo Phân tích Quốc gia Chung 2021 của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam: Tóm tắt chính. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, 2021. <https://vietnam.un.org/en/144078-executive-summary-common-country-analysis-2021-viet-nam>

thiên tai và ô nhiễm môi trường tiếp tục tác động đến người nghèo, những người yếu thế và dễ bị tổn thương nhất.

- Đại dịch COVID-19 tiếp tục làm tăng rủi ro trong đạt được các kết quả về sức khỏe, giảm nghèo, ổn định kinh tế, gắn kết xã hội và bình đẳng giới, với tác động lâu dài về sức khỏe, kinh tế và xã hội vẫn chưa được biết đến.
- Năng lực của hệ thống y tế sẽ có nguy cơ quá tải, ảnh hưởng đến tiến độ điều trị các bệnh không lây nhiễm, đặc biệt tác động đến tuổi thọ và tỷ lệ nghèo đói.
- Đầu tư không đầy đủ cho giáo dục và đào tạo cho trẻ em và thanh niên về kỹ năng số và kỹ năng mềm có thể làm giảm khả năng đạt các mục tiêu 4IR của Việt Nam.
- Tranh chấp lao động tập thể, đình công, và khiếu kiện không theo quy trình pháp luật có thể gia tăng trong khi vẫn đang giải quyết tình trạng hạn chế năng lực thể chế trong hệ thống giải quyết tranh chấp.
- Cải cách dịch vụ hành chính công và những hạn chế về tài chính có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội cho người nghèo ở nông thôn, người dân tộc thiểu số, người vùng cao, và những người không đăng ký hộ khẩu.
- Khủng hoảng COVID-19 làm gia tăng lượng người lao động di cư nội địa và phi chính thức tại các khu đô thị, nơi họ sẽ không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản và nhà ở.
- An ninh mạng yếu khi nền kinh tế số phát triển, đáng chú ý nhất là bảo vệ dữ liệu cá nhân, tài liệu gian lận và độc hại có thể ảnh hưởng đến lòng tin và hiệu quả của quá trình chuyển đổi số.
- Thiếu tiến bộ trong huy động nguồn lực trong nước, gây hạn chế nguồn lực đầu tư để đạt



được các mục tiêu SDG, đặc biệt khi các dòng tiền lớn đang bị suy giảm do đại dịch COVID; và

- Những thách thức liên quan đến khí hậu, đặc biệt là ô nhiễm đại dương, không được giải quyết phù hợp.

Ngoài những rủi ro được xác định ở trên, một số nút tắc có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến việc đạt được các kết quả Khung hợp tác. Bao gồm:

- Thiếu chú ý đến các phương pháp tiếp cận tích hợp và liên ngành/toàn xã hội, cần được giải quyết bằng các phương pháp tiếp cận liên ngành của các tổ chức LHQ và lập kế hoạch chương trình toàn xã hội.
- Huy động không hiệu quả các nguồn tài chính đa dạng, đặc biệt là từ các nguồn tư nhân trong nước.
- Thiếu chú ý đến những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, và bảo vệ quyền con người, trong khi một số nhóm người bị tụt hậu trên nhiều khía cạnh bao gồm thu nhập, y tế, giáo dục, nước, vệ sinh và tiếp cận công lý cho dù đạt được tăng trưởng kinh tế và xã hội trên diện rộng và bền vững.
- Thiếu một hệ thống mạnh cho thu thập, quản lý, phổ biến, tiếp cận, và sử dụng thông tin và dữ liệu để vận động và tác động các nhà lập chính sách cũng như phục vụ đánh giá tiến độ đạt được các mục tiêu SDG và nguyên tắc không bỏ ai lại phía sau. Khoảng trống về dữ liệu cản trở đo lường bất bình đẳng giới (bao gồm cả với phụ nữ trong khu vực phi chính thức), bạo lực giới, và những vấn đề giới khác, cũng như đo lường mức độ dễ bị tổn thương của một số nhóm người nhất định (bao gồm người dân tộc thiểu số, dân di cư nội địa, người khuyết tật, người ảnh hưởng bởi HIV, người sử dụng ma túy, nạn nhân buôn người, và nhóm LGBTI. Khoảng trống dữ liệu hạn chế khả năng

giải quyết những vấn đề quan trọng bất bình đẳng khu vực đô thị, tác động lâu dài của COVID-19, và bất bình đẳng giới.

Để đóng góp vào việc đạt được các kết quả Khung hợp tác, Hệ thống Phát triển LHQ tại Việt Nam cần xây dựng và duy trì quan hệ đối tác rộng rãi (bao gồm cả quan hệ đối tác theo khu vực địa lý hoặc trong lĩnh vực cụ thể) và chịu trách nhiệm hỗ trợ các cấu thành khác nhau của quá trình phát triển. Các cấu thành này bao gồm nhiều nội dung như thực hiện các dịch vụ xác định, xây dựng năng lực trong các lĩnh vực phát triển then chốt, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, hoạt động thể chế và xây dựng chính sách. Những quan hệ đối tác này sẽ được xây dựng để bổ sung những lợi thế so sánh của LHQ, bao gồm:

- Hợp tác trong nội bộ giữa các tổ chức LHQ để tăng cường cách tiếp cận chung trong việc chương trình, chia sẻ và học tập kiến thức, huy động chuyên gia và giám sát, đánh giá kết quả.
- Hợp tác với khu vực nhà nước và tư nhân, đặc biệt trong tăng cường lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và đón các cơ hội mới.
- Tăng cường đối thoại nhằm thúc đẩy đóng góp của khu vực tư nhân song song với quan hệ đối tác với khu vực công, đặc biệt trong các lĩnh vực như đầu tư có trách nhiệm, tài chính sáng tạo, năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, tiến bộ và đổi mới công nghệ.
- Quan hệ đối tác với các tổ chức đa phương và các tổ chức tài chính quốc tế có khả năng cung cấp tài chính cho các dự án quy mô lớn có giá trị cao, đặc biệt về các vấn đề phát triển xanh.
- Hợp tác với các nhà tài trợ song phương, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng và các tổ chức chuyên môn có kỹ năng trong việc cung cấp dịch vụ và các hỗ trợ chuyên

biệt ở cấp địa phương (bao gồm cả các nhóm chuyên môn, tập trung hoạt động để đảm bảo sự tham gia và kết quả phát triển cho những người dễ bị tổn thương và bị thiệt thòi nhất).

Sự hỗ trợ của LHQ tại Việt Nam nhằm đạt được các kết quả đề ra trong Lý thuyết về sự thay đổi sẽ bao gồm các chiến lược, chương trình và sáng kiến cụ thể tập trung vào những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau cao nhất. Với sứ mệnh của mình và trong bối cảnh đại dịch COVID tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, LHQ sẽ tập trung vào các nhóm sau ở Việt Nam: người nghèo, phụ nữ; trẻ em; người thất nghiệp; người khuyết tật; người không có hoặc không xác định quốc tịch; người cao tuổi; người có bệnh mãn tính và các vấn đề sức khỏe mãn tính; người di cư nội địa và lao động khu vực phi chính thức (đặc biệt là phụ nữ); người dân tộc thiểu số; người bị bạo lực gia đình; thanh thiếu niên; người LGBTI; người bị ảnh hưởng bởi HIV bao gồm cả những người sử dụng ma túy, người hành nghề mại dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới và người chuyển giới nữ; các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc màu da cam; nạn nhân của bạo lực; lao động trẻ em; lao động cưỡng bức; nạn nhân của nạn buôn người; nạn nhân của xâm hại và lạm dụng tình dục; và trẻ em không được chăm sóc.

Các tác động tiêu cực của đại dịch có khả năng làm tăng sự phụ thuộc vào các dịch vụ công, gây thêm áp lực lên các hệ thống quốc gia, đặc biệt là trong ngành y tế và xã hội là nơi cung cấp hỗ trợ và ứng phó ban đầu. Tiếp cận với giáo dục chất lượng cũng bị ảnh hưởng bởi đại dịch, dẫn đến giảm tiếp cận của những người dễ bị tổn thương nhất, đáng chú ý là những người không có các thiết bị điện tử và kết nối Internet. Do đó, trọng tâm của LHQ vẫn là hỗ trợ và củng cố các cơ quan quốc gia, xây dựng năng lực thực thi chính sách và tiến hành đổi mới, sáng tạo trong bối cảnh xã hội đang thay đổi nhanh chóng, khi các ưu tiên về bền vững môi trường có thể bị lơ là bởi mục tiêu tăng trưởng kinh tế. LHQ tìm hiểu cách thức làm việc mới, đưa các mô hình thí điểm và sáng tạo vào thực hiện ở

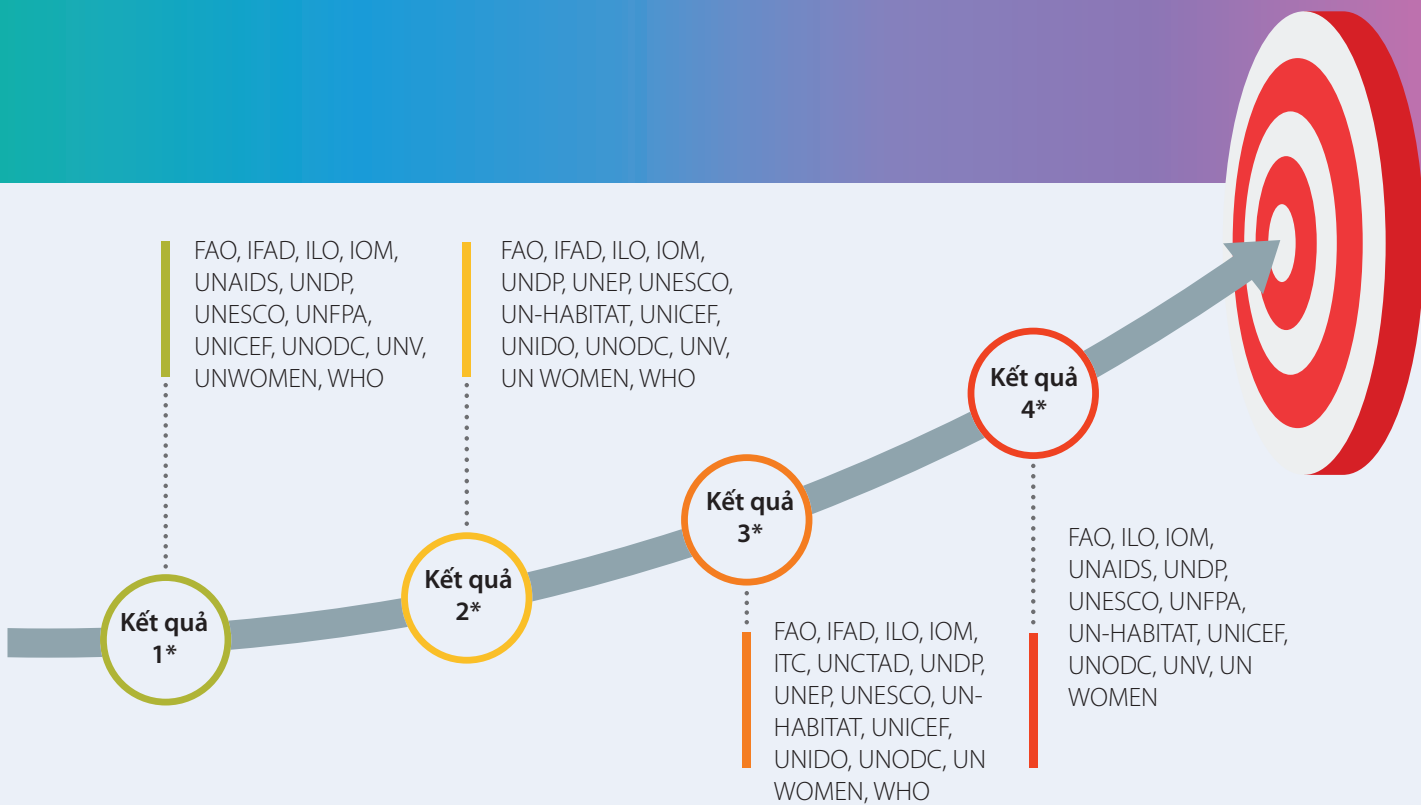
quy mô lớn, đồng thời vận động thay đổi và thực hiện chính sách nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ công bằng và phối hợp.

Lý thuyết về sự thay đổi được củng cố bởi **các khuôn khổ quy chuẩn toàn cầu** trao cho người dân cơ hội nhận thức và thực hiện các quyền của mình. LHQ cũng sẽ hành động dựa trên các khuyến nghị đối với Việt Nam thông qua các cơ chế nhân quyền liên quan của LHQ. Lý thuyết về sự thay đổi thúc đẩy việc thực hiện các hiệp ước mà Việt Nam là thành viên, như Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước về quyền trẻ em, Công ước về quyền của người khuyết tật, Nghị quyết 1325 của Hội đồng bảo an quốc tế của LHQ về tham gia, phòng ngừa, bảo vệ, giải quyết và phục hồi, và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, là chìa khóa để đạt được tất cả kết quả đề ra trong Khung hợp tác. Lý thuyết về sự thay đổi hướng tới việc giải quyết 241 khuyến nghị mà Việt Nam đã nhận và chấp nhận (một phần hoặc toàn bộ) trong chu kỳ 3 của Kiểm điểm định kỳ phổ quát của Hội đồng nhân quyền LHQ. Tương tự như vậy, các ưu tiên trong Lý thuyết về sự thay đổi liên kết với các kết quả ưu tiên của các khung khu vực và toàn cầu, tạo cơ hội đóng góp trực tiếp vào kết quả của các khung phát triển này.

### Nhóm các cơ quan LHQ tại Việt Nam

Hệ thống Phát triển LHQ tại Việt Nam, bao gồm cả các tổ chức thường trú và không thường trú của LHQ, sẽ hỗ trợ thực hiện các kết quả của Khung hợp tác trên cơ sở lợi thế so sánh của từng cơ quan hoặc/và của chung các cơ quan.<sup>36</sup> Lập kế hoạch,

<sup>36</sup> Ngoài ra còn có các cơ quan/tổ chức không thường trú thành viên của Nhóm Phát triển Bền vững LHQ như Cơ quan Kinh tế và Xã hội LHQ (UNDESA), Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP), Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), Văn phòng Cao ủy Nhân quyền (OHCHR), Văn phòng LHQ về Giảm thiểu rủi ro thiên tai (UNDRR), Cơ quan Người tị nạn LHQ (UNHCR) và Văn phòng Dịch vụ Dự án của LHQ (UNOPS), khi cần thiết, sẽ hỗ trợ Chính phủ và UNCT để đạt được các kết quả Khung hợp tác mà chuyên môn của họ được yêu cầu. Các cơ quan/tổ chức không thường trú này không phải là bên ký kết CF này.



thực hiện và giám sát chung sẽ được các tổ chức LHQ phối hợp thực hiện cho từng kết quả của Khung hợp tác. Phối hợp thực hiện giữa các kết quả cũng sẽ được tối đa hóa.

**Các quan hệ đối tác** sẽ được củng cố trong toàn bộ thời gian thực hiện Khung hợp tác nhằm tận dụng kiến thức chuyên môn và nguồn lực cần thiết để hỗ trợ việc đạt được tất cả kết quả đề ra, thúc đẩy sự thay đổi mang tính chuyển đổi cho Việt Nam, nhằm đạt được các mục tiêu SDG. Quan hệ hợp tác sẽ được thực hiện với các quỹ toàn cầu bao gồm Quỹ khí hậu xanh, Quỹ môi trường toàn cầu và Quỹ Tín thác đa bên. Bên cạnh các đối tác là thực hiện truyền thống phía Chính phủ, các quan hệ đối tác mới sẽ được mở rộng bao gồm nhiều các bên liên quan trên cơ sở tiếp cận toàn xã hội.

Quan hệ đối tác với các tổ chức đa phương, như các tổ chức tài chính quốc tế, các đối tác phát triển khác cũng như khu vực tư nhân sẽ được tăng cường để tạo ra các liên minh chiến lược hỗ trợ

huy động đủ nguồn lực để tài trợ cho các mục tiêu SDG và thúc đẩy đổi mới. LHQ sẽ mở các cuộc đối thoại mới để huy động và thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân Việt Nam vào việc đóng góp nguồn lực để đạt được các mục tiêu SDG và áp dụng các nguyên tắc kinh doanh có trách nhiệm của LHQ vào hoạt động của họ. Những thông lệ tốt này sẽ được Chính phủ ủng hộ, nhằm mở rộng đối thoại với các đối tác mới về việc đạt được các mục tiêu SDG ở Việt Nam.

Năng lực triệu tập của LHQ sẽ được sử dụng để xây dựng các hình thức quan hệ đối tác khác nhau về biến đổi khí hậu, năng lượng sạch, chính sách STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật, và toán học), đổi mới, tăng cường hệ thống y tế cũng như tài chính đổi mới để thu hút cả tài chính tư nhân trong nước và nước ngoài. LHQ sẽ thúc đẩy hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp, khu vực học thuật và cộng đồng để đổi mới kinh doanh và tác động xã hội trong tất cả các lĩnh vực kết quả của Khung hợp tác. LHQ sẽ mở rộng hơn nữa quan hệ

đối tác với các đối tác nước ngoài và trong nước, kết nối khu vực công và tư nhân cũng như kết nối các hiệp hội người lao động - người sử dụng lao động, nhằm tăng cường lực lượng lao động và các quan hệ lao động lành mạnh để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và các cơ hội hội nhập kinh tế mới, đặc biệt để tìm ra các bộ kỹ năng cụ thể cho các lĩnh vực tăng trưởng, chuyển giao công nghệ và kiến thức cũng như khung chính sách đổi mới hiệu quả.

LHQ sẽ hợp tác chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các mạng lưới dựa vào cộng đồng, để thúc đẩy quản trị tốt, cải cách luật pháp và tư pháp, đồng thời giải quyết các thách thức xã hội được ưu tiên trong Khung hợp tác. LHQ sẽ ưu tiên quan hệ đối tác với các tổ chức toàn cầu và các mạng lưới đối tác khu vực để hỗ trợ các vấn đề xuyên biên giới, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến bảo tồn hàng hóa công toàn cầu như hành động chống biến đổi khí hậu, ô nhiễm, dòng tài chính bất hợp pháp và buôn người xuyên biên giới.

LHQ sẽ làm việc ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu nhằm huy động **chuyên môn kỹ thuật** có sẵn trong các lĩnh vực: vận động chính sách; thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế; phân tích kinh tế, chính trị và xã hội; số liệu, theo dõi và đánh giá; truyền thông và vận động chính sách; hành động nhân đạo và quản lý rủi ro thiên tai; và các quan hệ đối tác.

LHQ đã xác định **các nguồn lực thường xuyên và không thường xuyên** đã có và nguồn lực cần huy động. Việc lập kế hoạch nguồn lực tài chính đã tính đến đến vai trò đặc biệt của các tổ chức LHQ (ví dụ như UNV là tổ chức huy động tình nguyện viên làm việc cho các tổ chức LHQ khác, do vậy không có nguồn lực thường xuyên), các tổ chức LHQ có chu kỳ ngân sách nhiều năm và các tổ chức có chu kỳ ngân sách hàng năm.

LHQ tại Việt Nam huy động và duy trì đội ngũ cán bộ trong nước và quốc tế chuyên nghiệp, trong đó cán bộ quốc tế chiếm 18% tổng số nhân viên. Điều tối quan trọng là LHQ tại Việt Nam dựa vào năng lực và kinh nghiệm của các cán bộ chuyên môn trong nước để quản lý và thực hiện các chương trình.

Khoảng 2/3 cơ quan LHQ có chương trình tại Việt Nam có đại diện thường trú trong nước, số còn lại có các hình thức đại diện khác nhau như thành lập một văn phòng liên lạc riêng, có cán bộ làm việc thuộc quân số của Văn phòng Điều phối viên Thường trú LHQ, có đại diện tại các văn phòng tiểu vùng, khu vực hoặc văn phòng đa quốc gia, điều hành trực tiếp từ trụ sở chính hoặc thông qua các chuyển công tác hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn.

## Tổng quan Chiến lược

CÁCH THAY ĐỔI/  
TÁC ĐỘNG  
MONG MUỐN

CÁC ƯU TIÊN

CÁC KẾT QUẢ

CÁC NGUYÊN  
TÁC CHỈ ĐẠO

LĨNH VỰC  
XUYÊN SUỐT

CÁC YẾU TỐ  
KIẾN TẠO

**Không bỏ ai lại phía sau (LNOB)**  
Người dân tộc thiểu số, Người nghèo, Người không có hoặc không xác định quốc tịch, Phụ nữ, Trẻ em, Người khuyết tật, Lao động khu vực không chính thức, Người di cư nội địa, Người sống ở các vùng hay gặp thiên tai, Người cao tuổi, Người LGBTI, Cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc màu da cam, Người bị ảnh hưởng bởi HIV, Người sử dụng ma túy, Người có bệnh và các vấn đề sức khỏe mãn tính, trẻ vi phạm nhân và người trẻ tuổi, Người hành nghề mại dâm, Nạn nhân buôn bán người, Nạn nhân lạm dụng và xâm hại tình dục, Người thất nghiệp, Trẻ em, phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi)  
Trọng tâm nhân khẩu học: trẻ em, phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi)

Giảm nghèo trong mọi chiều  
cạnh  
Người dân được trao quyền  
để phát huy hết tiềm năng  
của họ

Phát triển Xã hội Bao trùm

1. Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Không để ai lại  
phía sau

Quyền con  
người

Đổi mới chiến lược  
Số hóa

Môi trường an toàn hơn và sạch  
hơn  
Quyền con người được đáp ứng  
và không ai bị bỏ lại phía sau

Ứng phó với Biến đổi Khí hậu,  
Khả năng Chống chịu Thiên tai,  
và Bền vững Môi trường

2. Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một môi trường an toàn hơn và sạch hơn thông qua các hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Khả năng chống  
chịu / Giảm thiểu  
rủi ro

Bình đẳng giới

Sản xuất dữ liệu và bằng chứng  
Tài chính và ngân sách

Chuyển đổi kinh tế bền  
vững, bao trùm, có trách  
nhiệm giới  
Năng cao năng suất, khả  
năng cạnh tranh và việc làm  
thỏa đáng

Chia sẻ Thịnh vượng thông  
qua Chuyển đổi Kinh tế

3. Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi công bằng và đóng góp vào chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, năng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng.

Bình đẳng giới  
và trao quyền  
cho phụ nữ

Thích ứng và giảm thiểu tác  
động của Biến đổi Khí hậu

Xây dựng năng lực  
Trách nhiệm giải trình và  
sự tham gia

Xã hội an toàn, công bằng  
và bao trùm  
Tăng cường pháp quyền  
Thoát khỏi mọi hình thức  
bạo lực

Quản trị và Tiếp cận Công lý

4. Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng quản trị công được cải thiện, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Trách nhiệm giải trình

Ứng phó Nhân đạo và Đại  
dịch

Các quan hệ đối tác

RỦI RO  
COVID-19, Biến đổi khí hậu, giảm ý chí chính trị, thay đổi hệ thống chính phủ, giám hoặc hạn chế đầu tư tài chính, hạn chế dữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, hạn chế sự tham gia của người dân và các quyền cơ bản



## Lý thuyết về sự thay đổi

### TỔNG QUAN VỀ LỘ TRÌNH THAY ĐỔI - LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI

Đến năm 2026, Việt Nam sẽ có phát triển xã hội bao trùm; thích ứng với biến đổi khí hậu, chống chịu thiên tai và bền vững môi trường; chia sẻ thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế; quản trị tốt và tiếp cận công lý.

#### 1. Phát triển Xã hội Bao trùm

- 1.1. Hệ thống giáo dục ở Việt Nam cung cấp giáo dục và học tập có trách nhiệm giới, bình đẳng, chống chịu với biến đổi khí hậu, và có chất lượng, nhằm trang bị cho tất cả trẻ em, thiếu niên, thanh niên và người lớn các kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng mềm và kỹ năng số phù hợp, kể cả cho các trường hợp khẩn cấp.
- 1.2. Hệ thống quốc gia về y tế, nước sạch và vệ sinh, dinh dưỡng, chuẩn bị và ứng phó với tình trạng khẩn cấp và đại dịch được củng cố để đảm bảo rằng tất cả mọi người, tập trung ưu tiên vào nhóm dễ bị tổn thương, được tiếp cận công bằng với các dịch vụ toàn diện, chi phí hợp lý, có tính chuyển hóa về giới, chống chịu với biến đổi khí hậu và nhạy cảm với môi trường, và có tập quán hành vi lành mạnh.
- 1.3. Hệ thống an sinh và chăm sóc xã hội quốc gia mang tính bao trùm, gắn kết và tích hợp, áp dụng các phương pháp tiếp cận theo vòng đời, có tính đến rủi ro, có khả năng chống chịu và có trách nhiệm giới với trọng tâm là đáp ứng nhu cầu của nhóm người dễ bị tổn thương nhất.
- 1.4. Các chính sách dựa trên bằng chứng và các giải pháp sáng tạo được thông qua và nhân rộng nhằm giảm nghèo đa chiều và bất bình đẳng, tập trung vào các nhóm dân tộc thiểu số và dễ bị tổn thương nhất.

SDG 1-6

#### 2. Ứng phó với Biến đổi Khí hậu, khả năng Chống chịu với Thiên tai, và Bền vững Môi trường

- 2.1. Nâng cao năng lực và các chính sách có trách nhiệm giới để xác định và giảm thiểu rủi ro khí hậu, ứng phó với thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.
- 2.2. Đẩy nhanh việc thực hiện các chính sách và biện pháp cũng như nâng cao nhận thức và sự tham gia của các bên liên quan để phát triển theo hướng phát thải các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và giảm ô nhiễm môi trường.
- 2.3. Tăng cường năng lực thể chế và hành động từ tất cả các bên liên quan để quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và hệ sinh thái.
- 2.4. Nâng cao năng lực để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người.

SDG 7, 11, 13- 15

**Đến năm 2026, Việt Nam sẽ có phát triển xã hội bao trùm; thích ứng với biến đổi khí hậu, chống chịu thiên tai và bền vững môi trường; chia sẻ thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế; quản trị tốt và tiếp cận công lý.**

### 3. Chia sẻ Thịnh vượng thông qua Chuyển đổi kinh tế

- 3.1. Cải cách thể chế thị trường lao động nhằm nâng cao tiêu chuẩn lao động cho tất cả các loại hình lao động và chính thức hóa việc làm phi chính thức.
- 3.2. Tăng cường năng lực quốc gia được để xây dựng và thực hiện các chính sách và chiến lược dựa trên bằng chứng, đồng thời tăng cường các hệ sinh thái thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo hướng bao trùm, chuyển đổi và bền vững để tạo được việc làm thỏa đáng.
- 3.3. Thúc đẩy các mô hình và thực hành kinh doanh bền vững, bao trùm và có trách nhiệm bao gồm cả các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và hợp tác xã để tăng năng suất, phát triển thương mại và đổi mới, đồng thời để cải thiện điều kiện làm việc và tuần thủ, đặc biệt tập trung vào trao quyền kinh tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và phụ nữ.
- 3.4. Tăng cường bảo tồn di sản và triển khai các sáng kiến về đô thị để tăng cường các ngành công nghiệp văn hóa và thúc đẩy du lịch bền vững.
- 3.5. Thúc đẩy các lựa chọn và cơ chế dựa trên bằng chứng để mở rộng tài chính công và tư nhằm đạt được các mục tiêu SDG.
- 3.6. Tăng cường áp tiếp cận và ứng dụng công nghệ, công cụ và nền tảng kỹ thuật số phù hợp để tạo điều kiện cho chuyển đổi thuận lợi và bao trùm sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4IR).

SDG 5, 8 - 12, 17

### 4. Quản trị và Tiếp cận Công lý

- 4.1. Tạo môi trường thuận lợi hướng tới các hệ thống quốc gia sáng tạo, có tính phản hồi, có trách nhiệm giải trình và minh bạch, có sự tham gia của các nhóm để bị tổn thương trong quá trình phát triển bền vững.
- 4.2. Tăng cường các thể chế và hệ thống quốc gia nhằm nâng cao pháp quyền, mở rộng khả năng tiếp cận công lý và chống lại sự phân biệt đối xử, tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương, theo hướng có trách nhiệm với trẻ em, thanh niên và giới phù hợp với các thông lệ và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế.
- 4.3. Tăng cường môi trường xã hội, thể chế và luật pháp nhằm tăng tốc việc đạt được các thành tựu về bình đẳng giới, nâng cao vị thế, tăng cường tham gia và ra quyết định của phụ nữ, và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và những người LGBTI.
- 4.4. Chuyển đổi thái độ và thực hành văn hóa xã hội, trách nhiệm giải trình, khuôn khổ pháp lý và chính sách nhằm xóa bỏ bạo lực giới và tất cả các hình thức lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử với các nhóm dễ bị tổn thương.
- 4.5. Củng cố luật pháp, chính sách và hệ thống cơ quan nhà nước để ngăn chặn và giải quyết nạn buôn người, nhập cư lậu, buôn ma túy bất hợp pháp, buôn bán động vật hoang dã, tham nhũng và rửa tiền, đồng thời đảm bảo quyền tiếp cận công bằng với các hệ thống bảo vệ cho nạn nhân, nhân chứng và các nhóm dễ bị tổn thương khác, đặc biệt là người di cư, phụ nữ và trẻ em.
- 4.6. Tăng cường sản xuất, phân tích và sử dụng dữ để cung cấp thông tin cho việc lập chính sách, kế hoạch, ngân sách dựa trên bằng chứng và dựa trên các quyền con người.

SDG 5, 8, 10, 16

## 2.3 KẾT QUẢ CỦA KHUNG HỢP TÁC

### LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỦA LHQ

#### KẾT QUẢ KHUNG HỢP TÁC SỐ 1:

**Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình.**

Tình trạng nghèo đa chiều và nghèo cùng cực tiếp tục giảm ở Việt Nam kể từ năm 2015<sup>37</sup> đi đôi với sự cải thiện đáng kể về các chỉ số phát triển con người. Tuy nhiên, nguy cơ quay lại nghèo đói vẫn cao trong một số nhóm dân cư và thậm chí tăng lên trong đại dịch. Mức giảm nghèo không đều mà có sự chênh lệch giữa các khu vực. Tỷ lệ nghèo đa chiều cao hơn ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên, nơi tập trung dân tộc thiểu số sinh sống. Phụ nữ, thanh niên, trẻ

37 Nghèo đa chiều ở Việt Nam: Giảm nghèo ở mọi khía cạnh để đảm bảo cuộc sống tốt đẹp cho mọi người. Bộ LĐTBXH và UNDP, 2018. <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/poverty/MDPR.html>.

em, người cao tuổi, lao động di cư nội địa và khu vực phi chính thức, người không có hoặc không xác định quốc tịch, và người khuyết tật chịu ảnh hưởng ở mức độ cao hơn. Đầu tư của Nhà nước cho an sinh xã hội đã tăng nhờ các hệ thống an sinh xã hội được xây dựng, cụ thể là Kế hoạch tổng thể cải cách trợ giúp xã hội (2017-2025), Kế hoạch tổng thể cải cách bảo hiểm xã hội và các Kế hoạch hành động (2018-2030). Tuy nhiên, mức hỗ trợ còn thấp, phạm vi bao phủ phân tán và hạn chế do định nghĩa và lựa chọn đối tượng thụ hưởng<sup>38</sup>. Điều này có tác động tiêu cực đến người lao động khu vực phi chính thức, người nghèo, trẻ em, người cao tuổi, thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật, người sử dụng ma túy, người hành nghề mại dâm, nạn nhân buôn bán người, và người bị ảnh hưởng bởi HIV, đồng thời cản trở nỗ lực xóa bỏ các hình thức việc làm không thỏa đáng. Tình trạng đói và suy dinh dưỡng đã giảm ở hầu hết các tỉnh, tuy nhiên tình trạng đói ở Việt Nam có tính mùa vụ, chủ yếu do thiên tai và thời tiết cực đoan, tập trung ở vùng núi Miền núi phía Bắc, vùng Duyên hải Bắc và Nam Trung bộ, Tây Bắc và Tây Nguyên<sup>39</sup>. Trong khủng hoảng COVID-19, lo ngại về đói ăn đã lan đến các khu vực thành thị khi các biện pháp giãn cách nghiêm ngặt được thực thi trong nhiều tháng giữa năm 2021.

Việt Nam đã giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm, cùng với việc tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu đã cải thiện các chỉ số chính về sức khỏe trong ba thập kỷ qua. Cần xóa bỏ các rào cản để có dịch vụ y tế với giá phải chăng, chất lượng tốt và dựa trên quyền. Đồng thời cần tập trung vào việc giảm tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ em, đặc biệt trong nhóm dân tộc thiểu số, tăng cường dịch vụ cho dân số đang già đi và tăng cường các chính sách, nhận thức và thúc đẩy y tế. Mối quan tâm ngày càng tăng về sức khỏe tâm thần, đặc biệt là ở người lớn tuổi, thanh thiếu niên,

38 Tập trung vào gia đình: Gợi lợi ích ngắn hạn để mở rộng phạm vi bao phủ an sinh xã hội đa tầng ở Việt Nam. ILO, 2020.

39 Báo cáo Quốc gia về Tiến độ thực hiện các mục tiêu SDG 2020.

đòi hỏi phải mở rộng các dịch vụ hỗ trợ và can thiệp sớm có chất lượng bao gồm giáo dục kỹ năng sống và tính dục toàn diện. Việt Nam đang còn nhu cầu kế hoạch hóa gia đình chưa được đáp ứng, đặc biệt đối với các biện pháp tránh thai hiện đại, cao nhất là ở nhóm dân tộc thiểu số và người di cư nội địa, dẫn đến tỷ lệ tử vong mẹ cao. Đại dịch COVID hiện đang ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và hạn chế nguồn lực quốc gia, ảnh hưởng đến những thành quả đã đạt được của ngành y tế. Các vấn đề liên quan đến tiếp cận chăm sóc y tế của người khuyết tật cần được hiểu rõ và giải quyết.

Tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học và trung học<sup>40</sup> đạt gần mức phổ cập, tuy nhiên các yếu tố giới, địa bàn, dân tộc, tình trạng nghèo đói, khuyết tật, và tình trạng di cư có tác động đến khả năng tiếp cận giáo dục. Đồng thời, vấn đề chất lượng chung của giáo dục đáng được quan tâm. Trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật và trẻ em không đi học là những người có nguy cơ cao bị bỏ lại phía sau. Hiện nay, vị trí địa lý, tình trạng nghèo đói và tình trạng không có lớp học ở một số địa bàn là những rào cản chính để trẻ em, thanh thiếu niên đi học.<sup>41</sup> Tồn tại chênh lệch lớn trong tiếp cận giáo dục của các gia đình có hoàn cảnh kinh tế khác nhau, gây ra khoảng cách đáng kể trong kết quả hoạt động của nhà trường.<sup>42</sup> Đại dịch COVID-19 đã cho thấy chênh lệch rõ ràng trong tiếp cận kỹ thuật số, chủ yếu tác động đến người cao tuổi, học sinh ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi và các vùng dân tộc thiểu số.

Nhìn rộng hơn, giáo dục chưa được kết nối tốt với nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt trong xây dựng kỹ năng mềm và kỹ thuật số. Tương tự như vậy, cần nỗ lực hơn nữa để đảm bảo tiếp cận

biên đảng hơn với kiến thức bậc cao đẳng và đại học thông qua xây dựng và chia sẻ các nguồn học liệu mở và các khóa học trực tuyến cho toàn dân, đồng thời tăng cường giáo dục và đào tạo kỹ thuật và nghề (TVET) để đáp ứng tình trạng thiếu hụt tay nghề có kỹ năng của Việt Nam. Người cao tuổi, đặc biệt là những người ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, gặp nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận thông tin và dịch vụ trực tuyến/kỹ thuật số và đang bị bỏ lại trong thời đại kỹ thuật số. Điều này càng đúng hơn trong đại dịch COVID-19, hầu hết thông tin và dịch vụ đã được chuyển đổi từ các hình thức truyền thống sang các nền tảng trực tuyến và kỹ thuật số, trong khi người cao tuổi có kiến thức và khả năng tiếp cận hạn chế. Việc tiếp cận công nghệ số cho người cao tuổi cần được tăng cường thông qua việc nâng cao kiến thức và kỹ năng. Cần phát triển giáo dục thường xuyên và học tập suốt đời, thích ứng thiết bị và phần mềm, và cung cấp hướng dẫn cho người cao tuổi để họ có thể hội nhập thành công.

Khả năng tiếp cận với nguồn nước sạch tăng từ 80% năm 2000 lên 95% năm 2017 mặc dù còn có sự chênh lệch giữa các vùng. Có 88,9% hộ gia đình hiện sử dụng hố xí hợp vệ sinh.<sup>43</sup> Tuy nhiên, vẫn còn 26 triệu người dân nông thôn không được sử dụng nước sạch, 16 triệu người không có hố xí hợp vệ sinh và 7,7 triệu học sinh không có nước sạch và thiết bị nước sạch, vệ sinh tại trường. Đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn vẫn đang có hạn chế trong tiếp cận nước sạch và vệ sinh, tập quán phóng uế bừa bãi còn tồn tại ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và Miền núi phía Bắc. Tỷ lệ rửa tay bằng xà phòng thấp đang làm tăng nguy cơ lây truyền COVID-19, nhấn mạnh nhu cầu chi tiêu nhiều hơn cho nước sạch và vệ sinh, đặc biệt cho hoạt động tuyên truyền, cấp nước thành thị và nông thôn (bao gồm cả cho trường học và trung tâm y tế), và hệ thống quản lý chất lượng.

Việt Nam đã đạt được kết quả đáng kể trong giảm

40 Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, TCTK. Ước tính tỷ lệ nhập học đúng tuổi cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông lần lượt là 98, 89,2 và 68,3%.

41 Báo cáo về Trẻ em ngoài Nhà trường: Nghiên cứu Quốc gia Việt Nam 2016. Bộ GDĐT, Viện Thống kê UNESCO và UNICEF, 2018.

42 Nghiên cứu quốc tế về tình trạng nghèo ở trẻ em 2013-2014. Young Lives, 2014.

43 Chương trình Giám sát chung - Tiến độ về nước uống, vệ sinh và vệ sinh hộ gia đình 2000-2017, tr 104. UNICEF và WHO, 2019.

suy dinh dưỡng trẻ em. Tuy nhiên, tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi vẫn ở mức cao, 19,6%, và ở mức rất cao ở các dân tộc thiểu số, 32%. Chế độ dinh dưỡng và ăn bổ sung của bà mẹ chưa đầy đủ đã làm giảm tiến độ giảm suy dinh dưỡng. Việt Nam đang phải đối mặt với “gánh nặng nhân ba về suy dinh dưỡng” là thiếu dinh dưỡng, thiếu vi chất và thừa cân béo phì. 19% trẻ em và thanh thiếu niên bị thừa cân hoặc béo phì, tăng hơn gấp đôi trong vòng mười năm. Tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 26,8%.

Phân phân tích tổng thể đã xác định bốn thách thức chính ảnh hưởng đến việc cung cấp các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội, đạt được các mục tiêu SDG, bình đẳng giới và việc thực thi quyền con người: i) **trên cả nước, có sự chênh lệch đáng kể** về cung cấp giáo dục chất lượng và học tập suốt đời để đảm bảo học tập thích ứng với các tình huống khẩn cấp, cũng như cung cấp các kỹ năng mềm và kỹ thuật số; ii) **Tồn tại chênh lệch trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế, nước sạch, vệ sinh, và dinh dưỡng**, sự chênh lệch sẽ nghiêm trọng hơn khi có biến cố về sức khỏe và môi trường; iii) **Hệ thống an sinh và chăm sóc xã hội phân tán với phạm vi và độ bao phủ còn hạn chế**, cần được cải thiện để tiếp cận được những đối tượng cần hỗ trợ nhất; và iv) **Cần cải thiện năng lực xây dựng chính sách và thể chế để đảm bảo giảm nhanh tỷ lệ nghèo đa chiều** hiện đang ở mức cao trong nhóm người dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương, nhằm mang lại lợi ích cho tất cả người Việt Nam và giảm bất bình đẳng.

i. Cần tăng cường hơn nữa chất lượng của hệ thống giáo dục và học tập suốt đời. LHQ sẽ hỗ trợ thông qua nâng cao năng lực của địa phương và quốc gia trong xây dựng các chính sách có trách nhiệm giới, lập kế hoạch và ngân sách cho các cơ hội học tập chất lượng, thông minh, công bằng, bao trùm và đổi mới cho tất cả mọi người, đặc biệt tập trung vào các nhóm mục tiêu (đặc biệt là dân tộc thiểu số, trẻ vị thành niên, và trẻ em khuyết tật) và đảm bảo tính liên tục ngay trong các hoàn cảnh khẩn

cấp. LHQ cũng giúp tăng cơ hội học tập (trong và ngoài trường học) bình đẳng, có trách nhiệm giới, bao trùm, chất lượng, và đổi mới, đồng thời tăng cường học tập suốt đời (bao gồm cả giáo dục kỹ năng sống, giáo dục giới tính toàn diện và giáo dục nghề nghiệp). LHQ cải thiện kỹ năng học tập, kỹ năng sống, kỹ năng mềm và kỹ thuật số, tăng cường tham gia của tất cả trẻ em và thanh thiếu niên, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất. LHQ cũng sẽ nâng cao nhận thức và trang bị cho cộng đồng, gia đình, cha mẹ, các chuyên gia giáo dục, người chăm sóc, tất cả trẻ em và thanh thiếu niên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để góp phần thay đổi các thông lệ xã hội và giới có hại.

ii. LHQ sẽ thực hiện các ưu tiên về y tế, nước sạch, vệ sinh, dinh dưỡng, hệ thống phòng chống và ứng phó các tình huống khẩn cấp và đại dịch, thông qua hỗ trợ ra quyết định và xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng và dựa trên quyền. Theo đó, LHQ sẽ hỗ trợ tăng cường hệ thống thông tin quản lý y tế, giám sát bệnh tật và theo dõi các xu hướng sức khỏe. LHQ sẽ giúp tăng cường hệ thống quản trị, bao gồm các khuôn khổ pháp lý và quy định, đặc biệt là đối với các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. LHQ sẽ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cùng với vận động chính sách dựa trên bằng chứng để xây dựng các chính sách và kế hoạch quốc gia và địa phương tập trung vào các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục; sức khỏe trẻ em, trẻ sơ sinh, và vị thành niên; dinh dưỡng; chăm sóc tổng hợp cho người cao tuổi; các bệnh không lây nhiễm; HIV; sức khỏe môi trường và sức khỏe dân cư nội địa và nước ngoài. LHQ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới cơ chế tài chính (bao gồm cả tài chính khu vực tư nhân và tài chính công cấp địa phương) và đổi mới công nghệ; đồng thời thí điểm các biện pháp can thiệp sáng tạo và nâng cao năng lực để tăng khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương. LHQ sẽ có biện pháp ứng phó trước các mối đe dọa đối với an ninh y tế toàn cầu bao gồm cả dịch COVID-19, thông qua việc thúc đẩy quan hệ đối tác liên ngành, các đối tác phát triển, các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội, và các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp.

iii. LHQ sẽ hỗ trợ các ưu tiên liên quan đến hệ thống an sinh và chăm sóc xã hội của Việt Nam, thông qua hoạt động tư vấn chính sách và các giải pháp sáng tạo cho khung an sinh xã hội thích ứng COVID-19, các trường hợp khẩn cấp liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai. LHQ cũng sẽ thúc đẩy và hỗ trợ cải cách chính sách dựa trên bằng chứng, nhằm mở rộng độ bao phủ và tính phù hợp của các cơ chế an sinh và bảo hiểm xã hội; vận dụng chính sách, tư vấn chính sách dựa trên bằng chứng, và hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện chăm sóc cho các nhóm dễ bị tổn thương; giảm các công việc chăm sóc không lương đối với phụ nữ; tăng cường khuôn khổ pháp lý và quy định cho các chương trình an sinh xã hội và các dịch vụ chăm sóc xã hội; cải thiện lực lượng lao động dịch vụ xã hội và khả năng đáp ứng của họ đối với các nhu cầu và quyền của những người dễ bị tổn thương; và cải cách khuôn khổ và chính sách trợ giúp và chăm sóc xã hội. LHQ sẽ hỗ trợ chuyển đổi số (để người thụ hưởng tự điều chỉnh), quản lý hệ thống an sinh xã hội và cung cấp dịch vụ để tăng phạm vi tiếp cận, chất lượng và tính minh

bạch. LHQ sẽ cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và các cơ chế hỗ trợ sẵn có tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương.

iv. Giảm nghèo đa chiều sẽ được đẩy mạnh thông qua sự hỗ trợ của LHQ trong việc cải thiện khung quốc gia về giảm nghèo đa chiều, chính sách, xây dựng chương trình và ngân sách, nhằm tăng cường các nỗ lực giảm nghèo đa chiều. Hỗ trợ sẽ bao gồm cả việc tăng cường năng lực theo dõi và đánh giá nghèo đa chiều. LHQ sẽ thúc đẩy các nền tảng đa bên liên quan để hỗ trợ sản xuất kinh doanh do phụ nữ và người dân tộc thiểu số làm chủ, nhằm tạo việc làm bền vững và cải thiện sinh kế. Tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật của LHQ sẽ đưa ra các giải pháp sáng tạo và củng cố khuôn khổ pháp lý để trao quyền cho người dân tộc thiểu số và phụ nữ nhằm tạo và tiếp cận sinh kế bền vững cũng như tiếp cận các dịch vụ một cách công bằng trong bối cảnh COVID-19, và nâng cao tác động xã hội tích cực đối với các dân tộc thiểu số. LHQ sẽ tư vấn và vận động chính sách dựa trên bằng chứng

## 1. Phát triển Xã hội Bao trùm (SDG 1-6)

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

**1.1.** Hệ thống giáo dục ở Việt Nam cung cấp giáo dục và học tập có trách nhiệm giới, bình đẳng, chống chịu với biến đổi khí hậu, và có chất lượng, nhằm trang bị cho tất cả trẻ em, thiếu niên, thanh niên và người lớn các kiến thức, các kỹ năng sống, kỹ năng mềm và kỹ năng số phù hợp, kể cả cho các trường hợp khẩn cấp.

**1.2.** Hệ thống quốc gia về y tế, nước sạch và vệ sinh, dinh dưỡng, chuẩn bị và ứng phó với tình trạng khẩn cấp và đại dịch được củng cố để đảm bảo rằng tất cả mọi người, tập trung ưu tiên vào nhóm dễ bị tổn thương, được tiếp cận công bằng với các dịch vụ toàn diện, chi phí hợp lý, có tính chuyển hóa về giới, chống chịu với biến đổi khí hậu và nhạy cảm với môi trường, và có tập quán hành vi lành mạnh.

**1.3.** Hệ thống an sinh và chăm sóc xã hội quốc gia mang tính bao trùm, gắn kết và tích hợp, áp dụng các phương pháp tiếp cận theo vòng đời, có tính đến rủi ro, có khả năng chống chịu và có trách nhiệm giới với trọng tâm là đáp ứng nhu cầu của nhóm người dễ bị tổn thương nhất.

**1.4.** Các chính sách dựa trên bằng chứng và các giải pháp sáng tạo được thông qua và nhân rộng nhằm giảm nghèo đa chiều và bất bình đẳng, tập trung vào các nhóm dân tộc thiểu số và dễ bị tổn thương nhất.

và quyền về xã hội hóa các dịch vụ xã hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, công bằng và tính bao trùm trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội.

Lý thuyết về sự Thay đổi này dựa trên *giả định* rằng nguồn ngân sách trong nước sẽ tăng lên khi nguồn ODA giảm xuống; các hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ giúp cải thiện công tác theo dõi và đánh giá các can thiệp; các phương pháp tiếp cận phát triển sẽ dựa trên quyền; việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng sẽ diễn ra; xã hội sẽ sẵn sàng thay đổi các chuẩn mực và hành vi xã hội; cam kết của chính phủ vẫn ở mức cao và sự hỗ trợ từ các cơ quan chính phủ sẽ tiếp tục; cam kết tăng cường phòng chống HIV vẫn ở mức cao; cam kết của chính phủ đối với cách mạng 4IR và chuyển đổi kỹ thuật số vẫn ở mức cao.

## KẾT QUẢ KHUNG HỢP TÁC SỐ 2:

***Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một môi trường an toàn hơn và sạch hơn thông qua các hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.***

## LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỦA LHQ

Việt Nam rất dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu và thiên tai, đe dọa quyền và sinh kế cũng như sức khỏe thể chất và xã hội của cộng đồng, làm chậm tốc độ tăng trưởng của Việt Nam, tác động đến những người dễ bị tổn thương nhất. Việt Nam có tiềm năng năng lượng tái tạo lớn, có cơ hội để thoát khỏi tình trạng phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch như hiện nay. Dân số tăng nhanh đang tạo áp lực gia tăng đối với môi trường, bao gồm cả việc tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên, sử dụng ít các nguồn năng lượng tái tạo, kết hợp với các hoạt động như sử dụng hóa chất không được kiểm soát trong công nghiệp và nông nghiệp, góp phần vào sự tuyệt chủng của các loài động thực vật. Mức phát thải khí carbonic của Việt Nam trên một đơn vị giá trị sản xuất ở mức cao nhất trong khu vực và đang có xu hướng gia tăng<sup>44</sup>.

Những xu thế này đang thúc đẩy sử dụng cách tiếp cận tích hợp hơn để xây dựng khả năng chống chịu với rủi ro thiên tai và khí hậu, một nền kinh tế đại dương bền vững, phát triển công nghệ các-bon thấp, tài nguyên thiên nhiên bền vững, quản lý môi trường đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững<sup>45</sup>. Trọng tâm là ưu tiên nhu cầu và quyền lợi của các nhóm trọng tâm bao gồm phụ nữ, người khuyết tật, trẻ em, người di cư nội địa, dân tộc thiểu số, người không có hoặc không xác định quốc tịch, người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính, người sống ở các vùng dễ xảy ra thiên tai, những người dễ bị tổn thương và người nghèo.

Phân tích chỉ ra bốn thách thức chính khiến Việt Nam dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu và thiên tai, suy thoái môi trường, và quản lý đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên không bền vững: (i) **Các rủi ro biến đổi khí hậu không được**

44 <https://iap.unido.org/country/VNM>

45 Bền vững Môi trường ở Châu Á: Tiến bộ, Thách thức và Cơ hội trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững, Loạt 1 - Việt Nam. Chương 2: Tâm nhìn và kế hoạch quốc gia và các mục tiêu phát triển bền vững. KEI, 2017.

**giảm nhẹ và ứng phó với thiên tai** khiến các nhóm dân cư dễ bị tổn thương càng đối mặt với rủi ro lớn hơn, khiến gia tăng bất bình đẳng giới và xã hội; (ii)

**Nhận thức và tham gia hạn chế** vào quá trình phát triển các-bon thấp, nền kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường, trong khi nếu ngược lại thì có thể giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường; (iii) **Năng lực thể chế hạn chế**, và sự **không bền vững** trong đầu tư phát triển, quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, và bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái; và (iv) **Năng lực hạn chế trong việc giảm thiểu** tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người.

i. Để tăng cường năng lực và chính sách có trách nhiệm giới trong xác định và giảm thiểu rủi ro khí hậu, ứng phó với thiên tai và xây dựng khả năng phục hồi của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, LHQ sẽ xây dựng và củng cố hệ thống bảo hiểm và chuyển giao rủi ro; hỗ trợ lập kế hoạch phát triển có tính đến rủi ro; thúc đẩy các hệ thống nông sản thực phẩm thông minh có khả năng chống chịu khí hậu; đồng thời tăng cường lồng ghép giới, tăng cường khung pháp lý có trách nhiệm giới cùng năng lực quản lý, kỹ thuật, và cơ chế tài chính. Ngoài ra, sẽ tạo điều kiện thuận lợi phụ nữ, người cao tuổi, dân tộc thiểu số, trẻ em và thanh niên tham gia tích cực vào các hành động chống biến đổi khí hậu, khuyến khích phụ nữ tham gia vai trò lãnh đạo trong các quá trình ra quyết định, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng lớn bởi khí hậu. Sự phối hợp hành động giữa LHQ, Chính phủ, và các đối tác trong hỗ trợ khẩn cấp nhân đạo và thúc đẩy phục hồi xanh và bền vững trên quy mô lớn cũng sẽ được ưu tiên. LHQ sẽ tăng cường hệ thống cảnh báo sớm và hành động sớm thông qua cải thiện đánh giá rủi ro, ứng dụng các công cụ và dữ liệu kỹ thuật số tích hợp và viễn thám. Các ưu tiên cũng sẽ được giải quyết thông qua các giải pháp dựa vào thiên nhiên để thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai.

ii. Để tăng tốc thực hiện các chính sách và tăng cường nhận thức của các bên liên quan về phát triển ít carbon, nền kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường, LHQ sẽ hỗ trợ việc áp dụng các thông lệ và chính sách kinh tế tuần hoàn, tăng cường các hệ thống pháp luật về môi trường, hỗ trợ Chính phủ chuyển đổi sang nền kinh tế ít carbon. LHQ cũng sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ áp dụng công nghệ sạch và phát thải thấp để tạo ra các sản phẩm ít phát thải carbon; đồng thời hỗ trợ quá trình giảm dần sử dụng than đá và giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, mở đường cho tăng cường phát triển năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính. LHQ sẽ hỗ trợ xanh hóa các ngành công nghiệp mới hoặc đã có, áp dụng các thực hành hiệu quả về tài nguyên và năng lượng, kinh tế tuần hoàn, cũng như đổi mới về năng lượng sạch, công nghệ sản xuất sạch và giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và tài nguyên dọc theo chuỗi giá trị và trong vòng đời của sản phẩm. LHQ sẽ thúc đẩy phương tiện giao thông sử dụng điện, giao thông xanh, cơ sở hạ tầng và thành phố xanh, thông minh, và khu công nghiệp sinh thái. Giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm sản xuất và tiêu thụ nhựa sẽ được cải thiện cùng với việc thúc đẩy quản lý chất thải hiệu quả trong mối liên kết với khu vực kinh tế phi chính thức. LHQ sẽ thiết lập một hệ thống giám sát ô nhiễm công nghiệp trên toàn quốc, tăng cường quy định và thực thi để quản lý ô nhiễm không khí, đất và nước hiệu quả, đi đôi với hỗ trợ quản lý hiệu quả các hóa chất độc hại, chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và chất thải y tế nói chung. LHQ cũng sẽ hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu và tuân thủ các hiệp định đa phương về môi trường.

iii. LHQ sẽ hỗ trợ quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và hệ sinh thái, thông qua tăng cường năng lực, chính sách và quản lý đồng bộ và bền vững đa dạng sinh học và môi trường sống, cải thiện tiếp cận bền vững và sử dụng hiệu quả nguồn nước, ngăn chặn buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã. LHQ sẽ thúc đẩy các cơ chế tài chính bền vững cho bảo tồn các hệ sinh thái và đa dạng sinh học, đồng thời giới thiệu các cơ



## 2. Ứng phó với biến đổi khí hậu, khả năng chống chịu thiên tai, và bền vững môi trường (SDG 7, 11, 13-15)

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một môi trường an toàn hơn và sạch hơn thông qua các hành động hiệu quả và có trách nhiệm giới trong giảm thiểu tác hại và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo, cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.

**2.1.** Nâng cao năng lực và các chính sách có trách nhiệm giới để xác định và giảm thiểu rủi ro khí hậu, ứng phó với thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu của các nhóm dân cư dễ bị tổn thương.

**2.2.** Đẩy nhanh việc thực hiện các chính sách và biện pháp cũng như nâng cao nhận thức và sự tham gia của các bên liên quan để phát triển theo hướng phát thải các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và giảm ô nhiễm môi trường.

**2.3.** Tăng cường năng lực thể chế và hành động từ tất cả các bên liên quan để quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

**2.4.** Nâng cao năng lực để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người.

chế sáng tạo để thu hút và duy trì sự tham gia bền vững của khu vực tư nhân vào quản lý tài nguyên thiên nhiên. LHQ sẽ đề ra các chiến lược thúc đẩy cơ chế đồng quản lý, nhằm đảm bảo cộng đồng địa phương được hưởng các quyền con người và các lợi ích từ phát triển và du lịch bền vững, đồng thời đóng góp cho bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

- iv. Để giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đối với sự phát triển của con người, LHQ sẽ nâng cao nhận thức của cộng đồng về những ưu tiên này và tăng cơ chế hỗ trợ cho các gia đình, phụ nữ và trẻ em chịu nhiều tác động từ biến đổi khí hậu và đại dịch COVID-19. LHQ sẽ củng cố khuôn khổ quy chuẩn trong thực thi các quyền về môi trường của con người và trẻ em, tăng cường năng lực, cải thiện các hệ thống chống chịu với thiên tai và khí hậu có trách nhiệm giới phục vụ phát triển con người và hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu. LHQ sẽ ưu tiên hỗ trợ phòng chống và sẵn sàng chuẩn bị cho một đại dịch tiếp theo (nếu xảy ra) thông qua tăng cường cách tiếp cận

Một sức khỏe<sup>46</sup>, cải thiện quản lý quan hệ tương tác giữa con người, động vật và môi trường.

Can thiệp của LHQ phù hợp với cam kết của Chính phủ Việt Nam về hành động khí hậu dựa trên quyền con người (thể hiện bằng việc kể từ năm 2016, Việt Nam là một trong quốc gia bảo trợ chính cho nghị quyết hàng năm của Hội đồng Nhân quyền LHQ về quyền con người và biến đổi khí hậu). Lý thuyết về sự thay đổi này dựa trên *giả định* chung rằng người dân và doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục quan tâm đến các vấn đề môi trường và sẽ đóng góp một cách tự do và tích cực vào hành động khí hậu. Đồng thời, giả định rằng mối liên kết với những nỗ lực của khu vực và toàn cầu sẽ được đảm bảo và

46 Quan hệ Đối tác Một Sức khỏe được ra đời vào tháng 3 năm 2016 trên nền tảng những nỗ lực đã có. Cơ chế này có sự tham gia của các đối tác chính phủ và phi chính phủ trong nước và quốc tế và do Chính phủ Việt Nam chủ trì. Mục tiêu chung của cơ chế quan hệ đối tác này là nâng cao năng lực của Việt Nam trong giải quyết các mối đe dọa từ các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người trong mối quan hệ giữa con người, động vật\*, và hệ sinh thái (\*bao gồm vật nuôi, động vật hoang dã và các loài khác).

sẽ luôn có cơ hội tăng cường số hóa và ứng dụng công nghệ mới. Lý thuyết này cũng giả định rằng các cơ chế đối tác sẽ thúc đẩy quan hệ đối tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp, và khu vực tư nhân.

### KẾT QUẢ KHUNG HỢP TÁC SỐ 3:

*Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi công bằng và đóng góp vào chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng.*

## LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỦA LHQ

Tốc độ tăng trưởng ấn tượng mà Việt Nam đạt được trong những năm gần đây cho thấy sự thành công của các công cụ lập kế hoạch quốc gia, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, xúc tiến thương mại, du lịch và thực hiện các bước thận trọng trong quản lý kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, bất bình đẳng về thu nhập gia tăng và sự thiếu quan tâm ngoài ý muốn đối với một số nhóm dễ bị tổn thương

cho thấy sự phân bổ của cải và cơ hội làm kinh tế không đồng đều. Trong khi vẫn có khả năng tăng suất lao động ngành nông nghiệp, người dân Việt Nam lại đang di cư trong nước và ra nước ngoài để tìm kiếm cơ hội kinh tế tốt hơn. Công nghiệp và dịch vụ phần lớn sử dụng lao động kỹ năng thấp, tạo giá trị gia tăng thấp với nội hàm công nghệ thấp; phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với mối liên kết ngược hạn chế; các doanh nghiệp địa phương nhỏ với năng lực có hạn; thiếu liên kết trong chính sách và thực hiện. Để đáp ứng các mục tiêu phát triển quốc gia, bao gồm cả quyền lao động và Chương trình nghị sự 2030, Việt Nam cần nâng cao năng lực sản xuất trên cả ba lĩnh vực của nền kinh tế, đồng thời khai thác tối đa tiềm năng thiên nhiên ban tặng.

Phân tích chỉ ra bốn thách thức chính cản trở chuyển đổi kinh tế, đạt được các mục tiêu SDG, bình đẳng giới và thực hiện quyền con người: i) **thiếu các chính sách và chiến lược phát triển tích hợp với đủ nguồn lực** để thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, mang chuyển đổi và bền vững trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, ii) **khu vực tư nhân** bị chi phối bởi các mô hình và thông lệ kinh doanh năng suất thấp, đặc biệt là trong các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh và hợp tác xã, iii) **Việc áp dụng và tiếp cận** công nghệ hiện đại **chưa đủ**, và iv) **thiếu đầu tư thích đáng** cho chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm nhằm đạt được các mục tiêu SDG. Con đường dẫn đến chuyển đổi kinh tế bao trùm, công bằng và bền vững hơn, để mọi người Việt Nam đều có thể hưởng lợi và đóng góp, đòi hỏi các chính sách kinh tế xanh mang tính chiến lược để thúc đẩy tham gia bình đẳng, đổi mới, năng suất, khả năng phục hồi, bảo vệ người lao động, sử dụng các công cụ và nền tảng kỹ thuật số hiện đại và tôn trọng quyền con người.

i. Để thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, chuyển đổi và bền vững trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, cần tăng cường năng lực quốc gia cho thiết kế và thực hiện chính sách và chiến lược dựa trên bằng chứng, bao trùm và có trách nhiệm giới, cũng như tăng

cường các hệ sinh thái kiến tạo trên tất cả các lĩnh vực. Các can thiệp chiến lược của LHQ sẽ tập trung vào thúc đẩy các chính sách và tiêu chuẩn khoa học, công nghệ và đổi mới để hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu, bao gồm tạo điều kiện chuyển đổi suôn sẻ sang 4IR; đưa ra các mô hình và phương thức kinh doanh mới nhằm cải thiện khả năng kết nối và sử dụng kinh tế không gian, lan tỏa và thích nghi công nghệ, tạo điều kiện tiếp cận thị trường, nâng cấp kinh doanh và chuỗi giá trị, đồng thời gia tăng cơ hội kinh tế, đặc biệt là cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và những người ở vùng xa xôi, hẻo lánh; thiết kế các chiến lược để tạo thuận lợi cho lưu chuyển của người dân, hàng hóa và dịch vụ và tăng năng suất, phát triển thương mại và đa dạng hóa kinh tế; hỗ trợ chính sách công nghiệp hóa toàn diện, trong đó kết hợp và tích hợp nền kinh tế và việc làm xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển vốn tự nhiên; và khuyến khích phát triển cơ sở hạ tầng kiến tạo. Có một số lĩnh vực cụ thể trong đó LHQ sẽ tận dụng lợi thế so sánh của mình, ví dụ: thông qua tăng cường bảo tồn di sản và sáng tạo đô thị để thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa và du lịch bền vững. Các can thiệp chiến lược sẽ bao gồm: nâng cao năng lực quản lý di sản và tài nguyên văn hóa; củng cố các chiến lược phát triển ở cấp thành phố và khuyến khích đối thoại khu vực công - tư; tăng cường năng lực thể chế về quản trị và cấp ngân sách cho mô hình vườn ươm công nghệ; củng cố và thúc đẩy liên kết giữa chế biến thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, du lịch và các ngành công nghiệp sáng tạo để phát triển kinh tế địa phương và phát triển kinh tế cho phụ nữ; và tăng cường các chính sách đô thị tích hợp với các chiến lược kinh tế xã hội, môi trường và văn hóa có liên quan để thúc đẩy tăng trưởng và thịnh vượng kinh tế quốc gia và địa phương.

- ii. Là động lực của tăng trưởng kinh tế, khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công các chính sách phát triển. Khu vực này cần được hỗ trợ và khuyến khích áp dụng các mô hình kinh doanh phản ánh các nguyên tắc chính của các mục tiêu SDG. LHQ mong muốn ưu tiên các doanh nghiệp vừa, nhỏ, và siêu nhỏ để bị tổn thương và việc làm khu vực phi chính thức (đặc biệt là việc làm do phụ nữ, người khuyết tật và người

dân tộc thiểu số làm chủ) để khôi phục lại sau tác động của COVID và tạo điều kiện cho Việt Nam xây dựng khả năng chống chịu với các cú sốc khác, trở nên xanh hơn và có hiệu suất năng lượng tốt hơn; nâng cao giá trị gia tăng và năng suất trong nước; tăng trưởng thị trường trong nước và nhu cầu của người tiêu dùng; cải thiện tiếp cận tài chính, thông tin, thị trường và công nghệ; kết nối tốt hơn các doanh nghiệp với chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu, giảm các nút thắt khác cho sự phát triển của các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ của Việt Nam. Thanh niên sẽ được hỗ trợ thông qua các chính sách thị trường lao động, doanh nghiệp do thanh niên làm chủ, và các sáng kiến tự tạo việc làm. Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về lao động đảm bảo hình thành việc làm thỏa đáng. Do vậy, mục tiêu của LHQ là giúp cải thiện tiêu chuẩn lao động và quản trị thị trường lao động ở Việt Nam, bao gồm cả việc hỗ trợ quá trình chuyển đổi của người lao động và doanh nghiệp từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức; cải thiện các quan hệ lao động, thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người (ví dụ: Nguyên tắc LHQ về kinh doanh và quyền con người), trong mối liên hệ với quyền đất đai; và tạo điều kiện thuận lợi cho di cư lao động an toàn, công bằng và thường xuyên (hỗ trợ việc thực hiện Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của LHQ).

- iii. Để tăng tốc chuyển đổi thuận lợi và bao trùm sang 4IR, cần có chuyển dịch về văn hóa trong việc áp dụng và tiếp cận công nghệ mới, công cụ và nền tảng kỹ thuật số. LHQ dự định cung cấp các giải pháp theo hướng tăng tiếp cận các dịch vụ công nghệ thông tin, mở rộng tiếp cận công nghệ 4G và nâng cao năng lực công nghệ thông tin của các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, các hộ kinh doanh, và các hợp tác xã, đặc biệt tập trung trao quyền kinh tế cho các nhóm dễ bị tổn thương (bao gồm: người nghèo, dân tộc thiểu số, người khuyết tật và phụ nữ). LHQ cũng sẽ tập trung vào các phương thức tiếp cận sáng tạo để tăng cường hòa nhập/tham gia, ví dụ: xây dựng chiến lược lồng ghép dịch vụ kỹ thuật số vào tất cả các ngành như một cách mở rộng nền kinh tế kỹ thuật số; thúc đẩy áp dụng thương mại điện tử trong các



doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ và hợp tác xã; xây dựng nhân lực và tăng năng suất nhân tố tổng hợp thông qua giáo dục nghề nghiệp có trọng tâm, xây dựng kỹ năng công nghiệp, và xây dựng các nền tảng sáng tạo cho trẻ em và thanh niên (đặc biệt là nữ) để tạo thuận lợi cho họ chuyển đổi từ trường học sang công việc thỏa đáng và có năng suất cao; và xây dựng và thực thi các chính sách thị trường lao động năng động nhằm đào tạo lại kỹ năng cho lao động di cư nội địa và phi chính thức, đặc biệt là lao động nữ trong nền kinh tế kỹ thuật số.

iv. Cuối cùng, để giải quyết những thách thức nêu trên và thực thi Chương trình nghị sự 2030, cần đầu tư hiệu quả, công bằng và có trọng tâm, với số lượng vượt xa các nguồn lực sẵn có trong nước. Trong bối cảnh ODA suy giảm, LHQ sẽ can thiệp để thúc đẩy

việc sử dụng các phương án và cơ chế dựa trên bằng chứng, nhằm mở rộng nguồn cung tài chính công và tư để đạt được các mục tiêu SDG. Can thiệp bao gồm khai thác các công cụ và phương thức tài chính sáng tạo, quan hệ đối tác với khu vực tư nhân và các quỹ chung, cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp để tiếp cận với nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác. Điều này cũng đòi hỏi phải tăng cường quản lý đầu tư công và lập ngân sách có trách nhiệm giới, đồng thời tăng kích thích tài chính và tài khóa để có các chính sách kinh tế vĩ mô tốt và bao trùm.

Lý thuyết về sự thay đổi đối với kết quả này dựa trên *giả định* chung rằng các chiến lược có liên quan đến cả người di cư trong nước và nước ngoài.

### 3. Chia sẻ sự thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế (SDG 5, 8-12, 17)

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi công bằng và đóng góp vào chuyển đổi kinh tế bền vững, bao trùm và có trách nhiệm giới dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng.

**3.1.** Cải cách thể chế thị trường lao động nhằm nâng cao tiêu chuẩn lao động cho tất cả các loại hình lao động và chính thức hóa việc làm phi chính thức.

**3.2.** Tăng cường năng lực quốc gia được để xây dựng và thực hiện các chính sách và chiến lược dựa trên bằng chứng, đồng thời tăng cường các hệ sinh thái thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo hướng bao trùm, chuyển đổi và bền vững để tạo được việc làm thỏa đáng.

**3.3.** Thúc đẩy các mô hình và thực hành kinh doanh bền vững, bao trùm và có trách nhiệm bao gồm cả các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và hợp tác xã để tăng năng suất, phát triển thương mại và đổi mới, đồng thời để cải thiện điều kiện làm việc và tuân thủ, đặc biệt tập trung vào trao quyền kinh tế cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

**3.4.** Tăng cường bảo tồn di sản và triển khai các sáng kiến về đô thị để tăng cường các ngành công nghiệp văn hóa, thúc đẩy du lịch bền vững, và phát triển con người.

**3.5.** Thúc đẩy các lựa chọn và cơ chế dựa trên bằng chứng để mở rộng tài chính công và tư nhằm đạt được các mục tiêu SDG.

**3.6.** Tăng cường áp tiếp cận và ứng dụng công nghệ, công cụ và nền tảng kỹ thuật số phù hợp để tạo điều kiện cho chuyển đổi thuận lợi và bao trùm sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4IR).

#### KẾT QUẢ KHUNG HỢP TÁC SỐ 4:

*Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng quản trị công được cải thiện, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.*

#### LÝ THUYẾT VỀ SỰ THAY ĐỔI VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỦA LHQ

Cải cách pháp lý và tư pháp đang được tiến hành để có một hệ thống quản trị minh bạch và nhạy bén hơn. Tuy nhiên, vẫn có thể cải thiện hơn nữa sự tham gia có nghĩa của các nhóm trọng tâm trong quá trình lập chính sách và ra quyết định, đặc biệt đối với nhóm trẻ em, thanh niên phụ nữ, người cao tuổi, người LGBTI, người khuyết tật, người có vấn đề sức khỏe mãn tính, và người dân tộc thiểu số. Hiệu quả, tính minh bạch cũng như khả năng phản hồi đối với các vấn đề giới và trẻ em của các hoạt động cung cấp dịch vụ của chính phủ có thể được tăng cường hơn nữa nhằm tăng hiệu quả chung của các chính sách phát triển bền vững và tiến độ đạt được mục tiêu Chương trình nghị sự 2030.

Phân tích chỉ ra sáu thách thức lớn đối với quản

trị và tiếp cận công lý, cũng như cho việc đạt được các mục tiêu SDG, bình đẳng giới và thực thi quyền con người: i) **hạn chế trong năng lực của các cơ quan quản trị** trong tạo điều kiện tham gia và đáp ứng nhu cầu phức tạp của các nhóm dễ bị tổn thương; ii) **những điểm khác biệt giữa các tiêu chuẩn quốc gia về nhà nước pháp quyền, tiếp cận công lý và chống phân biệt đối xử** so với các thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người; iii) **phân biệt đối xử giới** trong các cơ hội kinh tế, xã hội, chính trị và lãnh đạo; iv) **tình trạng bạo lực, đặc biệt bạo lực giới** đối với phụ nữ và trẻ em, tình trạng lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử với các nhóm dễ bị tổn thương; v) **hoạt động tội phạm xuyên biên giới phức tạp** như buôn bán người, nhập cư trái phép, ma túy bất hợp pháp, buôn bán động vật hoang dã, tham nhũng và rửa tiền; và vi) **thiếu số liệu thống kê phân tử** phục vụ lập chính sách, kế hoạch và ngân sách có trách nhiệm giới, dựa trên bằng chứng và dựa trên quyền. Khung hợp tác sẽ hỗ trợ hành trình đạt được xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn (đặc biệt là cho những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau) thông qua các hoạt động tăng cường năng lực của các cơ quan và hệ thống quản trị, đồng thời loại bỏ các thông lệ xã hội tiêu cực cũng như những hành vi có hại, gây gia tăng phân biệt đối xử và bạo lực.

i. LHQ sẽ tập trung hỗ trợ hình thành môi trường thuận lợi để tăng cường các hệ thống quốc gia theo hướng đổi mới sáng tạo, có tính phản hồi, có trách nhiệm giải trình và minh bạch, cải thiện năng lực vận hành của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước nhằm tăng tham gia và hỗ trợ các nhóm dễ tổn thương. Can thiệp của LHQ sẽ thúc đẩy trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, áp dụng công nghệ, số hóa, và thực hiện đầy đủ quản trị điện tử để cung cấp các dịch vụ của Chính phủ một cách hiệu quả và minh bạch. Mục đích là đẩy nhanh thực hiện và giám sát quá trình cải cách trong khu vực công và hỗ trợ xây dựng pháp luật và ra quyết định có sự tham gia, dựa trên bằng chứng, lấy người dân làm trung tâm và phù hợp với các tiêu

chuẩn quốc tế về quyền con người. LHQ sẽ khuyến khích các phương pháp tiếp cận sáng tạo để hỗ trợ mở rộng cơ chế thể chế, nhằm cung cấp cho công dân cơ hội tham gia thiết kế chính sách và quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, chú trọng đến trẻ em, thanh niên, phụ nữ, người LGBTI, người cao tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh mãn tính, người di cư nội địa và người dân tộc thiểu số. Các biện pháp can thiệp sẽ đảm bảo sự tham gia và trao quyền cho các tổ chức cộng đồng và chuyên môn, khu vực tư nhân, và cộng đồng nói chung, với vai trò là đối tác chính để đạt được mục tiêu SDG, đồng thời hỗ trợ năng lực cho các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội, và các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp đại diện cho chính họ và tham gia tích cực vào quá trình vận động, lập pháp, ra quyết định, thực hiện và giám sát các chính sách và chương trình. Các can thiệp này sẽ tập trung ứng dụng chính phủ điện tử để tạo điều kiện cho sự tham gia rộng rãi hơn, hiệu quả hơn của các nhóm yếu thế và ứng dụng tiếp cận đổi mới trong mô hình quản trị lấy người dân làm trung tâm.

- ii. Đẩy mạnh nhà nước pháp quyền có ý nghĩa quan trọng trong việc cải thiện khả năng tiếp cận công lý và giải quyết phân biệt đối xử tại Việt Nam. Vì lý do này, các can thiệp chiến lược của LHQ sẽ tập trung vào: việc cải thiện tính độc lập và liêm khiết của hệ thống tòa án; thực hiện các khuyến nghị được chấp nhận theo các cơ chế nhân quyền quốc tế như UPR; cải thiện hệ thống luật phát và thực thi có tính phản hồi và bảo vệ, nhất quán với cam kết quốc tế của Việt Nam về nhân quyền; nâng cao nhận thức về pháp luật, cải thiện khả năng tiếp cận công lý và dịch vụ pháp lý cho các nhóm dễ bị tổn thương. LHQ sẽ tận dụng lợi thế so sánh của mình trong vấn đề quyền con người để đề xuất các phương pháp tiếp cận sáng tạo ở cấp Chính phủ và cộng đồng, nhằm giải quyết những thách thức lớn (đặc biệt liên quan đến tăng cường tham gia của các tổ chức và cá nhân trong quá trình ra quyết định, thông qua việc khuyến khích sự tham gia của phụ nữ và các nhóm yếu thế (đặc biệt là người LGBTI và người khuyết tật) trong các cơ quan dân cử. LHQ sẽ thúc đẩy quyền tiếp cận nhận dạng pháp lý (bao gồm cả đăng ký khai sinh) và quốc

tịch cho những người không có hoặc không xác định quốc tịch. Đặc biệt, LHQ cũng sẽ hỗ trợ cải cách hệ thống tư pháp liên quan đến trẻ em và có trách nhiệm giới. Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương (đặc biệt là nhóm LGBTI, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em là nạn nhân bạo lực giới, người bị ảnh hưởng bởi HIV, người di cư nội địa và nước ngoài, người không có hoặc không xác định quốc tịch, nạn nhân buôn bán người, và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc màu da cam) là lĩnh vực được quan tâm và ưu tiên. Can thiệp cũng bao gồm: duy trì và phát triển cơ hội tự do lựa chọn việc làm năng suất cao cho phụ nữ và nam giới thông qua di cư an toàn và thường xuyên; thúc đẩy các nguyên tắc chỉ đạo của LHQ về quyền kinh doanh và quyền con người, và việc thực hiện Hiệp ước Toàn cầu về Di cư An toàn, Có trật tự và Thường xuyên của LHQ.

- iii. Mặc dù bình đẳng giới được cải thiện, tiến độ còn chậm và không đồng đều. LHQ sẽ tập trung tăng cường môi trường xã hội, thể chế và luật pháp để thúc đẩy việc đạt được bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ, sự tham gia và ra quyết định của phụ nữ, và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, trẻ em gái, người LGBTI, người cao tuổi, đặc biệt là những người trong các nhóm dễ bị tổn thương. Cách tiếp cận chiến lược sẽ giúp tăng cường năng lực của chính phủ và các bên liên quan trong xây dựng và thực thi luật và chính sách thúc đẩy bình đẳng giới, chấm dứt các hành động có hại, chấm dứt các hủ tục xã hội phân biệt đối xử và định kiến giới. Với khả năng triệu tập của LHQ, các biện pháp can thiệp sẽ củng cố phối hợp đa ngành của chính phủ và các bên liên quan trong xây dựng và thực hiện chính sách, cơ chế trách nhiệm giải trình, và quan hệ đối tác, đồng thời huy động các sáng kiến trong chuyển đổi số để thúc đẩy quyền con người cơ bản cho tất cả mọi người và bình đẳng giới trên tất cả lĩnh vực xã hội. LHQ cũng sẽ tiếp tục nâng cao vai trò của phụ nữ trong hòa bình và an ninh và trong Chương trình nghị sự về Phụ nữ, Hòa bình và An ninh ở Việt Nam, đảm bảo phụ nữ được tham gia và có cơ hội bình đẳng trong đảm nhận vai trò lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định. LHQ cũng hỗ trợ việc tổng kết kinh

nghiệm, thử nghiệm và thí điểm các sáng kiến tại địa phương về ngăn chặn bạo lực, khuyến khích lòng khoan dung, và tăng cường gắn kết xã hội.

- iv. Để xóa bỏ bạo lực giới và tất cả các hình thức lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử đối với các nhóm dễ bị tổn thương, LHQ sẽ có can thiệp chiến lược nhằm cải thiện khuôn khổ chính sách và luật pháp, trách nhiệm giải trình cũng như thái độ và thực hành văn hóa xã hội. Ở cấp độ thể chế, sẽ ưu tiên vận động chính sách nhằm tăng cường cam kết và nguồn lực thực hiện luật pháp và chính sách, thu thập số liệu về bạo lực giới, vấn đề lựa chọn giới tính, bạo lực đối với trẻ em và tất cả các hình thức lạm dụng và bóc lột; điều này nâng cao chất lượng dịch vụ thiết yếu cho nạn nhân của bạo lực. LHQ cũng sẽ xây dựng các hướng dẫn quốc gia cho cán bộ tuyến đầu và thiết lập cơ chế ứng phó bạo lực giới và các hành động gây hại khác để đảm bảo tính liên tục trong cung cấp dịch vụ, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp và nhân đạo. Ở cấp cộng đồng, LHQ sẽ hỗ trợ các cơ chế có sự tham gia, bao trùm và dựa trên quyền để xóa bỏ kỳ thị và phân biệt đối xử, thay đổi các thông lệ và thái độ văn hóa xã hội để phòng chống bạo lực giới và lựa chọn giới tính, đồng thời cải thiện an ninh con người cho các cộng đồng mục tiêu. Điều này sẽ gồm việc khởi xướng các chiến dịch và quá trình vận động nhằm loại trừ các thông lệ, hành động và thái độ có hại, có tác động xấu làm tăng bạo lực, phân biệt đối xử và định kiến. Giải quyết bạo lực giới và phân biệt đối xử với người LGBTI, người hành nghề mại dâm, dân di cư nội địa và nước ngoài và người khuyết tật cũng có thể tạo tác dụng mạnh mẽ để thay đổi văn hóa trong cách nhìn nhận những vấn đề này của xã hội. Phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bom mìn chưa nổ và chất độc da cam cũng sẽ là trọng tâm.
- v. Để giải quyết tình trạng buôn người, nhập cảnh trái phép, ma túy bất hợp pháp, buôn bán động vật hoang dã, tham nhũng và rửa tiền, cần tăng cường hệ thống quốc gia về luật pháp, chính sách và tổ chức. LHQ sẽ sử dụng chuyên môn về phòng chống tội phạm để tăng cường khả năng phát hiện và loại trừ những hình thức tội phạm này, đồng

thời đảm bảo tiếp cận công bằng với các hệ thống bảo vệ cho nạn nhân, nhân chứng và các nhóm dễ bị tổn thương khác (đặc biệt là tất cả người di cư trong những hoàn cảnh dễ tổn thương, phụ nữ và trẻ em). LHQ cung cấp can thiệp chiến lược dựa trên lợi thế so sánh của LHQ trong điều phối các vấn đề xuyên biên giới, hợp tác và chia sẻ thông tin khu vực; cần có phương pháp tiếp cận đa phương để loại bỏ những loại hình tội phạm trên do tính phức tạp của chúng.

- vi. Hạn chế trong thu thập, quản lý, phân tích và sử dụng dữ liệu làm hạn chế hiệu quả của các chính sách, kế hoạch và ngân sách trong đáp ứng nhu cầu cụ thể của các nhóm trọng tâm, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em, trẻ vị thành niên, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực giới, nạn nhân của chất độc màu da cam và bom mìn. Can thiệp của LHQ sẽ giúp tăng cung cấp và tiếp cận đối với dữ liệu thống kê phân tử nhằm cải thiện giám sát, thiết kế chính sách và ngân sách, đồng thời tăng cường sự tham gia và trao quyền cho các tổ chức phi chính phủ, khu vực học thuật, khu vực tư nhân và cộng đồng với tư cách đối tác chính trong thực hiện các mục tiêu SDG. Tiếp cận chiến lược của LHQ sẽ khuyến khích áp dụng các luật, chính sách và phương pháp thống kê có tính phản hồi và bảo vệ, phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam và để nắm bắt tốt hơn nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương cũng như đánh giá hiệu quả can thiệp. LHQ cũng sẽ giúp tăng cường cung cấp dữ liệu và số liệu thống kê có chất lượng để thúc đẩy và theo dõi tiến bộ về thực hiện các mục tiêu SDG, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, đồng thời xây dựng các phương pháp tiếp cận sáng tạo để vận động chính sách và truyền thông nhằm đẩy nhanh tiến độ trong lĩnh vực này.

Kết quả này tập trung thực thi các khuyến nghị chính mà Việt Nam đã tiếp nhận và chấp nhận trong chu kỳ UPR lần thứ 3 vào năm 2019, trên cơ sở các nghĩa vụ của mình, theo Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các hiệp ước, luật quốc tế về quyền con người đã được phê chuẩn. Cần đặc biệt chú ý đến các khuyến nghị về một số quyền tự do, bạo lực đối với phụ nữ, tiếp cận công lý và pháp quyền, bảo vệ người dân tộc thiểu

số và người ở khu vực nông thôn, quyền tham gia vào các công việc công, và đảm bảo các bên có liên quan được tham gia hợp pháp trong bảo vệ và tăng cường quyền con người.

Lý thuyết về sự thay đổi của kết quả này dựa trên *giả định* chung là có kiến thức và sự tôn trọng luật pháp, thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người, bình đẳng giới, thoát khỏi mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, một phương tiện để đảm bảo tăng cường giáo dục và các cơ hội kinh tế, mạng lưới an sinh xã hội tốt và quản lý rủi ro thiên tai tích hợp.

#### 4. Quản trị và Tiếp cận Công lý (SDG 5, 8, 10, 16)

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng quản trị công được cải thiện, các thể chế phản hồi nhanh hơn, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

4.1. Tạo môi trường thuận lợi hướng tới các hệ thống quốc gia sáng tạo, có tính phản hồi, có trách nhiệm giải trình và minh bạch, có sự tham gia của các nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình phát triển bền vững.

4.2. Tăng cường các thể chế và hệ thống quốc gia nhằm nâng cao pháp quyền, mở rộng khả năng tiếp cận công lý và chống lại sự phân biệt đối xử, tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương, theo hướng có trách nhiệm với trẻ em, thanh niên và giới phù hợp với các thông lệ và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế.

4.3. Tăng cường môi trường xã hội, thể chế và luật pháp nhằm tăng tốc việc đạt được các thành tựu về bình đẳng giới, nâng cao vị thế, tăng cường tham gia và ra quyết định của phụ nữ, và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, trẻ em gái và những người LGBTI.

4.4. Chuyển đổi thái độ và thực hành văn hóa xã hội, trách nhiệm giải trình, khuôn khổ pháp lý và chính sách nhằm xóa bỏ bạo lực giới và tất cả các hình thức lạm dụng, bóc lột và phân biệt đối xử đối với các nhóm dễ bị tổn thương.

4.5. Cùng cố luật pháp, chính sách và hệ thống cơ quan nhà nước để ngăn chặn và giải quyết nạn buôn người, nhập cư lậu, buôn ma túy bất hợp pháp, buôn bán động vật hoang dã, tham nhũng và rửa tiền, đồng thời đảm bảo quyền tiếp cận công bằng với các hệ thống bảo vệ cho nạn nhân, nhân chứng và các nhóm dễ bị tổn thương khác, đặc biệt là người di cư, phụ nữ và trẻ em.

4.6. Tăng cường sản xuất, phân tích và sử dụng dữ để cung cấp thông tin cho việc lập chính sách, kế hoạch, ngân sách dựa trên bằng chứng và dựa trên các quyền con người.



# CHƯƠNG 3:

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KHUNG HỢP TÁC



## 3.1 CƠ CẤU QUẢN LÝ VÀ QUẢN TRỊ KHUNG HỢP TÁC



### Ban chỉ đạo chung LHQ-Chính phủ

Ban chỉ đạo chung LHQ-Chính phủ (BCĐ), do Thứ trưởng Bộ KHĐT và Điều phối viên thường trú LHQ đồng chủ trì, bao gồm thành viên là đại diện cấp cao của các bộ, ngành trung ương và các cơ quan LHQ. BCĐ là cấp ra quyết định cao nhất về Khung hợp tác 2022-2026 tại Việt Nam. BCĐ nhóm họp hàng năm, giám sát và định hướng chiến lược cho quá trình thực hiện Khung hợp tác, đảm bảo Khung hợp tác phù hợp với bối cảnh đất nước, các quy trình, cơ chế và mục tiêu phát triển quốc gia, khu vực và toàn cầu, có kết nối với các quy trình khác như quy trình Rà soát quốc gia tự nguyện SDG. BCĐ hỗ trợ huy động nguồn lực chung của LHQ-Chính phủ cho Khung hợp tác, cũng như hỗ trợ các cơ hội tài chính cho phát triển. BCĐ giám sát tiến độ, thách thức và cơ hội, đồng thời định hướng việc thực hiện Khung hợp tác. BCĐ cũng giám sát quá trình cải thiện cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát dựa trên bằng chứng. BCĐ hỗ trợ quyền làm chủ và lãnh đạo quốc gia, hỗ trợ điều phối hiệu quả trong thực hiện chương trình, và hỗ trợ tiến trình đạt được các mục tiêu SDG.

### Nhóm các cơ quan LHQ tại Việt Nam

Nhóm các cơ quan LHQ tại Việt Nam (UNCT) do Điều phối viên thường trú của LHQ lãnh đạo, bao gồm các trưởng đại diện của tất cả các cơ quan thường trú và không thường trú của LHQ hoạt động tại Việt Nam. UNCT là cơ quan điều phối liên cơ quan ra quyết định chung cao nhất của hệ thống LHQ ở cấp quốc gia, giám sát việc thực hiện Khung hợp tác 2022-2026. UNCT hoạt động theo Bộ Quy tắc ứng xử của UNCT, trong đó các thành viên chịu trách nhiệm với nhau về việc sử dụng có trách nhiệm các nguồn lực, nhằm đạt được kết quả, tuân thủ các nguyên tắc chỉ đạo của LHQ

về hỗ trợ phát triển của LHQ, đồng thời có trách nhiệm với tiến trình cải cách LHQ. UNCT cung cấp nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực cần thiết khác để thực hiện các cam kết liên quan đến việc đạt được các kết quả của Khung hợp tác 2022-2026. Trong việc lãnh đạo UNCT, Điều phối viên thường trú LHQ được Văn phòng điều phối viên thường trú LHQ hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của mình. Điều phối viên thường trú LHQ hỗ trợ tăng cường nỗ lực của UNCT trong cải cách LHQ và điều phối việc thực hiện, giám sát, rà soát và đánh giá Khung hợp tác. UNCT giám sát Cơ cấu quản lý và điều hành của LHQ, thúc đẩy cải cách LHQ và các nguyên tắc chính để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của toàn bộ hệ thống LHQ. LHQ sẽ tiếp tục phối hợp hiệu quả trong nội bộ hệ thống, để đảm bảo đạt được kết quả để ra, cũng như để có các chương trình có thể đo lường được. Cơ chế phối hợp hiệu quả cũng áp dụng cho các nhóm làm việc liên cơ quan do UNCT thành lập.

### Nhóm quản lý chương trình LHQ

Nhóm quản lý chương trình (PMT) chịu trách nhiệm trước UNCT, có thành viên là cán bộ cấp phó đại diện và các đầu mối của các cơ quan thường trú và không thường trú LHQ. PMT là nhóm làm việc dựa trên nhiệm vụ, tập trung vào một số công việc cụ thể, có thời hạn, bao gồm cả những công việc được UNCT giao. PMT cung cấp tư vấn chiến lược và bảo đảm chất lượng đối với báo cáo Phân tích chung quốc gia (CCA) và các hoạt động thiết kế, thực hiện, giám sát, báo cáo và đánh giá Khung hợp tác. PMT cũng cung cấp tư vấn chiến lược cho UNCT về cách thức, thời điểm để xuất can thiệp và các giải pháp can thiệp của LHQ, đặc biệt trong lồng ghép SDG. PMT cũng giám sát và cung cấp tư vấn chiến lược cho hai tiểu nhóm thuộc PMT bao gồm Nhóm công tác LHQ về SDG và Nhóm giám sát, đánh giá và học tập của LHQ. Hai tiểu nhóm này có trách nhiệm báo cáo cho PMT, đồng thời báo cáo trực tiếp cho UNCT và Điều phối viên thường trú LHQ khi được yêu cầu. Hai tiểu nhóm được phép đưa ra quyết định về các lĩnh vực kỹ



thuật của họ sau khi tham khảo ý kiến của PMT.

### **Nhóm quản lý vận hành của LHQ**

Nhóm quản lý vận hành của LHQ (OMT), bao gồm các cán bộ chủ chốt về quản lý vận hành của các cơ quan LHQ, chịu trách nhiệm xây dựng Chiến lược vận hành (BOS) cho phù hợp với các ưu tiên chương trình của Khung hành động, để tăng cơ hội nâng cao hiệu quả và chất lượng trong thực hiện chương trình. Sự phối hợp hoạt động giữa PMT và OMT sẽ nâng cao nhận thức về thực hiện chương trình và nhu cầu về nguồn lực, đồng thời giúp tăng hiệu quả trong quá trình thực hiện chương trình trong nhiều năm. OMT sẽ làm việc với PMT để thống nhất chu kỳ giám sát của Khung giám sát và Chiến lược vận hành, để đảm bảo rằng các nhu cầu, ưu tiên và thách thức chương trình đề ra trong kế hoạch Khung hợp tác hàng năm có thể giúp lập kế hoạch công việc và giám sát Chiến lược vận hành của OMT một cách phù hợp. OMT báo cáo cho UNCT tại Việt Nam.

### **Nhóm công tác LHQ về SDG**

Nhóm công tác LHQ về SDG cung cấp hỗ trợ tư vấn theo nhu cầu cho UNCT và PMT, để đảm bảo tăng cường gắn kết giữa các hỗ trợ và vận động của LHQ về lồng ghép SDG vào kế hoạch, ngân sách, theo dõi và báo cáo quốc gia. Trách nhiệm của nhóm cũng tập trung vào các chủ đề liên quan đến lồng ghép SDG (như quản trị theo cách tiếp cận toàn chính phủ và toàn xã hội, lập kế hoạch và ngân sách tích hợp, giám sát và báo cáo tích hợp cùng thu thập và sử dụng số liệu SDG liên quan) sao cho phù hợp với các hướng dẫn và kinh nghiệm SDG của LHQ tại Việt Nam. Như vậy, nhóm sẽ đóng góp làm tăng cường sự gắn kết, nhưng không tham gia trực tiếp vào các can thiệp cụ thể của các cơ quan LHQ cũng như của các Nhóm kết quả.

### **Nhóm giám sát, đánh giá và học tập của LHQ**

Nhóm giám sát, đánh giá và học tập của LHQ được

thành lập để cung cấp tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho UNCT, PMT, các Nhóm kết quả và các nhóm công tác có liên quan của LHQ về tất cả các khía cạnh liên quan đến giám sát, rà soát, báo cáo và đánh giá Khung hợp tác, trong đó có hợp tác chặt chẽ với các cơ quan Chính phủ. Nhóm sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ UNCT (có tham vấn với PMT) trong xây dựng cơ chế, công cụ, quy trình và thủ tục giám sát đánh giá liên cơ quan, để đảm bảo rằng những đóng góp của UNCT đối với các kết quả và đầu ra của Khung hợp tác được theo dõi kịp thời và hiệu quả, phù hợp với hướng dẫn của Nhóm phát triển bền vững LHQ (UNSDG) và sáu nguyên tắc chỉ đạo của LHQ<sup>47</sup>, có phối hợp với tất cả các bên liên quan bao gồm các cơ quan Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức đoàn thể, khu vực tư nhân, doanh nghiệp, đối tác phát triển, nhà nghiên cứu và học viện, cộng đồng và người dân.

### **Các Nhóm kết quả của LHQ**

Bốn Nhóm kết quả của LHQ sẽ được thành lập cho mỗi kết quả của Khung hợp tác để tăng cường điều phối nội bộ LHQ và đảm bảo cách tiếp cận thống nhất toàn hệ thống LHQ trong phân tích, lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các kết quả Khung hợp tác. Các Nhóm kết quả chịu trách nhiệm báo cáo cho UNCT và xây dựng các Kế hoạch hoạt động chung hàng năm của LHQ, nhằm tăng cường gắn kết và hỗ trợ, đồng thời giảm chồng chéo và khoảng trống can thiệp trong mỗi kết quả cũng như giữa các kết quả của Khung hợp tác. Nhóm kết quả chịu trách nhiệm điều phối, giám sát, rà soát và báo cáo việc thực hiện các can thiệp của LHQ và đóng góp của LHQ cho các đầu ra và kết quả của Khung hợp tác. Do vậy, Nhóm kết quả sẽ đóng góp đầu vào cho báo cáo của Nhóm giám sát, đánh giá và học tập của LHQ và PMT về tiến độ đạt được các kết quả của Khung hợp tác cho UNCT. Nhóm kết quả, phối hợp

47 Không để bỏ ai lại phía sau (LNOB), cách tiếp cận dựa trên quyền con người để phát triển (HRBA), bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, khả năng phục hồi, tính bền vững và trách nhiệm giải trình



với các nhóm liên cơ quan khác của LHQ, Chính phủ và các bên liên quan, sẽ tích cực tìm kiếm cơ hội xây dựng các chương trình chung, các chiến dịch vận động chung, và các kế hoạch huy động nguồn lực chung, đồng thời phối hợp với các đối tác Chính phủ để xây dựng và thực hiện các kế hoạch hoạt động chung và giám sát các chỉ số đo lường kết quả.

Nhóm kết quả của LHQ do hai thành viên của UNCT đồng chủ trì, có thành viên là các chuyên gia đại diện của tất cả các cơ quan thường trú và không thường trú LHQ, phối hợp làm việc với các nhóm công tác kỹ thuật và nhóm đối tác do Chính phủ chủ trì.

### Các Nhóm chuyên đề của LHQ

UNCT sẽ thành lập các Nhóm chuyên đề của LHQ để cùng làm việc về một số vấn đề xuyên suốt ưu tiên, như vấn đề giới, trao quyền cho thanh niên và vị thành niên, vấn đề quyền con người. Các Nhóm chuyên đề, do Điều phối viên thường trú LHQ hoặc thành viên UNCT chủ trì, sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường áp dụng tiếp cận và hành động nhất quán của LHQ đối với những vấn đề này trong tất cả các can thiệp của LHQ và của các Nhóm kết quả Khung hợp tác, Các Nhóm chuyên đề cũng hỗ trợ UNCT lồng ghép các vấn đề này vào các kế hoạch hoạt động, vào giám sát và báo cáo Khung hợp tác. Các Nhóm chuyên đề sẽ phối hợp chặt chẽ với các Nhóm kết quả và các nhóm khác để đóng vai trò là cơ chế điều phối và tạo điều kiện thuận lợi cho chia sẻ và học hỏi thông tin, phân tích chung, xây dựng thông điệp vận động và can thiệp chung liên quan đến các vấn đề này.

### Nhóm truyền thông LHQ

Nhóm Truyền thông LHQ sẽ thay mặt UNCT tại Việt Nam xây dựng và thực hiện một chiến lược truyền thông cho Khung hợp tác nhằm nêu bật và thúc đẩy sự đóng góp của LHQ trong việc đạt được các mục tiêu SDG. Các chiến lược phổ biến của Nhóm

truyền thông sẽ tính đến khả năng tiếp cận và định dạng thông tin, cân nhắc về ngôn ngữ, khả năng đọc viết và sự khác biệt văn hóa, để thông tin có thể được phổ biến và tiếp cận rộng rãi.

## 3.2 NGUỒN LỰC CHO KHUNG HỢP TÁC



Khung hợp tác được thực hiện dựa trên nguồn ngân sách huy động ở cấp quốc gia và từ các quỹ khác.

Sau khi Khung hợp tác được ký kết, Khung ngân sách sẽ được xây dựng và được sử dụng như một công cụ lập kế hoạch và quản lý tài chính để thực hiện Khung hợp tác, trong đó có ước lượng ngân sách cho các kết quả và đầu ra trong cả vòng đời của Khung hợp tác, bao gồm cả ngân sách cho vận hành và truyền thông. Việc xác định rõ hành động can thiệp của từng đầu ra sẽ giúp ích cho xây dựng Khung ngân sách. Khung ngân sách sẽ do các Nhóm kết quả xây dựng nhất quán với kế hoạch hoạt động chung, là một công cụ được UNCT sử dụng để hướng dẫn huy động nguồn lực chung, được thực hiện phối hợp với Chính phủ và các đối tác khác.

Theo hướng dẫn, Khung ngân sách sẽ có hai cấp độ: 1) Khung ngân sách nhiều năm cho toàn bộ chu kỳ Khung hợp tác, và 2) các Khung ngân sách hàng năm liên tục được theo dõi, cập nhật và là một phần của Kế hoạch hoạt động chung hàng năm. Khung ngân sách sẽ được xây dựng dựa trên phân tích bối cảnh tài chính. Tất cả những thông tin này sẽ là cơ sở để xây dựng chiến lược huy động nguồn lực cho Khung hợp tác và là căn cứ để LHQ và Chính phủ thảo luận về tài trợ cho Khung hợp tác với các bên liên quan khác, đồng thời sẽ thúc đẩy 'Thập kỷ hành động' để đầu tư vào các mục tiêu SDG cũng như tài trợ bền vững cho

Khung hợp tác. Đối với những lĩnh vực được chiến lược huy động nguồn lực xác định là có thiếu hụt ngân sách, các phương thức tiếp cận chung của LHQ, các phương thức tiếp cận của LHQ - Chính phủ và thảo luận với các bên liên quan khác sẽ bao gồm cả việc các định các cơ hội gây quỹ tài trợ cho chương trình chung.

UNCT sẽ tận dụng các quỹ chung hiện có để đáp ứng Khung tài chính và các kế hoạch hoạt động chung, dựa trên kinh nghiệm huy động thành công nguồn lực từ Quỹ phục hồi và ứng phó COVID-19 và Quỹ chung về SDG. UNCT sẽ khuyến khích các giải pháp tài chính sáng tạo và có tính xúc tác cũng như các cơ chế tài chính do Chính phủ chủ trì để hỗ trợ đạt được các mục tiêu SDG tại Việt Nam.

### 3.3 XÂY DỰNG CÁC CÔNG CỤ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA CỦA CÁC CƠ QUAN LHQ TỪ KHUNG HỢP TÁC

Các công cụ lập chương trình của các cơ quan LHQ được xây dựng nhất quán với cách tiếp cận chiến lược được trình bày trong Khung hợp tác này. Quá trình lập kế hoạch chiến lược của Khung hợp tác được hưởng lợi từ việc tham vấn Chính phủ và các đối tác khác trong quá trình xây dựng các chương trình quốc gia của các cơ quan LHQ. Các chương trình của cơ quan LHQ được xây dựng dựa trên những ưu tiên và can thiệp chiến lược của Khung hợp tác và sẽ tương thích với các kế hoạch hoạt động chung của Khung hợp tác. Để đảm bảo liên kết chặt chẽ, việc đệ trình Văn kiện Chương trình quốc gia của một số cơ quan LHQ đã tính đến các kết quả và đầu ra của Khung hợp tác, và tất cả các cơ quan khác của LHQ không có

Chương trình quốc gia cũng sẽ xây dựng các công cụ lập chương trình quốc gia cụ thể của họ dựa trên các kết quả của Khung hợp tác.

### 3.4 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUNG

Khung hợp tác là khung quốc gia thực hiện dưới sự điều phối chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan điều phối đầu mối của Chính phủ cho các chương trình, dự án của LHQ tại Việt Nam. Các cơ quan trong hệ thống LHQ và các đối tác thực hiện của họ sẽ triển khai các chương trình, dự án. Khung hợp tác sẽ được thực hiện thông qua việc xây dựng các kế hoạch hoạt động chung (JWP)<sup>48</sup> và các kế hoạch hoạt động của các cơ quan LHQ cụ thể khi cần thiết, trong đó mô tả các kết quả cụ thể cần đạt được. Trong phạm vi có thể, các cơ quan LHQ và đối tác thực hiện sẽ sử dụng Khung hợp tác đã ký và Kế hoạch hoạt động chung hoặc kế hoạch hoạt động riêng của từng cơ quan và các văn kiện dự án cụ thể để thực hiện các sáng kiến chương trình. Khi cần thiết và thích hợp, các văn kiện dự án sẽ được xây dựng sử dụng lời văn thích hợp của Khung hợp tác và Kế hoạch hoạt động chung hoặc kế hoạch hoạt động riêng của các cơ quan LHQ.<sup>49</sup>

48 Theo Quy trình hoạt động tiêu chuẩn (SOPs) của UNDG dành cho các quốc gia áp dụng "Sáng kiến Thống nhất hành động" (DaO).

49 Trong trường hợp của UNDP, Cơ quan Điều phối của Chính phủ sẽ chỉ định Cơ quan Hợp tác của Chính phủ trực tiếp chịu trách nhiệm cho sự tham gia của Chính phủ trong mỗi kế hoạch hoạt động do UNDP hỗ trợ. Thuật ngữ "Đối tác thực hiện" (implementing partner) có nghĩa là "Cơ quan thực thi" (executing agency) như được sử dụng trong Thỏa thuận hỗ trợ cơ bản tiêu chuẩn (SBAA). Khi có nhiều đối tác thực hiện trong kế hoạch hoạt động, thì đối tác thực hiện chính sẽ được xác định và là bên sẽ chịu trách nhiệm triệu tập, điều phối và giám sát tổng thể (chương trình và tài chính) của tất cả các đối tác thực hiện trong kế hoạch hoạt động để đảm bảo rằng các đầu vào được cung cấp đầy đủ và các hoạt động được thực hiện một cách chặt chẽ nhằm tạo ra kết quả cho kế hoạch hoạt động.

Kế hoạch hoạt động chung bao gồm các đầu ra dự kiến và nguồn lực đóng góp của các cơ quan LHQ cho các kết quả Khung hợp tác. Kế hoạch hành động chung sẽ giúp giảm thiểu sự phân tán và trùng lặp, đảm bảo sự gắn kết và hiệp lực trong hoạt động của các cơ quan LHQ.

Tất cả các thành viên UNCT, cả cơ quan thường trú và không thường trú, sẽ tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động chung. Kế hoạch sẽ được thảo luận trong và giữa các Nhóm kết quả để đảm bảo rằng những khoảng trống, chồng chéo, cơ hội hợp tác, và cơ hội xây dựng chương trình chung được xác định và giải quyết khi thích hợp. Kế hoạch hoạt động chung bao gồm các kết quả, đầu ra, khung ngân sách và nguồn lực, mục tiêu SDG, chỉ số đo lường kết quả, và các thước đo (markers) mức độ liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới, quyền con người, khuyết tật, v.v. ...<sup>50</sup> của các can thiệp, trong đó đóng góp của mỗi cơ quan LHQ (về đầu ra và nguồn lực) cho các kết quả Khung hợp tác nhất quán với Lý thuyết về sự Thay đổi của Khung hợp tác.

Kế hoạch hoạt động chung sẽ được xây dựng thống nhất trên nền tảng UNINFO trực tuyến. UNCT sẽ tích hợp các kế hoạch ứng phó khẩn cấp quan trọng có liên quan (ví dụ: Kế hoạch kinh tế-xã hội ứng phó COVID-19) vào Kế hoạch hoạt động chung của Khung hợp tác và theo dõi tiến độ thực hiện trên UNINFO. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động chung, các nguyên tắc không bỏ ai lại phía sau, bình đẳng giới, quyền con người và các nguyên tắc xuyên suốt khác sẽ được đảm bảo lồng ghép trong các chương trình cũng như trong ưu tiên phân bổ nguồn lực và quan hệ đối tác.

Kế hoạch hoạt động chung được UNCT phê duyệt sẽ là cơ sở cho đánh giá hoạt động hàng năm của các Nhóm kết quả, để đảm bảo rằng kế hoạch này phù hợp với bối cảnh đất nước và hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng báo cáo kết quả hàng năm của LHQ cho Chính phủ.

50 Ví dụ: Thước đo bình đẳng giới (GEM) của UNCT sẽ được sử dụng như một công cụ để theo dõi đóng góp của LHQ vào Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (GEWE)

## 3.5 CHIẾN LƯỢC VẬN HÀNH ĐỂ HỖ TRỢ KHUNG HỢP TÁC



Khung hợp tác là khung quốc gia thực hiện dưới sự điều phối chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan điều phối đầu mối của Chính phủ cho các chương trình, dự án của LHQ tại Việt Nam. Các cơ quan trong hệ thống LHQ và các đối tác thực hiện của họ sẽ triển khai các chương trình, dự án. Khung hợp tác sẽ được thực hiện thông qua việc xây dựng các kế hoạch hoạt động chung (JWP)<sup>51</sup> và các kế hoạch hoạt động của các cơ quan LHQ cụ thể khi cần thiết, trong đó mô tả các kết quả cụ thể cần đạt được. Trong phạm vi có thể, các cơ quan LHQ và đối tác thực hiện sẽ sử dụng Khung hợp tác đã ký và Kế hoạch hoạt động chung hoặc kế hoạch hoạt động riêng của từng cơ quan và các văn kiện dự án cụ thể để thực hiện các sáng kiến chương trình. Khi cần thiết và thích hợp, các văn kiện dự án sẽ được xây dựng sử dụng lời văn thích hợp của Khung hợp tác và Kế hoạch hoạt động chung hoặc kế hoạch hoạt động riêng của các cơ quan LHQ.<sup>52</sup>

LHQ tại Việt Nam đã thực hiện Chiến lược vận hành của LHQ (BOS) giai đoạn 2017-2021 sau khi chiến lược này được UNCT phê duyệt để đảm bảo cả hiệu quả chi phí và chất lượng hoạt động của LHQ, bao gồm cả những dịch vụ do Văn phòng

51 Theo Quy trình hoạt động tiêu chuẩn (SOPs) của UNDG dành cho các quốc gia áp dụng "Sáng kiến Thống nhất hành động" (DaO).

52 Trong trường hợp của UNDP, Cơ quan Điều phối của Chính phủ sẽ chỉ định Cơ quan Hợp tác của Chính phủ trực tiếp chịu trách nhiệm cho sự tham gia của Chính phủ trong mỗi kế hoạch hoạt động do UNDP hỗ trợ. Thuật ngữ "Đối tác thực hiện" (implementing partner) có nghĩa là "Cơ quan thực thi" (executing agency) như được sử dụng trong Thỏa thuận hỗ trợ cơ bản tiêu chuẩn (SBAA). Khi có nhiều đối tác thực hiện trong kế hoạch hoạt động, thì đối tác thực hiện chính sẽ được xác định và là bên sẽ chịu trách nhiệm triểu tập, điều phối và giám sát tổng thể (chương trình và tài chính) của tất cả các đối tác thực hiện trong kế hoạch hoạt động để đảm bảo rằng các đầu vào được cung cấp đầy đủ và các hoạt động được thực hiện một cách chặt chẽ nhằm tạo ra kết quả cho kế hoạch hoạt động.



Kết quả 1	Kết quả 2	Kết quả 3	Kết quả 4	Kết quả 5	Kết quả 6
Phương thức chung về mua sắm	Phương thức chung về quản lý nguồn nhân lực	Hoạt động tài chính chung	Dịch vụ công nghệ thông tin (ITC) chung	Dịch vụ vận tải và hậu cần chung	Các dịch vụ Tòa nhà xanh một LHQ chung

### Chiến lược vận hành 2017-2021: các kết quả chung

hậu cần chung của Tòa nhà xanh một LHQ cung cấp, từ đó có tác động trực tiếp đến việc đạt được các mục tiêu của chương trình chung. Nhóm quản lý vận hành của LHQ (OMT) chịu trách nhiệm giám sát quá trình xây dựng, thực hiện, theo dõi và lập kế hoạch công việc hàng năm của Chiến lược vận hành, và bằng cách đó, Nhóm quản lý vận hành sẽ tiếp tục tìm tòi và đề xuất các mô hình hoạt động sáng tạo và mức độ phối hợp giữa các cơ quan LHQ, nhằm mục đích thực hiện hiệu quả và hiệu suất Khung hợp tác và các hoạt động vận hành chung của LHQ tại Việt Nam.

Chiến lược vận hành thể hệ thứ hai sẽ được xây dựng theo hướng dẫn của LHQ, bao gồm các nhu cầu vận hành mới của Khung hợp tác 2022–2026 và bất kỳ quan hệ đối tác mới hoặc điều chỉnh, cũng như các phương thức hoặc công cụ vận hành đổi mới. Thước đo đóng góp vào bình đẳng giới (GEM) của UNCT sẽ được lồng ghép vào Chiến lược vận hành để hỗ trợ quản lý nguồn nhân lực và các hoạt động vận hành khác một cách có trách nhiệm giới.

## 3.6 QUẢN LÝ NGÂN SÁCH BAO GỒM CẢ CÁCH TIẾP CẬN HÀI HÒA ĐỂ CHUYỂN TIỀN MẶT



Các cơ quan thuộc hệ thống LHQ thực hiện áp dụng Cách tiếp cận hài hòa để chuyển tiền mặt

(cụ thể là UNDP, UNFPA và UNICEF) sẽ hỗ trợ cho xây dựng và thực hiện các hoạt động của Khung hợp tác, có thể bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ tiền mặt, vật tư, hàng hóa và thiết bị, dịch vụ mua sắm, vận chuyển, quỹ vận động, nghiên cứu và học tập, tư vấn, xây dựng chương trình, giám sát và đánh giá, các hoạt động đào tạo và hỗ trợ nhân viên. Một phần hỗ trợ của các cơ quan thuộc hệ thống LHQ có thể được cung cấp cho các tổ chức phi chính phủ theo thỏa thuận trong khuôn khổ kế hoạch công việc và văn kiện dự án cụ thể.

Hỗ trợ tiền mặt cho việc đi lại, phụ cấp, thù lao và các chi phí khác sẽ được quy định ở mức tương ứng với mức áp dụng trong nước, nhưng không cao hơn mức áp dụng cho hệ thống LHQ (như đã nêu trong các thông tư của Ủy ban dịch vụ dân sự quốc tế (ICSC)).

Các hệ thống thông tin toàn cầu bổ sung, mạng lưới văn phòng quốc gia của các cơ quan thuộc hệ thống LHQ và hỗ trợ chuyên ngành có thể bao gồm quyền truy cập vào các hệ thống thông tin do cơ quan LHQ quản lý, bao gồm danh sách các nhà tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ phát triển, và tiếp cận hỗ trợ do mạng lưới cơ quan LHQ cung cấp. Các cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ cử cán bộ và chuyên gia tư vấn để xây dựng và hỗ trợ chương trình, hỗ trợ kỹ thuật, cũng như các tham gia hoạt động giám sát và đánh giá.

Tùy thuộc vào đánh giá hàng năm và tiến độ thực hiện Khung hợp tác, ngân sách của các cơ quan thuộc hệ thống phát triển LHQ sẽ được phân bổ theo năm và theo Khung hợp tác. Ngân sách này



sẽ được rà soát và trình bày chi tiết hơn trong các kế hoạch hoạt động chung. Theo sự đồng thuận chung giữa Chính phủ và các cơ quan thuộc hệ thống phát triển LHQ, những khoản ngân sách mà các nhà tài trợ cho các cơ quan LHQ không xác định dành riêng cho can thiệp cụ thể nào có thể được phân bổ sửa dụng cho các hoạt động phù hợp về chương trình.

Chính phủ sẽ hỗ trợ cho các nỗ lực huy động ngân sách của các cơ quan thuộc hệ thống LHQ nhằm đáp ứng các nhu cầu của Khung hợp tác này và sẽ hợp tác với các cơ quan thuộc hệ thống LHQ trong: khuyến khích các Chính phủ có tiềm năng tài trợ cung cấp ngân sách cần thiết cho các cơ quan thuộc hệ thống LHQ để thực hiện các hợp phần chưa được bố trí ngân sách của Khung hợp tác; hỗ trợ nỗ lực huy động ngân sách của các cơ quan thuộc hệ thống LHQ cho thực hiện chương trình từ các nguồn khác, bao gồm cả khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài; và cho phép đóng góp từ các cá nhân, tập đoàn và quỹ tại Việt Nam để hỗ trợ chương trình này và sẽ miễn thuế cho nhà tài trợ ở mức tối đa cho phép theo luật hiện hành.

### 3.7 CẬP NHẬT BÁO CÁO PHÂN TÍCH QUỐC GIA CHUNG CỦA LHQ (CCA)

Báo cáo CCA sẽ được cập nhật thông qua các đánh giá hàng năm và khi có bất kỳ thay đổi lớn nào trong bối cảnh quốc gia (bao gồm xung đột, khủng hoảng chính trị, bối cảnh liên quan đến quyền con người, đại dịch và thảm họa). UNCT cũng có thể thấy cần tiến hành 'rà soát nhanh' định kỳ hoặc phân tích xu hướng giữa các báo cáo cập nhật hàng năm. Các báo cáo CCA cập nhật cũng sẽ sử dụng thông tin từ những đánh giá chiến lược khác khi phù hợp, nhằm tối đa hóa năng lực và tính sẵn có của thông tin. Phân tích về các nhóm người

có nguy cơ bị bỏ lại phía sau sẽ được lồng ghép trong mỗi báo cáo CCA cập nhật, dựa trên số liệu và bằng chứng mới nhất cũng như dựa trên tham vấn những người có liên quan. Báo cáo cập nhật sẽ đặc biệt chú trọng cung cấp phân tích về thực trạng người khuyết tật khi có thể, đồng thời cố gắng đảm bảo cung cấp: (a) phân tích thực trạng người khuyết tật trong ít nhất một lĩnh vực chuyên đề; hoặc (b) phân tích thực trạng người khuyết tật trong phần lớn các lĩnh vực chuyên đề, và (c) số liệu và phân tích về thực trạng người khuyết tật. Ngoài ra, phân tích giới sẽ được cập nhật trên tất cả các lĩnh vực của CCA, bao gồm cả phân tích về nguyên nhân cơ bản của bất bình đẳng và phân biệt đối xử giới. Các lĩnh vực trọng tâm phi truyền thống như thiên nhiên, năng lượng và biến đổi khí hậu sẽ được chú trọng cập nhật và phân tích. Tiếp tục tăng cường cung cấp dữ liệu nhất quán phân tổ theo giới tính và có trách nhiệm giới trong CCA khi có thể, trong đó tập trung vào các nhóm dễ bị tổn thương nhất.

Là báo cáo phân tích nhiều dữ liệu, CCA sẽ được lưu trữ và cập nhật liên tục trên một nền tảng kỹ thuật số đang được Cơ quan điều phối phát triển của LHQ (DCO) xây dựng (như một kho lưu trữ trực tuyến của các phân tích quốc gia, nguồn và cơ sở dữ liệu tự động). Các cán bộ đầu mối của Văn phòng Điều phối viên thường trú LHQ (RCO) và các cơ quan LHQ sẽ tiến hành phân tích CCA, đảm bảo rằng báo cáo CCA được cập nhật định kỳ và đóng vai trò là nguồn thông tin thường xuyên trong bối cảnh đất nước thay đổi.



# CHƯƠNG 4:

## GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KHUNG HỢP TÁC



Giám sát và đánh giá Khung hợp tác là trách nhiệm chung của Chính phủ Việt Nam và LHQ gắn với trách nhiệm chung về thực hiện Khung hợp tác. Chính phủ Việt Nam và LHQ sẽ sử dụng tối đa cơ chế Ban chỉ đạo chung để đảm bảo đủ năng lực và tiếp tục tăng cường dữ liệu dựa trên bằng chứng để hỗ trợ giám sát, rà soát, báo cáo và đánh giá Khung hợp tác. Giám sát và đánh giá Khung hợp tác sẽ áp dụng các kinh nghiệm/thực hành giám sát đánh giá tốt và dựa trên khuyến nghị của Đánh giá độc lập Chương trình chiến lược chung 2017-2021.

Giám sát các chỉ số của Khung hợp tác sẽ sử dụng số liệu quốc gia có thể kiểm chứng để đảm bảo tính nhất quán giữa hoạt động giám sát của Khung hợp tác và các công cụ và quy trình giám sát quốc gia, bao gồm cả các quy trình giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu SDG của Việt Nam.

Các hệ thống giám sát chung của LHQ kết nối và đóng góp vào việc tăng cường khung báo cáo và giám sát các mục tiêu SDG của Việt Nam (VSDG) cũng như các hệ thống thông tin và dữ liệu quốc gia và ngành khác. Các cơ chế giám sát sáng tạo, như việc sử dụng dữ liệu lớn và dữ liệu thời gian thực, sẽ được LHQ tại Việt Nam phối hợp với các cơ chế quốc gia tìm hiểu và áp dụng bất cứ khi nào có thể.

## 4.1 KẾ HOẠCH GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ HỌC TẬP

Nhóm giám sát, đánh giá và học tập sẽ thay mặt UNCT xây dựng một Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập để thực hiện trong toàn bộ thời gian của Khung hợp tác, trong đó liệt kê các hoạt động giám sát, đánh giá và học tập do UNCT và các cơ quan LHQ phối hợp với Chính phủ Việt Nam thực

hiện, với mục tiêu, thời hạn và cơ quan chịu trách nhiệm rõ ràng.

Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập sẽ được thực hiện cùng với các Nhóm kết quả để theo dõi tiến độ đạt được các kết quả dự kiến, giám sát rủi ro và giả định, xác định thách thức và cơ hội, và học hỏi để cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định và điều chỉnh định hướng trong bối cảnh đất nước đang phát triển của Việt Nam.

Các kế hoạch giám sát của các cơ quan LHQ sẽ được xây dựng dựa trên Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập của Khung hợp tác, hoặc cung cấp thông tin để xây dựng và thực hiện kế hoạch này. Kế hoạch sẽ được phối hợp chặt chẽ với các hoạt động giám sát của Chính phủ Việt Nam (bao gồm cả các điều tra và tổng điều tra cùng các đánh giá và nghiên cứu quốc gia tự nguyện) vì đây chính là nguồn dữ liệu và bằng chứng về đóng góp của LHQ cho các kết quả phát triển.

Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập sẽ xây dựng các mốc thời gian rõ ràng để sử dụng UNINFO (nền tảng lập kế hoạch, thực hiện và giám sát trực tuyến và tương tác của LHQ) trong thực hiện Khung hợp tác, và cho việc lập kế hoạch, giám sát và báo cáo công việc chung của Khung hợp tác. Nền tảng UNINFO, được tích hợp trong trang web của UNCT, cho phép theo dõi các chỉ số kết quả và đầu ra, các kết quả chung của UNCT và riêng của các cơ quan LHQ, khung ngân sách chung, các thước đo về giới và quyền con người, cũng như các hoạt động chung và riêng của các cơ quan LHQ.

## 4.2 GIÁM SÁT KHUNG HỢP TÁC



Giám sát Khung hợp tác để đảm bảo UNCT thực hiện cam kết đạt được các kết quả được đề ra trong Khung kết quả của Khung hợp tác. Trong khả năng có thể, giám sát Khung hợp tác sẽ được thực hiện nhất quán với các hệ thống, công cụ và quy trình giám sát quốc gia (bao gồm cả các quy trình giám sát kết quả thực hiện VSDG) để tăng cường quốc gia sở hữu và trách nhiệm giải trình chung của LHQ và các đối tác trong nước.

Việc giám sát sẽ được thực hiện thông qua một bộ các chỉ số kết quả và đầu ra của Khung hợp tác. Các chỉ số kết quả là một phần trong Khung kết quả của Khung hợp tác, được lựa chọn chủ yếu từ Khung chỉ số SDG quốc gia với dữ liệu cơ sở, chỉ tiêu và nguồn dữ liệu chính thức, minh bạch và sẵn có để hỗ trợ giám sát. Các chỉ số tương đương được sử dụng khi không có chỉ số VSDG hoặc SDG nào phù hợp. Các chỉ số kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát nhiệm vụ của UNCT theo Kế hoạch hành động giới (SWAP) và Kế hoạch hành động về Chiến lược hòa nhập người khuyết tật (UNDIS) của UNCT. Trong khả năng có thể, UNCT cam kết sử dụng dữ liệu phân tử cho các chỉ số kết quả theo tình trạng khuyết tật, giới tính và tuổi tác. Các chỉ số đầu ra của Khung hợp tác sẽ được xây dựng (có liên hệ với các chỉ số VSDG) trong Kế hoạch hoạt động chung của CF.

Các cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm cung cấp số liệu chính thức liên quan đến các chỉ số kết quả và đầu ra của Khung hợp tác và phối hợp với LHQ trong công tác giám sát và báo cáo Khung hợp tác như đề ra trong Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập.

Giám sát Khung hợp tác sẽ được thực hiện thông qua các cơ chế chính sau đây:

- i. Hoạt động lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo Kế hoạch hoạt động chung của các Nhóm kết quả LHQ: tập trung vào các đóng góp chung của LHQ, đồng thuận về những điều có thể đối với Kế hoạch hoạt động chung, và thông báo cho UNCT bất kỳ vấn đề nào liên quan đến điều phối và thực hiện chương trình;
- ii. Giám sát của các cơ quan LHQ: tập trung vào giám sát, báo cáo và học tập từ các dự án và chương trình cụ thể có đóng góp vào kết quả Khung hợp tác;
- iii. Giám sát của các cơ quan LHQ đối với các chương trình chung hoặc các can thiệp chung có cùng ưu tiên về địa lý hoặc lĩnh vực chuyên môn;
- iv. Đánh giá của Ban chỉ đạo: thiết lập định hướng chiến lược Khung hợp tác, thảo luận về bối cảnh và ưu tiên của quốc gia, đồng thời thống nhất về việc điều chỉnh định hướng triển khai đối với Khung hợp tác; và
- v. Hoạt động lập kế hoạch, đánh giá và báo cáo khác của các nhóm liên cơ quan của LHQ: cung cấp thông tin bổ sung về đóng góp của LHQ.

### *Giám sát rủi ro và cơ hội phát triển*

Khung hợp tác xác định một loạt các rủi ro và giả định, trong đó một số được coi là vấn đề toàn cầu và thể hiện nguy cơ liên quan đến việc đạt được các kết quả của Khung hợp tác, do vậy cần được giám sát và trao đổi thường xuyên giữa các bên.

Đầu tiên là đại dịch COVID-19 toàn cầu hiện đã tác động đáng kể đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như nguồn lực tài chính và con người cho thực hiện các chương trình. Mối đe dọa của đại dịch có thể tiếp tục gây áp lực lên các nguồn lực sẵn có, nhu cầu về các nguồn lực có thể phải chuyển hướng, cũng như có thể cần điều chỉnh các ưu tiên chương trình. Có thể cần điều chỉnh một số cam kết chính sách và quá trình xây



dụng chính sách có thể tiếp tục bị gián đoạn, do vậy cần phải giám sát liên tục và dành thời gian cho đối thoại giữa Chính phủ và LHQ để thảo luận và điều chỉnh các kế hoạch cho phù hợp.

Đại dịch cũng đã làm trầm trọng thêm các vấn đề đang tồn tại có liên quan đến tình hình địa chính trị, khuôn khổ kinh tế vĩ mô và năng lực cung cấp dịch vụ xã hội. Trong khi Kế hoạch Ứng phó và Phục hồi Kinh tế - Xã hội của LHQ và các biện pháp hỗ trợ khác sẽ đáp ứng và giảm thiểu rủi ro, những thách thức này sẽ có tác động đến kết quả phát triển trong dài hạn.

Thay đổi trong các hệ thống của Chính phủ và ý chí chính trị giảm có thể làm giảm khả năng đạt được các kết quả Khung hợp tác của hệ thống LHQ và Chính phủ, và có thể không thực hiện được một số hợp tác kỹ thuật quan trọng với các bộ và cơ quan của Chính phủ. Điều chỉnh chương trình cho phù hợp, có Ban chỉ đạo chung hoạt động tích cực, có các quy trình lập kế hoạch thường xuyên theo ngành, và có chu trình lập kế hoạch và giám sát tích hợp là những biện pháp được áp dụng để giảm thiểu rủi ro trong lĩnh vực này.

Thiếu hoặc hạn chế khả năng tiếp cận dữ liệu (có thể kiểm chứng) do gián đoạn trong hoạt động của các tổ chức thống kê và trong hoạt động giám sát mục tiêu SDG, hoặc những thay đổi trong các cơ quan Chính phủ có thể gia tăng rủi ro cho độ tin cậy và phù hợp của các hoạt động xây dựng và giám sát chính sách dựa trên bằng chứng. Có thể giảm thiểu rủi ro này bằng cách áp dụng các biện pháp mang tính bền vững để quản lý và lưu trữ dữ liệu cũng như tăng cường tin cậy trong việc chia sẻ dữ liệu.

Nhìn chung, Khung hợp tác sẽ được hưởng lợi từ các biện pháp điều chỉnh để cùng phân tích và ứng phó với các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện, bao gồm cả việc sử dụng trợ giúp từ các cơ quan cấp vùng và toàn cầu của hệ thống LHQ. Việc xây dựng và sử dụng đầy đủ các chu trình giám sát Khung hợp tác và các cơ cấu quản

trị của Khung hợp tác sẽ đảm bảo cách tiếp cận theo chu kỳ được áp dụng để theo dõi, giám sát và điều chỉnh Khung hợp tác khi cần thiết (bao gồm cả việc thiết kế các chiến lược).

#### *Giám sát Cách tiếp cận hài hòa để chuyển tiền mặt*

Liên quan đến Cách tiếp cận hài hòa để chuyển tiền mặt (HACT) (xem Phụ lục 2), Đối tác thực hiện đồng ý hợp tác với các cơ quan LHQ trong giám sát tất cả các hoạt động được hỗ trợ qua chuyển tiền mặt, sẽ tạo điều kiện cho việc tiếp cận hồ sơ tài chính liên quan, và nhân sự chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt do các cơ quan thuộc hệ thống LHQ cung cấp. Do đó, các Đối tác thực hiện đồng ý với những nội dung sau:

1. Kiểm toán định kỳ tại chỗ và kiểm toán đột xuất hồ sơ tài chính do các cơ quan LHQ hoặc đại diện của họ tiến hành, khi thích hợp và như được mô tả trong các điều khoản cụ thể của văn kiện/hợp đồng tham gia với các cơ quan thuộc hệ thống LHQ,
2. Giám sát về chương trình các hoạt động, tuân theo các tiêu chuẩn và hướng dẫn của các cơ quan LHQ về đi công tác và giám sát thực địa,
3. Kiểm toán đặc biệt hoặc định kỳ: Mỗi tổ chức LHQ, phối hợp với các cơ quan LHQ khác (khi cần và trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ điều phối tương ứng) sẽ xây dựng một kế hoạch kiểm toán hàng năm, ưu tiên kiểm toán các Đối tác thực hiện với hỗ trợ tiền mặt lớn được cơ quan LHQ cung cấp, và các Đối tác có năng lực quản lý tài chính cần được tăng cường.

### 4.3 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ QUỐC GIA HÀNG NĂM

Dưới sự lãnh đạo chung của Điều phối viên thường trú LHQ, mỗi Nhóm kết quả sẽ tiến hành Đánh giá hoạt động hàng năm với các bên liên quan để thảo luận về những thành tựu, thách thức, cơ hội và bài học kinh nghiệm trong quý cuối cùng của mỗi năm thực hiện Khung hợp tác. Các báo cáo từ cơ sở dữ liệu UNINFO là đầu vào quan trọng cho Đánh giá. Dựa trên Đánh giá này và bối cảnh thực tế của quốc gia, các Nhóm kết quả sẽ đề xuất với UNCT những sửa đổi cần thiết cho Khung hợp tác và/hoặc Kế hoạch hoạt động chung của năm sau để đảm bảo hỗ trợ của LHQ hiệu quả và phù hợp với Việt Nam.

Các báo cáo trên UNINFO, Đánh giá hoạt động hàng năm và Báo cáo phân tích quốc gia chung (CCA) cập nhật sẽ cung cấp thông tin cho xây dựng Báo cáo kết quả quốc gia hàng năm của LHQ, trong đó tổng hợp đầy đủ dấu ấn hoạt động của các cơ quan LHQ trong hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thúc đẩy tiến độ thực hiện Chương trình nghị sự 2030. Báo cáo kết quả hàng năm và đánh giá giữa kỳ (nếu có) của riêng từng cơ quan LHQ cũng sẽ cung cấp thông tin về tiến độ kết quả chương trình của Khung hợp tác. Báo cáo kết quả của UNCT sẽ cung cấp thông tin cơ sở cho Đánh giá hoạt động hàng năm của Khung hợp tác của Ban chỉ đạo và sẽ được Ban chỉ đạo thông qua để phổ biến rộng rãi.

Đánh giá hoạt động thường niên của Ban chỉ đạo sẽ được tiến hành vào quý đầu tiên của mỗi năm để thảo luận về bối cảnh phát triển của đất nước trong năm qua, thành tựu của Khung hợp tác, thách thức, cơ hội, bài học kinh nghiệm, ưu tiên và thích ứng cần có trong thực hiện Khung hợp tác.

### 4.4 ĐÁNH GIÁ

Đánh giá độc lập Khung hợp tác sẽ tiến hành vào năm 2025 (năm áp chót của Khung hợp tác) và là bước đầu tiên trong quy trình lập kế hoạch chiến lược cho chu kỳ chương trình mới. Việc đánh giá sẽ do chuyên gia tư vấn độc lập do Văn phòng Điều phối viên Thường trú LHQ ủy nhiệm thực hiện. Điều khoản tham chiếu của Đánh giá sẽ đảm bảo cách tiếp cận độc lập, trung lập, bao trùm và có sự tham gia của tất cả các bên liên quan theo đúng tiêu chuẩn và quy định của Nhóm đánh giá LHQ. Nhiều phương pháp thu thập dữ liệu sẽ được sử dụng để cho phép phân tích đa chiều, bao gồm thảo luận nhóm tập trung, khảo sát trực tuyến, hội thảo, và phỏng vấn sâu.

Đánh giá độc lập cũng sẽ dựa trên đánh giá chương trình quốc gia riêng của các cơ quan LHQ. Kết quả của Đánh giá sẽ được trình bày thông qua cơ chế Ban chỉ đạo. Tương tự như vậy, Ban chỉ đạo sẽ xây dựng phản hồi chính thức đối với từng khuyến nghị đánh giá cũng như lên kế hoạch hành động cần làm để giải quyết các khuyến nghị này (với khung thời gian và bên chịu trách nhiệm cụ thể).

# PHỤ LỤC

# PHỤ LỤC 1 – KHUNG KẾT QUẢ 2022-2026



## TÁC ĐỘNG

### Các ưu tiên phát triển quốc gia

Mục tiêu tổng thể của Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 2021-2030: Đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống hạnh phúc của người dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

**Khung khu vực:** Hiệp hội Hiến chương các quốc gia Đông Nam Á, 2008

**SDG/VSDG:** Khung hợp tác đóng góp vào việc thực hiện và đạt được tất cả 17 mục tiêu SDG, tập trung vào các mục tiêu sau: 1.1, 1.2, 2.2, 3.1, 3.2, 3.3, 3.5, 3.6, 3.7, 3.9, 4.4, 4.8, 5.1, 5.2, 5.4, 5.5, 5.3, 6.1, 6.2, 7.2, 7.3, 8.2, 8.3, 8.5, 8.7, 8.8, 9.2, 9.3, 9.4, 9.5, 9.B, 10.3, 10.4, 10.6, 10.7, 11.5, 12.4, 13.1, 13.2, 14.5, 15.1, 16.2, 16.5, 16.6, 17.19

### KẾT QUẢ 1. Phát triển xã hội bao trùm

Đến năm 2026, người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống bảo trợ xã hội có tính bao trùm, có trách nhiệm giới, nhạy cảm với người khuyết tật, công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giúp người dân Việt Nam tiếp tục thoát nghèo trên mọi chiều cạnh và trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình.

**SDG/VSDG:** 1-6

**Cơ quan LHQ:** FAO, IFAD, ILO, IOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UNICEF, UNODC, UNV, UNWOMEN, and WHO

### Giá định

Nguồn ngân sách trong nước sẽ tăng lên khi nguồn ODA giảm xuống; các hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ giúp cải thiện công tác theo dõi và đánh giá các can thiệp; các phương pháp tiếp cận phát triển sẽ dựa trên quyền; việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng sẽ diễn ra; xã hội sẽ sẵn sàng thay đổi các chuẩn mực và hành vi xã hội; cam kết của chính phủ vẫn ở mức cao và sự hỗ trợ từ các cơ quan chính phủ sẽ tiếp tục; cam kết tăng cường phòng chống HIV vẫn ở mức cao; cam kết của chính phủ đối với cách mạng 4IR và chuyển đổi kỹ thuật số vẫn ở mức cao.

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
1.1 Tỷ lệ trường học và các cơ sở giáo dục khác được tiếp cận với: (a) Internet cho mục đích học tập, (b) máy tính cho mục đích học tập, (c) cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật, theo cấp học (VSDG 4.8.1)	2019 (Báo cáo mục tiêu SDG 2020) Mâm non: (a) Internet: 10%; (b) máy vi tính: 10%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 5% Tiểu học: (a) Internet: 82,7%; (b) máy vi tính: 79,1%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 27,9%; Trung học cơ sở: (a) Internet: 88,1%; (b) máy vi tính: 87,9%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 20,7%; Trung học phổ thông: (a) Internet: 85,5%; (b) máy tính: 88%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 13,8%	2025 (Lộ trình MPTTBV / Quyết định 2257/2019 của Bộ GD & ĐT) Mâm non: (a) Internet: 20%; (b) máy tính: 20%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 9% Tiểu học: (a) Internet: 85%; (b) máy vi tính: 85%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 65% Trung học cơ sở: (a) Internet: 100%; (b) máy tính: 95%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 65% Trung học phổ thông: (a) Internet: 100%; (b) máy tính: 95%; (c) cơ sở hạ tầng phù hợp với người khuyết tật: 65%	Báo cáo hàng năm của Bộ GDĐT



Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
1.2 Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV (VSDG 4.7.2)	Năm học 2019-2020 (Bộ GDĐT) Mầm non: 9,8% Tiểu học: 68,8% Trung học cơ sở: 72,7% Trung học phổ thông: 67,8%	90% (2025-2026, Bộ GDĐT)	Báo cáo hàng năm của Bộ GDĐT
1.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi, theo dân tộc (VSDG 2.2.1)	Tổng: 19,6%; 32% trẻ em dân tộc (2020, Điều tra dinh dưỡng)	<17% ở cấp quốc gia và <28% ở trẻ em dân tộc (2025, Chiến lược dinh dưỡng quốc gia 2021-2030)	Hệ thống Giám sát dinh dưỡng quốc gia (Viện Dinh dưỡng quốc gia, Bộ YT)
1.4 Tỷ suất chết trẻ dưới 1 tuổi theo giới tính (VSDG 3.1.5)	14 trên 1000 ca sinh sống Nam: 15,8; Nữ: 12,0 (2019, Tổng điều tra dân số 2019)	Tổng số: 12,5 trên 1000 ca sinh sống (2025, Lộ trình mục tiêu VSDG)	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm (TCTK)
1.5 Tỷ số tử vong mẹ (VSDG 3.1.1)	Tổng: 46 trên 100.000 trẻ sinh sống (2019, Tổng điều tra dân số 2019)	42 (2025, các nghiên cứu và báo cáo giám sát tử vong ở bà mẹ của BYT)	Các nghiên cứu và báo cáo giám sát tử vong ở bà mẹ (Bộ YT)
1.6 Số người chết do tai nạn giao thông (VSDG 3.5.1)	6.700 (2020, niên giám Thống kê TCTK/Báo cáo mục tiêu SDG 2020)	giảm 5-10% / năm. (Lộ trình mục tiêu SDG)	Niên giám thống kê (TCTK)
1.7 Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 1.000 người không bị nhiễm HIV theo giới tính, nhóm tuổi và các quần thể đích (chỉ số mục tiêu SDG 3.2.1)	0,05 trên 1000 dân. Tổng số ca: 5200; nam (15+): 3400; nữ (15+): 1400; trẻ em (0-14 tuổi): <500 (2019, Báo cáo Toàn cầu của UNAIDS)	Giảm 80% so với số liệu năm 2010 (0,18 trên 1000 dân hoặc 16.000 trường hợp) (2025, mục tiêu ước tính của UNAIDS)	Báo cáo Toàn cầu của UNAIDS
1.8 Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng dịch vụ nước được quản lý an toàn. (SDG 6.1.1)	51% (2020, Báo cáo Bộ NNPTNT)	55% (2025, Quyết định số 4019/2019 của Bộ NN & PTNT về lộ trình mục tiêu SDG)	Báo cáo của Bộ NNPTNT

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
1.9 Tỷ suất sinh ở tuổi vị thành niên của nữ từ 15-19 tuổi trên 1.000 trẻ nữ trong độ tuổi này (VSDG 3.6.2 điều chỉnh)	Tổng: 35 Thành thị: 16; Nông thôn: 45 (2019, Tổng Điều tra dân số 2019)	33 (2025, Lộ trình SDG)	Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm (TCTK); Điều tra SDGCW2020 (TCTK-UNICEF)
1.10 Tỷ lệ phụ nữ 15-49 tuổi có chồng có nhu cầu tránh thai hài lòng với các phương pháp hiện đại (VSDG 3.6.1 điều chỉnh)	72.8% (2020, Điều tra SDGCW 2020)	75.0% (2025, mục tiêu ước lượng của UNFPA)	Điều tra SDGCW (2025) số liệu MICS Plus hàng năm
1.11 Chỉ số phát triển con người (HDI)	0.704 (2019, Báo cáo phát triển con người toàn cầu)	HDI duy trì ở mức trên 0,7 hoặc trong nhóm các nước có HDI cao cho đến năm 2030 (Chiến lược PTKTXH 2021-2030)	Báo cáo Phát triển Con người Toàn cầu (UNDP)
1.12 Tỷ lệ nghèo đa chiều theo chuẩn quốc gia (VSDG 1.1.1)	4,8% (2020, Điều tra mức sống dân cư, TCTK)	Giảm 1-1,5%/ năm đến năm 2026 (Lộ trình SDG)	Điều tra mức sống dân cư (TCTK)
1.13 Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều (tổng số, vùng, giới tính, dân tộc và tình trạng khuyết tật) (VSDG 1.1.3)	Tổng: 14,5% Thành thị: 5%; Nông thôn: 18,6%; Nam: 14,8%; Nữ: 14,2% Kinh/Hoa: 6,8%; Dân tộc thiểu số: 46,4% Trẻ em khuyết tật: 43,0% (2018, Báo cáo của TCTK-UNICEF)	Giảm 1-1,5% / năm (Lộ trình VSDG)	Báo cáo quốc gia về nghèo đa chiều ở trẻ em (TCTK, UNICEF)

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
1.14 Tỷ lệ dân số tham gia hệ thống bảo trợ xã hội (SDG 1.3.1)	<p>(1) 32,6% (hoặc 15,03 triệu) lực lượng lao động tham gia BHXH, trong đó 1,07 triệu người tham gia BHXH tự nguyện (2020, BHXHVN);</p> <p>(2) Tỷ lệ bao phủ BHYT 90,85% (2020, BHXH Việt Nam)</p> <p>(3) 13,27 triệu người lao động (26,82% lực lượng lao động) tham gia bảo hiểm thất nghiệp (2020, BHXHVN)</p> <p>(4) 3.041,731 triệu (3,41% dân số) đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (2020, BHXHVN)</p> <p>(5) 4,9 triệu người trong độ tuổi nghỉ hưu (42,8%) đã nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội (2020, Bộ LĐTBXH)</p>	<p>(1) 45% lực lượng lao động tham gia BHXH (2025, Nghị quyết số 28/NQ-TW);</p> <p>(2) 95% dân số tham gia BHYT (2025, Nghị quyết số 28/NQ-TW);</p> <p>(3) 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp (2025, Lộ trình VSDG);</p> <p>(4) 3,5% dân số hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (2025, Lộ trình VSDG);</p> <p>(5) Khoảng 55% người trong độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp xã hội (2025, Nghị quyết số 28/NQ-TW)</p>	<p>1- Báo cáo tình hình KTXH hàng năm của Chính phủ (Trang web của Chính phủ và TCTK)</p> <p>2- Báo cáo Xu hướng Lao động định kỳ (Viện khoa học lao động và xã hội, Bộ LĐTBXH)</p> <p>3- Đánh giá Kế hoạch PTKTXH quốc gia</p> <p>4- Báo cáo quốc gia về thực hiện SDG</p>
1.15 Tỷ lệ thời gian làm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công (VSDG 5.4.1)	<p>Nam 8,9 giờ / tuần</p> <p>Nữ 18,9 giờ / tuần, gấp 2,1 lần so với nam (Điều tra lực lượng lao động 2019, Báo cáo SDG 2020)</p>	Giảm số giờ trung bình của phụ nữ để làm việc nhà và chăm sóc gia đình không được trả lương so với nam giới xuống 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 [Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới]	Điều tra lao động và việc làm (TCTK)



**KẾT QUẢ 2. Ứng phó với biến đổi khí hậu, Khả năng chống chịu thiên tai, và Bền vững môi trường**

Người dân Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào môi trường an toàn và sạch hơn từ việc Việt Nam giảm thiểu tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và xây dựng khả năng chống chịu, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn, cung cấp năng lượng sạch và tái tạo cũng như quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả.

**SDG/VSDG:** 7, 11, 13-15

**Cơ quan LHQ:** FAO, IFAD, ILO, IOM, UNDP, UNEP, UNESCO, UN-HABITAT, UNICEF, UNIDO, UNODC, UNV; UNWOMEN, and WHO

**Giá định**

Người dân và doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục quan tâm đến các vấn đề môi trường và sẽ đóng góp một cách tự do và tích cực vào hành động khí hậu. Đồng thời, giả định rằng mối liên kết với những nỗ lực của khu vực và toàn cầu sẽ được đảm bảo và sẽ luôn có cơ hội tăng cường số hóa và ứng dụng công nghệ mới. Lý thuyết này cũng giả định rằng các cơ chế đổi tác sẽ thúc đẩy quan hệ đối tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp, và khu vực tư nhân.

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
2.1 Số tấn phát thải khí nhà kính (CO2 tương đương) (VSDG 11.6.4 điều chỉnh)	528,4 triệu tấn CO2 tương đương (2020, Báo cáo đóng góp quốc gia tự quyết định)	673,3 triệu tấn CO2 tương đương (2025, Đóng góp quốc gia tự quyết định)	Báo cáo của Chính phủ cho Công ước khung của LHQ về biến đổi khí hậu (Thông báo quốc gia, Báo cáo cập nhật hai năm một lần, Báo cáo minh bạch hai năm một lần, Đóng góp do quốc gia tự quyết định)
2.2 Tỷ lệ che phủ rừng (VSDG 15.2.2)	41.89% (2020, Bộ NNPTNT)	Duy trì ở mức 42% (Chiến lược PTKTXH 2021-2030, Chiến lược phát triển lâm nghiệp 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành ngày 1/4/2021)	Báo cáo về độ che phủ rừng của Bộ NNPTNT và Báo cáo về mục tiêu SDG

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
2.3 Diện tích (hecta) các khu bảo tồn biển và rừng đặc dụng (VSDG 14.5.1 điều chỉnh)	Khu bảo tồn biển: 213.000 ha - (2020, Kết quả quản lý hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam giai đoạn 2010-2020 và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030) Rừng đặc dụng: 2,17 triệu ha (2020, Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập quy hoạch rừng đặc dụng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)	Khu bảo tồn biển: 270.271 ha (2025, Kết quả quản lý hệ thống khu bảo tồn biển ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020 và nhiệm vụ giai đoạn 2021-2030) Rừng đặc dụng: 2.462.652 ha (2025, Đánh giá tình hình thực hiện Quyết định 1976 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch quy hoạch rừng đặc dụng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)	Báo cáo từ Bộ TNMT, Bộ NNPTNT
2.4 Số người chết, mất tích và bị thương do thiên tai trên 100.000 dân (VSDG 11.5.1)	357 người chết và mất tích 876 người bị thương (2020, UBQG về phòng chống thiên tai)	dưới 250 (năm 2025) Báo cáo Lộ trình	Báo cáo thường niên về tổn thất và thiệt hại (UBQG về phòng chống thiên tai)
2.5 Số cơ sở y tế và giáo dục bị phá hủy hoặc hư hại do thiên tai (liên quan đến VSDG 11.5.1)	209 trung tâm y tế và 1894 trường học bị ảnh hưởng (2020, Ban chỉ đạo QG về phòng chống thiên tai)	Duy trì giảm qua các năm	Báo cáo thường niên về tổn thất và thiệt hại (Ban chỉ đạo QG về phòng chống thiên tai)
2.6 Tỷ trọng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió trong và ngoài khơi) trong tổng năng lượng tiêu thụ cuối cùng (VSDG 7.2.1 điều chỉnh)	25% (2020, dự thảo Kế hoạch phát triển năng lượng số 8 - PDP8)	28% (2025, dự thảo Kế hoạch phát triển năng lượng số 8 - PDP8)	Bộ Công thương
2.7 Tiêu hao năng lượng so với tổng sản phẩm trong nước GDP (koE / 1000 USD GDP) (chỉ số mục tiêu SDG của VN 7.3.1)	409 (2019, Niên giám thống kê TCTK)	Giảm 1,0 - 1,5% /năm đến năm 2030 - Dự thảo Chiến lược Tăng trưởng Xanh	Niên giám thống kê (TCTK)

### KẾT QUẢ 3. Chia sẻ sự thịnh vượng thông qua chuyển đổi kinh tế

Đến năm 2026, người dân ở Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ đóng góp và hưởng lợi một cách công bằng từ các chuyển đổi kinh tế bền vững, toàn diện, có trách nhiệm giới hơn dựa trên sự đổi mới, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và công việc thỏa đáng.

**SDG/VSDG:** 5, 8-12, 17

**Cơ quan LHO:** FAO, IFAD, ILO, IOM, ITC, UNCTAD, UNDP, UNEP, UNESCO, UN-HABITAT, UNICEF, UNIDO, UNODC, UNWOMEN, and WHO.

### Giá định

Các chiến lược liên quan đến cả người di cư trong nước và ra nước ngoài

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
3.1 GDP bình quân đầu người (USD, giá hiện hành) (VSDG 8.1.3)	USD 2,779 (2020, TCTK)	Duy trì tốc độ tăng trưởng hàng năm 4-4,5% (2026, Lộ trình VSDG)	TCTK
3.2 Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức theo giới tính (VSDG8.3.1)	Tổng: 56,2%; Nữ: 51,1%; Nam: 60,5% (2020, TCTK) Việc làm để bị tổn thương: 54,1% (2019, Báo cáo phát triển con người toàn cầu)	Giảm tỷ trọng lao động phi chính thức (2026); Tỷ lệ việc làm để bị tổn thương là 51,5% vào năm 2025, 50,9% vào năm 2026, giảm khoảng 1% mỗi năm (mục tiêu ước tính của UNDP)	Điều tra lao động và việc làm (TCTK); Báo cáo phát triển con người toàn cầu (UNDP)
3.3 Tỷ lệ thất nghiệp (VSDG 8.5.2)	2.48% (2020, TCTK)	Dưới 3% vào năm 2025 (Lộ trình VSDG)	Điều tra lao động và việc làm (TCTK)
3.4 Tỷ suất người chết, bị thương do tai nạn lao động (VSDG 8.8.1)	8000 trường hợp, trong đó 1000 người chết và gần 2000 người bị thương nặng (2019, Báo cáo VSDG 2020)	Mức giảm hàng năm (a) tai nạn lao động: 5%; (b) chết người: 5%; (c) không chết người: 5% (Lộ trình mục tiêu SDG của VN năm 2025)	Báo cáo của Bộ LĐTBXH (Thanh tra Lao động)
3.5 Năng suất lao động xã hội (VSDG 8.2.1)	5.081 USD / lao động (2020, TCTK)	Tốc độ tăng trưởng hàng năm 6,5% cho đến năm 2030 (Chiến lược PTKTXH 2021-2030)	Báo cáo KTXH hàng năm (TCTK)
3.6 Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã (VSDG 5.5.5)	24% (2019, Điều tra lao động và việc làm TCTK)	27% (2025, Chiến lược quốc gia bình đẳng giới 2021-2030)	Điều tra lao động và việc làm (TCTK)
3.7 Tỷ lệ dân số sử dụng Internet (SDG 17.8.1)	68.7 % (2019, ITU World Telecommunication/Cơ sở dữ liệu chỉ số ICT)	80% by 2025, 100 % by 2030 (Chiến lược Các mạng 4IR đến năm 2030)	Cơ sở dữ liệu chỉ số ICT

#### KẾT QUẢ 4. Quản trị công và tiếp cận công lý

Đến năm 2026, người dân ở Việt Nam, đặc biệt là những người có nguy cơ bị bỏ lại phía sau, sẽ được hưởng lợi và đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn và bao trùm hơn dựa trên nền tảng quản trị công tốt hơn, thể chế có tính trách nhiệm hơn, pháp quyền được tăng cường, sự bảo vệ và tôn trọng các quyền con người, bình đẳng giới và không phân biệt đối xử. Mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử phải phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

**SDG/VSDG:** 5, 8, 10, 16

**Cơ quan LHQ:** FAO, ILO, JOM, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNFPA, UN-HABITAT, UNICEF, UNODC, UNV, and UNWOMEN.

#### Giá định

Cổ kiến thức và sự tôn trọng luật pháp, thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người, bình đẳng giới, thoát khỏi mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, một phương tiện để đảm bảo tăng cường giáo dục và các cơ hội kinh tế, mạng lưới an sinh xã hội tốt và quản lý rủi ro thiên tai tích hợp.

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
4.1 Tỷ lệ nữ đại biểu trong các cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) (VSDG 5.5.1, VSDG 5.5.4)	Quốc hội (2021): 30,26% Hội đồng nhân dân (2021): - Cấp tỉnh: 29,00% - Cấp huyện: 29,08% - Cấp xã: 28,98%	> 30% (2026)	Báo cáo của Ủy ban bầu cử và Quốc hội
4.2 Tỷ số giới tính khi sinh (VSDG 5.1.1)	112,1 (2020, Điều tra biến động dân số, TCTK)	110,0 năm 2025, 110,6 năm 2026 (Chiến lược dân số VN đến 2030)	(Các) cuộc điều tra dân số quốc gia và / hoặc (các) báo cáo quốc gia của TCTK, Bộ YT
4.3 Tỷ lệ phụ nữ từ 20-24 tuổi đã kết hôn hoặc sống chung như vợ chồng lần đầu trước 18 tuổi (VSDG 5.3.1)	9.1% (2019, Tổng điều tra dân số TCTK)	6% (2026, Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030, nhằm giảm 50% số cặp kết hôn trước 18 tuổi hoặc tảo hôn vào năm 2030)	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024 (TCTK)

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
4.4 Tỷ lệ người từ 5-17 tuổi tham gia lao động trẻ em (VSDG 8.7.1)	5.5% (2018)	4,9% (năm 2025, Chương trình quốc gia về giảm thiểu lao động trẻ em 2021-2025 và 2030)	Báo cáo khảo sát của TCTK, Bộ LĐTBXH
4.5 Mức độ tuân thủ của quốc gia đối với các quyền lao động cốt lõi (SDG 8.8.2 điều chỉnh)	(1) Việt Nam đã phê chuẩn Công ước số 98 về Quyền được tổ chức và thương lượng tập thể vào năm 2019, có hiệu lực vào năm 2020. Báo cáo đầu tiên với dữ liệu cơ sở sẽ có vào cuối năm 2021; (2) Theo lịch trình, hồ sơ phê chuẩn Công ước 87 của ILO về Tự do Hiệp hội và Bảo vệ Quyền Tổ chức dự kiến sẽ được chuẩn bị vào năm 2023	(1) Tăng số lượng các thỏa ước lao động tập thể (2) Hồ sơ phê chuẩn Công ước 87 được chuẩn bị (Nguồn: Báo cáo định kỳ của Bộ LĐTBXH và đối tác ba bên về việc thực hiện các tiêu chuẩn lao động quốc tế)	Bộ LĐTBXH
4.6 Tỷ lệ dân số hài lòng về dịch vụ công trong lần gần đây nhất (VSDG 16.6.1)	84,45% (2019, Báo cáo mục tiêu SDG của VN 2020)	86% (2025, Lộ trình VSDG)	SIPAS (Bộ Nội Vụ)
4.7 Tỷ lệ những người đã từng tiếp xúc ít nhất một lần với một công chức nhà nước và đã đưa hồi lộ cho một công chức nhà nước hoặc bị những công chức đó đòi hỏi lộ trong 12 tháng trước đó (Việc làm nhà nước, Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) (SDG 16.5.1)	PAPI (2020) - Việc làm nhà nước: 40% - Dịch vụ y tế công cộng: 28% - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 27%	<20% (2026, Lộ trình mục tiêu VSDG)	PAPI
4.8 Chỉ số Nhận thức Tham nhũng	Điểm 36/100; Xếp hạng: 104/180 quốc gia (năm 2020, CPI)	Điểm: 50-59, chuyển từ thang điểm 'tham nhũng cao' sang 'ít tham nhũng /sạch hơn' (2026)	Tổ chức minh bạch quốc tế
4.9 Số vụ phạm pháp về trật tự, an toàn xã hội	120,536 (2020)	Giảm	Báo cáo thường niên của Bộ Công an gửi Quốc hội



Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
4.10 Tỷ lệ tội phạm được phát hiện, điều tra và truy tố	Tỷ lệ vụ án hình sự được phát hiện, điều tra, khởi tố: 85,69% (năm 2020)	Tăng	Báo cáo thường niên của Bộ Công an gửi Quốc hội
4.11 Số văn bản luật/chính sách mới và sửa đổi về bảo vệ quyền của người khuyết tật do LHQ hỗ trợ	0 (2021, LHQ)	Các đề xuất được chấp nhận và đưa vào chương trình lập pháp của Quốc hội về: 1. Phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh; 2. Đề xuất sửa đổi Luật người khuyết tật; 3. Nghị định hướng dẫn Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.	Báo cáo hàng năm Quốc hội và Chính phủ
4.12 Tỷ lệ nạn nhân bạo lực giới tìm kiếm hỗ trợ từ bất kỳ dịch vụ hỗ trợ nào (liên quan đến VSDG 16.2.3)	9,6% (2019, nghiên cứu bạo lực đối với phụ nữ; TCTK – Bộ LĐTBXH)	50% (2026, Khung giám sát và đánh giá của Bộ LĐTBXH)	Khung giám sát và đánh giá của Bộ LĐTBXH của Chương trình quốc gia về bạo lực giới 2021-2025 (xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bạo lực giới)
4.13 Chỉ số Phát triển Thanh niên	0,63 (2016, Báo cáo Chỉ số Phát triển Thanh niên Toàn cầu, ASEAN và Quốc gia)	0,88 (năm 2026, Báo cáo Chỉ số Phát triển Thanh niên Toàn cầu, ASEAN và Quốc gia)	Báo cáo Chỉ số Phát triển Thanh niên Toàn cầu, ASEAN và Quốc gia
4.14 Số chuyển công tác đến quốc gia theo Quy trình Đặc biệt của Ủy ban nhân quyền LHQ được Việt Nam chấp nhận	0 (2020, OHCHR)	3 (đến 2026, OHCHR)	OHCHR
4.15 Số lượng báo cáo Việt Nam gửi cho các Cơ quan Hiệp ước	0 (2020, OHCHR)	6 (đến 2026, OHCHR)	OHCHR

Chỉ số	Dữ liệu ban đầu (năm, nguồn)	Mục tiêu (năm, nguồn)	Nguồn/Phương tiện kiểm chứng
4.16 Tỷ lệ % khuyến nghị của Rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ 3 được Việt Nam đồng ý và thực hiện	0 (2019, OHCHR)	50% (đến 2024, OHCHR)	Báo cáo UPR
4.17 Số lượng các cuộc điều tra/nghiên cứu dân số mới được thực hiện để sử dụng trong quá trình ra quyết định và giám sát SDG.	0 (2021, LHQ)	3 (2026, LHQ)	Chính phủ/TCTK và báo cáo LHQ
4.18 Số lượng vụ việc trợ giúp pháp lý trong tổ tụng	26,462 (2020, Báo cáo hàng năm của Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư Pháp)	Increased (annually, Báo cáo hàng năm của Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư Pháp)	Báo cáo hàng năm của Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư Pháp

## PHỤ LỤC 2 - PHỤ LỤC PHÁP LÝ



Chính phủ Việt Nam (sau đây gọi là “Chính phủ”) đã tham gia vào các mối quan hệ sau:

- a) Với Tổ chức Nông lương của Liên Hợp Quốc (FAO): Thỏa thuận về việc mở Cơ quan đại diện của FAO tại Việt Nam vào ngày 27 tháng 1 năm 1978.
- b) Với Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD): có Chương trình Cơ hội Chiến lược Quốc gia (COSOP) cho giai đoạn 2019-2025 đã được thống nhất với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và được thông qua tại phiên họp thứ 127 của Ban Điều hành IFAD vào tháng 9 năm 2019.
- c) Với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): Thỏa thuận về việc thành lập văn phòng ILO tại Hà Nội được ký kết vào ngày 4 tháng 2 năm 2002.
- d) Với Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM): Biên bản Ghi nhớ Thỏa thuận Hợp tác (MOU) với Chính phủ vào ngày 19 tháng 8 năm 2021 (thay thế Biên bản ghi nhớ trước đó ngày 26 tháng 9 năm 1991)
- e) Với Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- f) Với Chương trình chung của Liên Hợp Quốc về HIV / AIDS (UNAIDS), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- g) Với Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- h) Với Chương trình Phát triển LHQ (UNDP): Thỏa thuận cơ bản điều chỉnh hỗ trợ của UNDP đối với quốc gia đã được Chính phủ và UNDP ký kết (“Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn” hoặc “SBAA”) vào ngày 21 tháng 3 năm 1978. Khung Hợp tác này, cùng với kế hoạch hoạt động chung của các Nhóm kết quả sẽ cụ thể hóa các hoạt động chương trình của UNDP (sẽ tạo thành một phần của Khung hợp tác này và được đưa vào theo tham chiếu), cùng nhau tạo thành một “văn kiện dự án” như được đề cập trong SBAA. Đối tác thực hiện và UNDP sẽ ký một thỏa thuận dự án bao gồm các thỏa thuận riêng biệt cho từng dự án kèm theo văn kiện dự án liên quan.
- i) Với Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc (UNEP): Chiến lược trung hạn (2022-2025) và Chương trình công tác liên quan (2022-2023) đã được Hội đồng Môi trường LHQ lần thứ 5 (UNEA-5.1) thông qua vào tháng 2/2021.
- j) Với Tổ chức Văn hóa và Khoa học, Giáo dục của Liên Hợp Quốc (UNESCO): thỏa thuận về việc thành lập văn phòng UNESCO tại Hà Nội đã được ký với Chính phủ vào ngày 13 tháng 9 năm 1999.
- k) Đối với Quỹ Dân số LHQ (UNFPA), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.



- l) Với UN-Habitat: tổ chức hoạt động dưới sự quản lý của UNDP kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2008.
- m) Với Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), một Thỏa thuận hợp tác cơ bản (BCA) được ký kết giữa Chính phủ và UNICEF vào ngày 12 tháng 2 năm 1979.
- n) Với Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- o) Với Tổ chức Phòng chống Ma túy và Tội phạm của LHQ (UNODC), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- p) Với Văn phòng Điều phối viên Thường trú của LHQ (RCO), áp dụng Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký vào ngày 21 tháng 3 năm 1978, có sửa đổi bổ sung.
- q) Với Cơ quan Tình nguyện viên của LHQ (UNV): hoạt động dưới sự quản lý của UNDP kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2003.
- r) Với Tổ chức Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women): Hiệp định Hỗ trợ Cơ bản Tiêu chuẩn do UNDP và Chính phủ ký ngày 21 tháng 3 năm 1978 được áp dụng, với những sửa đổi bổ sung cho UN Women.
- s) Với Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Thỏa thuận Cơ bản đã được ký kết giữa Chính phủ và WHO vào ngày 6 tháng 2 năm 1980.

Đối với tất cả các cơ quan: Hỗ trợ cho Chính phủ sẽ sẵn sàng, được cung cấp và tiếp nhận theo các nghị quyết và quyết định có liên quan và có thể áp dụng của các cơ quan điều hành của cơ quan hệ thống LHQ có thẩm quyền.

KHUNG HỢP TÁC, đối với mỗi cơ quan thuộc hệ thống LHQ ký kết, được đọc, giải thích và thực hiện theo và với cách thức phù hợp với thỏa thuận cơ bản giữa cơ quan thuộc hệ thống LHQ đó và Chính phủ chủ nhà.

Chính phủ sẽ tôn trọng các cam kết của mình phù hợp với các quy định của các hiệp định hợp tác và hỗ trợ được nêu trong phần về Nền tảng Cơ sở của mối quan hệ.

Không ảnh hưởng đến các hiệp định này, Chính phủ sẽ áp dụng các quy định tương ứng của Công ước về Quyền ưu đãi và Miễn trừ của LHQ (“Công ước chung”) hoặc Công ước về Quyền ưu đãi và Miễn trừ của các Cơ quan chuyên môn (“Công ước về Cơ quan chuyên trách”) Đối với tài sản, quỹ và tài sản của Cơ quan và đối với các cán bộ và chuyên gia của họ khi đi công tác. Chính phủ cũng sẽ dành cho các Cơ quan và các quan chức của họ và cho những người khác thực hiện các dịch vụ thay mặt cho Cơ quan các quyền ưu đãi, miễn trừ và cơ sở vật chất như được quy định trong các hiệp định hợp tác và hỗ trợ giữa các Cơ quan và Chính phủ. Ngoài ra, cần hiểu rằng tất cả Tình nguyện viên của LHQ sẽ có tư cách tương đồng với các viên chức của các Cơ quan, được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ dành cho các viên chức đó theo Công ước chung hoặc Công ước về các cơ quan chuyên ngành. Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm giải quyết bất kỳ khiếu nại nào, có thể do bên thứ ba đưa ra chống lại bất kỳ Cơ quan và các quan chức, chuyên gia đi công tác nào của họ hoặc những người khác thực hiện các dịch vụ thay mặt họ và sẽ coi họ là vô hại trước bất kỳ khiếu nại và trách nhiệm pháp lý nào là kết quả của hoạt động theo các thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ, trừ trường hợp được Chính phủ và một Cơ quan cụ thể đồng ý rằng các khiếu nại và trách nhiệm pháp lý đó phát sinh do sơ suất hoặc hành vi sai trái của Cơ quan đó, hoặc của các quan chức, cố vấn hoặc người thực hiện dịch vụ của Cơ quan đó.

Không ảnh hưởng đến nguyên tắc chung của những điều đã nêu ở trên, Chính phủ sẽ bảo lãnh hoặc bồi thường thay cho các Cơ quan trước những trách nhiệm dân sự theo luật của quốc gia đối với các phương tiện do Cơ quan cung cấp nhưng dưới sự kiểm soát hoặc sử dụng của Chính phủ.

- (a) “Không có quy định nào trong Thỏa thuận này ngụ ý việc LHQ hoặc bất kỳ Cơ quan hoặc Tổ chức nào của LHQ từ bỏ bất kỳ quyền ưu đãi hoặc miễn trừ nào mà họ được hưởng hoặc sự chấp nhận của họ đối với quyền tài phán của tòa án của bất kỳ quốc gia nào đối với các tranh chấp phát sinh từ Thỏa thuận này”.
- (b) Không có nội dung nào trong hoặc liên quan đến tài liệu này sẽ được coi là từ bỏ, qua hình thức được thể hiện hoặc ngụ ý, các đặc quyền và miễn trừ của LHQ và các cơ quan trực thuộc của mình, bao gồm cả WFP, cho dù theo Công ước về Quyền ưu đãi và Miễn trừ của LHQ ngày 13 tháng 2 năm 1946, Công ước về Quyền ưu đãi và Miễn trừ của các Cơ quan chuyên môn ngày 21 tháng 11 năm 1947, nếu có, và không có quy định nào trong văn bản này hoặc bất kỳ Hợp đồng thể chế nào hoặc bất kỳ Cam kết nào sẽ được giải thích hoặc áp dụng theo cách thức, hoặc ở một mức độ, không phù hợp với các đặc quyền và miễn trừ đó.

## PHỤ LỤC 3 - PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN HÀI HÒA ĐỐI VỚI GIAO DỊCH TIỀN MẶT

Tất cả các khoản chuyển tiền mặt cho Đối tác thực hiện đều dựa trên các Kế hoạch công việc (WPs 11) đã được thống nhất giữa Đối tác thực hiện và cơ quan thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc.

Các cơ quan thuộc hệ thống LHQ có thể thực hiện chuyển tiền mặt cho các hoạt động chi tiết trong kế hoạch hoạt động chung theo các phương thức sau:

1. Tiền mặt được chuyển trực tiếp cho Đối tác thực hiện:
  - a. Trước khi bắt đầu các hoạt động (chuyển tiền trực tiếp), hoặc
  - b. Sau khi các hoạt động đã được hoàn thành (hoàn trả);
2. Thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp hoặc bên thứ ba đối với các nghĩa vụ mà Đối tác thực hiện phải gánh chịu trên cơ sở yêu cầu được ký bởi viên chức được chỉ định của Đối tác thực hiện;
3. Thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp hoặc bên thứ ba đối với các nghĩa vụ mà các cơ quan thuộc hệ thống LHQ phải đảm nhận để hỗ trợ các hoạt động đã thỏa thuận với các Đối tác thực hiện.

Trong trường hợp chuyển tiền mặt cho [tổ chức quốc gia], [tổ chức quốc gia] sẽ chuyển ngay số tiền mặt đó cho Đối tác thực hiện.

Việc chuyển tiền trực tiếp sẽ được yêu cầu và giải ngân trong thời gian thực hiện chương trình

không quá ba tháng, lên đến sáu tháng với các trường hợp ngoại lệ, phù hợp với hướng dẫn của từng tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc. Việc hoàn trả các khoản chi đã được ủy quyền trước đó sẽ được yêu cầu và phát hành hàng quý hoặc sau khi hoàn thành các hoạt động. Các cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ không có nghĩa vụ phải hoàn trả chi phí do Đối tác thực hiện chi vượt và cao hơn số tiền được ủy quyền.

Sau khi hoàn thành bất kỳ hoạt động nào, bất kỳ số dư quỹ nào sẽ được hoàn trả hoặc lên chương trình theo thỏa thuận chung giữa Đối tác thực hiện và các cơ quan thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc. Các phương thức chuyển tiền, quy mô giải ngân, phạm vi và tần suất của các hoạt động đảm bảo có thể phụ thuộc vào kết quả đánh giá năng lực quản lý tài chính công trong trường hợp là Đối tác thực hiện của Chính phủ và đánh giá năng lực quản lý tài chính của Đối tác thực hiện không thuộc UN<sup>12</sup>. Một nhà tư vấn đủ năng lực, chẳng hạn như một công ty kế toán công, được các cơ quan thuộc hệ thống LHQ lựa chọn có thể tiến hành đánh giá như vậy, trong đó Đối tác thực hiện sẽ tham gia. Đối tác thực hiện có thể tham gia vào việc lựa chọn nhà tư vấn.

Các phương thức chuyển tiền, quy mô giải ngân, phạm vi và tần suất của các hoạt động đảm bảo có thể được sửa đổi trong quá trình thực hiện chương trình dựa trên các kết quả về giám sát chương trình, giám sát và báo cáo chi tiêu và kiểm toán.

Trong trường hợp chuyển khoản hoặc hoàn trả trực tiếp bằng tiền mặt, các cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ thông báo cho Đối tác thực hiện về

số tiền đã được các cơ quan thuộc hệ thống LHQ phê duyệt và sẽ giải ngân vốn cho Đối tác thực hiện trong [tại đây ghi số ngày theo lịch trình của cơ quan thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc].

Trong trường hợp thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp hoặc bên thứ ba đối với các nghĩa vụ mà Đối tác thực hiện đảm trách trên cơ sở yêu cầu thanh toán được ký bởi viên chức được chỉ định của Đối tác thực hiện; hoặc đối với các nhà cung cấp hoặc bên thứ ba đối với các nghĩa vụ mà các cơ quan thuộc hệ thống LHQ đảm trách trong việc hỗ trợ các hoạt động đã thỏa thuận với các Đối tác thực hiện, các cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ tiến hành thanh toán trong vòng [ở đây ghi số ngày theo thỏa thuận của các cơ quan thuộc hệ thống Liên Hợp Quốc].

Các cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm trực tiếp nào theo các thỏa thuận hợp đồng được ký kết giữa Đối tác thực hiện và nhà cung cấp bên thứ ba.

Trong trường hợp các cơ quan thuộc hệ thống LHQ và cơ quan khác của hệ thống LHQ cung cấp tiền mặt cho cùng một Đối tác thực hiện, việc giám sát chương trình, giám sát tài chính và kiểm toán sẽ được thực hiện cùng hoặc phối hợp với các cơ quan trong hệ thống LHQ đó.

Báo cáo Ủy quyền quỹ và Giấy chứng nhận chi tiêu (FACE) tiêu chuẩn, phản ánh các dòng hoạt động của kế hoạch hoạt động (WP), sẽ được Đối tác thực hiện sử dụng để yêu cầu giải ngân quỹ hoặc để đảm bảo thỏa thuận rằng [cơ quan LHQ] sẽ hoàn trả hoặc trực tiếp thanh toán cho các khoản chi tiêu theo kế hoạch. Các Đối tác triển khai sẽ sử dụng FACE để báo cáo về việc sử dụng tiền mặt nhận được. Đối tác thực hiện phải xác định (các) quan chức được chỉ định và được ủy quyền cung cấp thông tin chi tiết về tài khoản, yêu cầu và xác nhận việc sử dụng tiền mặt. FACE sẽ được chứng nhận bởi (các) quan chức được chỉ định của Đối tác thực hiện.

Tiền mặt được chuyển cho Đối tác thực hiện chỉ nên được chi cho mục đích của các hoạt động và trong khung thời gian như đã thỏa thuận trong các kế hoạch hoạt động (WPs).

Tiền mặt mà Chính phủ và các Đối tác thực hiện là các tổ chức phi chính phủ trong nước nhận được sẽ được sử dụng theo các quy định, chính sách và quy trình thủ tục quốc gia đã được thiết lập phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là đảm bảo rằng tiền mặt được sử dụng cho các hoạt động như đã thống nhất trong các kế hoạch hoạt động (WPs) và đảm bảo rằng báo cáo về việc sử dụng tất cả số tiền mặt nhận được sẽ được đệ trình cho [cơ quan LHQ] trong vòng sáu tháng sau khi nhận được tiền. Trong trường hợp bất kỳ quy định, chính sách và quy trình thủ tục quốc gia nào không phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, các quy định và các quy tắc liên quan khác cũng như, chính sách và thủ tục của cơ quan thuộc hệ thống LHQ sẽ được áp dụng.

Trong trường hợp các Đối tác thực hiện là tổ chức phi chính phủ quốc tế, các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị-xã hội, và các tổ chức chính trị-xã hội-nghề nghiệp, tiền mặt nhận được sẽ được sử dụng theo các tiêu chuẩn quốc tế, cụ thể là đảm bảo rằng tiền mặt được sử dụng cho các hoạt động như đã thống nhất trong kế hoạch hoạt động (WPs) và đảm bảo rằng các báo cáo về việc sử dụng đầy đủ tất cả tiền mặt nhận được sẽ được nộp cho [cơ quan LHQ] trong vòng sáu tháng sau khi nhận được tiền.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán định kỳ và đặc biệt, mỗi Đối tác thực hiện nhận tiền mặt từ [cơ quan LHQ] sẽ cung cấp cho cơ quan hệ thống LHQ hoặc đại diện của cơ quan đó quyền tiếp cận kịp thời vào:

- tất cả các hồ sơ tài chính thiết lập hồ sơ giao dịch của các khoản chuyển tiền được cung cấp bởi LHQ

- tất cả các tài liệu liên quan và nhân sự liên quan đến hoạt động của cơ cấu kiểm soát nội bộ của Đối tác thực hiện mà thông qua đó, việc chuyển tiền đã được thực hiện.

Kết quả của mỗi cuộc kiểm toán sẽ được báo cáo cho Đối tác thực hiện và [cơ quan LHQ]. Hơn nữa, mỗi Đối tác thực hiện sẽ:

- Nhận và xem xét báo cáo kiểm toán do kiểm toán viên phát hành.
- Đưa ra một tuyên bố kịp thời về việc chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ khuyến nghị kiểm toán nào đối với [cơ quan LHQ] đã cung cấp tiền mặt (và nơi Cơ quan kiểm toán tối cao đã được xác định để thực hiện kiểm toán, bổ sung: và cho Cơ quan kiểm toán tối cao) để kiểm toán viên đưa vào các tuyên bố này trong báo cáo kiểm toán cuối cùng của họ trước khi đệ trình cho [cơ quan LHQ].
- Thực hiện các hành động kịp thời để giải quyết các khuyến nghị kiểm toán được chấp nhận.

Báo cáo về các hành động đã thực hiện để thực hiện các khuyến nghị đã được chấp nhận cho các cơ quan thuộc hệ thống LHQ (và nơi Cơ quan kiểm toán tối cao đã được xác định để tiến hành kiểm toán, bổ sung: và cho Cơ quan kiểm toán tối cao), hàng quý (hoặc theo thỏa thuận của địa phương).

- Trường hợp không có đánh giá nào về Năng lực quản lý tài chính công hoặc đánh giá tương tự đã chỉ ra những điểm yếu trong năng lực của Tổ chức Kiểm toán tối cao]: Các cuộc kiểm toán sẽ do các cơ quan thuộc hệ thống LHQ ủy quyền và do các đơn vị dịch vụ kiểm toán tư nhân thực hiện.



## PHỤ LỤC 4 – NGÂN SÁCH CF DỰ KIẾN

Stt	Cơ quan	Tổng	Dự toán ngân sách thường xuyên	Dự toán ngân sách không thường xuyên	Ngân sách cần huy động
1	FAO	\$26,000,000	\$1,000,000	\$2,000,000	\$23,000,000
2	IFAD	\$65,000,000		\$50,000,000	\$15,000,000
3	ILO	\$35,000,000	\$6,000,000	\$10,000,000	\$19,000,000
4	IOM	\$25,000,000	\$0	\$9,500,000	\$15,500,000
5	ITC	\$1,960,000	\$0	\$560,000	\$1,400,000
6	UNAIDS	\$7,020,000	\$3,770,000	\$2,500,000	\$750,000
7	UNCTAD	\$1,800,000	\$0	\$0	\$1,800,000
8	UNDP	\$121,065,000	\$9,678,000	\$50,300,000	\$61,087,000
9	UNEP	\$6,300,000	\$300,000	\$3,000,000	\$3,000,000
10	UNESCO	\$10,000,000	\$1,500,000	\$1,200,000	\$7,300,000
11	UNFPA	\$26,500,000	\$10,500,000	\$10,000,000	\$6,000,000
12	UN-Habitat	\$16,000,000	\$1,000,000	\$12,000,000	\$3,000,000
13	UNICEF	\$74,220,143	\$17,405,000	\$18,837,143	\$37,978,000
14	UNIDO	\$28,938,450	\$1,268,500	\$1,169,950	\$26,500,000
15	UNODC	\$5,000,000	\$0	\$5,000,000	\$0
16	UNV	\$0	\$0	\$0	\$0
17	UNWOMEN	\$11,636,700	\$4,335,400	\$4,321,300	\$2,980,000
18	WHO	\$70,300,000	\$17,500,000	\$0	\$52,800,000
	<b>TỔNG</b>	<b>\$531,740,293</b>	<b>\$74,256,900</b>	<b>\$180,388,393</b>	<b>\$277,095,000</b>

**WEBSITE: VIETNAM.UN.ORG**  
**FACEBOOK: @UNINVIETNAM**  
**TWITTER: @UNINVIETNAM**